

*Kính dâng,
Giác linh Cổ Hòa Thượng
Thích Thiện Hoa*

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Hòa Thượng **THÍCH THIÊN HOA**

PHẬT HỌC
PHỔ THÔNG

QUYỂN MỘT

KHÓA I - II - III - IV

(Tái bản lần thứ tám)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

HÀ NỘI - PL : 2555 - DL : 2011

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TỔ IN ẤN VÀ PHÁT HÀNH KINH SÁCH

Thực hiện

Địa chỉ: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh

ĐT: 08. 38469721 – 0933 388668



HÒA THƯỢNG THÍCH THIÊN HOA
(1918-1973)

LỜI NÓI ĐẦU

Đạo Phật truyền vào Việt Nam ta đã trên 15 Thế kỷ cho nên phần đông dân chúng nước ta là tín đồ Đạo Phật. Dân chúng thường nói “Đạo Phật là đạo của ông bà”, hay “Nhà nào có đốt hương, đều là tín đồ Đạo Phật cả...”. Kể về số lượng thì tín đồ Phật giáo ở Việt Nam thật là đông đảo; nhưng xét về phần phẩm, thì chúng ta chưa có thể lạc quan được.

Tình trạng phẩm ít, lượng nhiều ấy phát sinh vì nhiều nguyên nhân phức tạp :

– Có người theo Đạo Phật vì truyền thống của ông cha (ông cha theo Đạo Phật, nên con cháu cũng theo).

– Có người theo Đạo Phật vì cảm tình đối với thân bằng quyến thuộc, hay đối với cái Đạo đã chia sẻ những phút vui buồn, thịnh suy của đất nước.

– Có người theo Đạo Phật, vì mong cầu được tai qua nạn khỏi, hay cầu của, cầu con v.v...

Ngày nay, vẫn biết có một số đông tín đồ đã hiểu đúng giá trị cao siêu và lợi ích rộng lớn của Đạo Phật, nhưng cái số ấy không phải là đa số, nếu đem so với cái khối tín đồ hiểu Đạo một cách nông cạn, hay sai lạc nói trên.

Vì không hiểu một cách thấu đáo Đạo Phật, nên lòng tin không được chắc chắn. Mỗi khi gặp một lý thuyết nào lạ, một tôn giáo nào mới, thì họ ủa hòa tin theo, như cây thiếu rễ cái, gió thổi phía nào thì ngã rạp theo phía ấy, thật đáng buồn thương.

Tình trạng buồn thương ấy có thể bổ cứu được, nếu chúng ta có một chương trình dạy Phật pháp bằng chữ Việt. Dân tộc ta là người Việt, ở đất Việt, ăn cơm Việt, nói tiếng Việt, mà kinh sách toàn bằng chữ ngoại quốc; cả pho triết lý cao sâu của Đạo Phật vẫn còn nằm nguyên trong 3 Tạng chữ Hán, thử hỏi có mấy

ai đọc được ? Như thế thì bảo tin đồ làm sao hiểu biết giáo lý cao sâu của Đạo Phật và lòng tin làm sao vững chắc cho được ?

Nóng lòng vì tình cảnh ấy, chúng tôi bạo dạn và cố gắng soạn ra chương trình “Phật học phổ thông” này, mong giúp tin đồ mau hiểu giáo lý, thấy được chỗ quý báu của Đạo, để cho lòng tin được chơn chánh và vững bền.

Chúng tôi tự biết mình đức bạc tài sơ, chưa đủ khả năng làm việc vĩ đại này. Nhưng nếu do dự và nhún nhường mãi, rồi suốt đời cũng chẳng làm được việc gì. Chi bằng cứ cố gắng hy sinh đắp trước con đường đất, để cho các bậc có tài đức sau này sửa chữa lại, rồi cán đá và tráng nhựa.

Chương trình “Phật học phổ thông” có mục đích xây dựng cho tin đồ có căn bản giáo lý, hiểu biết Phật pháp từ thấp đến cao, lấy Ngũ thừa Phật giáo làm nền tảng.

Từ khóa thứ nhất đến khóa thứ tư, chúng tôi đã soạn hết Ngũ thừa Phật giáo. Khi tin đồ đã hiểu giáo lý căn bản nói trên rồi các khóa sau, chúng tôi sẽ mở thêm bề rộng và xây thêm bề cao của tòa nhà Phật giáo. Từ khóa thứ V đến khóa thứ XII, tin đồ sẽ tuần tự học về Đại cương Kinh Lăng Nghiêm, Viên Giác, Duy Thức Luận và Kim Cang, Tâm Kinh.

Chương trình này, chúng tôi đã soạn từ năm 1953 đến nay và đã xuất bản thành tập, từ tập Phật học phổ thông thứ nhất cho đến tập Phật học phổ thông thứ 12.

Công việc trên đây là cả một gánh nặng, mà đường lại dài, chúng tôi khẩn thiết yêu cầu những vị nhiệt tâm vì đạo, từ quý vị Đại đức Tăng-già cho đến các hàng Cư sĩ, kẻ công người của tiếp sức với chúng tôi (hoặc giúp sáng kiến, tài liệu hay tài chánh), cùng nhau xây dựng cho hoàn bị một chương trình Hoàng pháp ở nước nhà, hầu bổ cứu những khuyết điểm và dẹp bỏ những tình tệ trong Đạo Phật từ trước đến nay.

Chúng tôi chấm dứt trong sự tin tưởng ở lòng nhiệt thành vì Đạo của quý vị độc giả xa gần.

BAN HOẰNG PHÁP

PHẬT-HỌC PHỔ-THÔNG

TỔNG MỤC (12 KHÓA)



KHÓA THỨ NHẤT

Chú trọng về Nhơn thừa Phật giáo (10 bài)

KHÓA THỨ HAI

Chú trọng về Thiên thừa Phật giáo (10 bài)

KHÓA THỨ BA

Chú trọng về Thịnh văn thừa Phật giáo (10 bài)

KHÓA THỨ TƯ

**Chú trọng về Duyên giác và Bồ tát thừa Phật giáo
(10 bài)**

KHÓA THỨ NĂM

**Lịch sử truyền bá Phật giáo, 10 Tôn phái và vũ trụ,
nhơn sanh
(10 bài)**

KHÓA THỨ SÁU

Đại cương Kinh Lăng Nghiêm (8 bài)

KHÓA THỨ BẢY

Đại cương Kinh Lăng Nghiêm (8 bài)

KHÓA THỨ TÁM

Toàn bộ Kinh Viên Giác (12 bài)

KHÓA THỨ CHÍN

Duy thức học và Nhơn minh luận

KHÓA THỨ MƯỜI

Luận Đại thừa Khởi Tín

KHÓA THỨ MƯỜI MỘT

Luận Đại thừa Khởi Tín

KHÓA THỨ MƯỜI HAI

Kinh Kim Cang và Tâm Kinh

PHẬT HỌC PHỔ THÔNG

KHÓA I

*

BÀI THỨ NHỨT

ĐẠO PHẬT

DÀN BÀI

A.- MỞ ĐỀ :

Phật ra đời vì một nhân duyên lớn : Khai thị chúng sanh ngộ nhập **Phật tri kiến**.

- I.- Định nghĩa {
- 1.- Sao gọi là Đạo ?
 - 2.- Sao gọi là Phật ?
 - 3.- Sao gọi là Đạo Phật ?

B.- CHÁNH ĐỀ :

II.- Đạo Phật có từ lúc nào ?

III.- Ai khai sáng ra Đạo Phật ?

IV.- Giáo lý Đạo Phật như thế nào ? {

- Tiểu thừa.
- Đại thừa.

V.- Sự truyền bá của Đạo Phật.

VI.- Sự lợi ích của Đạo Phật.

C.- KẾT LUẬN :

1.- Khuyến học Phật.

2.- Khuyến hành theo Phật.

BÀI THỨ NHỨT

ĐẠO PHẬT

A.- MỞ ĐỀ :

PHẬT RA ĐỜI VÌ MỘT NHÂN DUYÊN LỚN : “KHAI THỊ CHÚNG SANH NGỘ NHẬP PHẬT TRI KIẾN”.

Người đời thường nói một cách hời hợt cho qua chuyện : - “Đạo nào cũng tốt”. Lời nói ấy, hoặc vì xã giao để cho vui lòng khách, hoặc vì chưa rõ bề trong của các Đạo khác nhau thế nào, nên mới nói ra như thế. Thật ra về mục đích thì đạo nào cũng có giá trị của nó, chẳng qua chỉ hơn nhau về từng bậc cao thấp mà thôi. Nhưng mục đích tốt, dù sao, cũng chưa đủ. Điều quan trọng là làm sao thực hiện được mục đích ấy, và đem lợi ích rộng lớn cho đời. Thử hỏi nếu đạo nào cũng có giá trị như nhau, thì sao trước đây 2.500 năm, trong lúc xứ Ấn Độ đã có 94 thứ đạo rồi, mà Đức Phật Thích Ca còn giảng sinh làm chi nữa ?

Chẳng qua các Đạo tuy nhiều, mà chưa được toàn “**chơn, thiện, mỹ**”, nên Đức Phật mới ứng thân thị hiện, dạy cho chúng sanh **đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác**, ngộ hầu giải thoát khỏi khổ sanh tử luân hồi, được tự tại vô ngại như Phật. Kinh Pháp Hoa chép “Vì một nhân duyên lớn, Phật mới xuất hiện ra đời”.

Nhân duyên lớn ấy là gì ? - Chính là “**Khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến**”, để cho chúng

sanh đượ: nhờ đó mà đối mê ra ngộ thấy tánh tỏ tâm, vượt sống khỏi chết, lia khổ đượ vui.

B.- CHÁNH ĐỀ :

I.- ĐỊNH NGHĨA :

1. - **Chữ Đạo nghĩa là gì ?** - Chữ Đạo có ba nghĩa : Đạo là con đường; Đạo là bốn phận; Đạo là lý tánh tuyệt đối, là bản thể.

a) *Đạo là con đường*, như người ta thường dùng trong những chữ : nhân đạo, thiên đạo, địa ngục đạo, ngạ quỷ đạo, súc sanh đạo. Phàm là con đường thì có tốt, xấu, có thiện, ác v.v... Theo Đạo Phật, hễ còn trong vòng đối đãi, thì không thể gọi là hoàn toàn rốt ráo.

b) *Đạo là bốn phận*, như người ta thường dùng những chữ : đạo vua tôi, đạo cha con, đạo thầy trò, đạo vợ chồng v.v... Phàm là bốn phận thì thường chịu ảnh hưởng của phong tục hay tập quán. Phong tục và tập quán của nước này không giống nước kia. Vì vậy, chữ Đạo là bốn phận cũng chưa đúng với nghĩa chữ Đạo mà nhà Phật muốn nói.

c) *Đạo là lý tánh tuyệt đối, là bản thể*, nó lia nói năng, không thể nghĩ bàn. Đức Lão Tử nói : “Đạo mà nói ra đượ, không phải là đạo”. Xưa có người hỏi một vị Tổ sư : - “Đạo là gì ?”. Tổ sư đáp : - “Trước Phật Oai Âm Vương, không có tên Phật và chúng sanh, lúc ấy chính là Đạo”.

Chữ Đạo của nhà Phật chính là đồng nghĩa với bản thể vậy.

2.- Chử Phật nghĩa là gì ? – Chử Phật, nói cho đúng tiếng Phạn là Bouddha (Phật-đà). Người Trung Hoa dịch nghĩa là Giác giả, (bậc đã giác ngộ, sáng suốt hoàn toàn). Giác có ba bậc :

a) *Tự giác* : Nghĩa là tự mình giác ngộ hoàn toàn do phước huệ và công phu tu hành, khác với phàm phu là những người còn mê muội, bị luân hồi trong cõi trần lao, khổ hải.

b) *Giác tha* : Nghĩa là mình đã giác ngộ, lại đem phương pháp giác ngộ ấy dạy cho những người tu hành được giác ngộ như mình. Người tu theo Tiểu thừa không thể có được giác tha, vì chỉ lo giải thoát cho mình. Chỉ người tu theo Đại thừa mới có được giác tha, nghĩa là giác ngộ cho hết thấy chúng sanh đang chìm đắm.

c) *Giác hạnh viên mãn* : Nghĩa là giác ngộ hoàn toàn đầy đủ cho mình và cho người. Những bậc Bồ-tát, tuy đã giác ngộ cho mình và cho người, nhưng công hạnh chưa viên mãn, nên chưa gọi được là “Giác hạnh viên mãn”. Chỉ có Phật mới được gọi là Giác hạnh viên mãn.

Chử Phật là một danh từ chung để gọi những bậc đã tự giác, giác tha, và giác hạnh viên mãn, chứ không phải là một danh từ riêng để gọi một người nào nhất định. Ai tu hành được chứng quả như đã nói trên đều được gọi là Phật cả.

3. Đạo Phật nghĩa là gì ? – Theo những định

nghĩa về chữ Đạo và chữ Phật đã nói trên, chúng ta có thể giải thích chữ Đạo Phật như sau :

- Đạo Phật là con đường chơn chánh, hoàn toàn sáng suốt đưa đến bản thể của sự vật, là lý tánh tuyệt đối, lìa tất cả hư vọng phân biệt, mà các đấng giác ngộ hoàn toàn đã phát minh ra.

- Đạo Phật gồm tất cả tự lợi và lợi tha, tự giác, giác tha và có công hạnh độ mình, độ người được hoàn toàn thành tựu, rốt ráo viên mãn.

II.- ĐẠO PHẬT CÓ TỪ HỎI NÀO ?

Có hai nghĩa :

- Đứng về phương diện bản thể mà xét thì Đạo Phật có từ vô thủy (nghĩa là không có đầu mối, không có giới hạn ở trong thời gian). Vì Đạo Phật là bản tánh sáng suốt của chúng sanh, nên có chúng sanh là có Đạo Phật; mà chúng sanh đã có từ vô thủy thì Đạo Phật cũng có từ vô thủy.

- Đứng về phương diện lịch sử và hạn cuộc trong thế giới này mà nói, thì Đạo Phật đã có từ 2546⁽¹⁾ năm nay (tính đến năm 2002), trước Thiên chúa giáo 544 năm.

III.- AI KHAI SÁNG RA ĐẠO PHẬT ?

Tín đồ Đạo Phật cần phải biết lịch sử Đức Giáo chủ của mình.

⁽¹⁾ Nếu tính theo năm Phật nhập Niết-bàn (2546) thì trước chúa Giáng sinh 544 năm. Nếu tính năm Phật Đản sinh thì trước chúa Giáng sinh 624 năm.

Dưới đây, xin kể sơ lược những điểm chính của đời Đức Giáo chủ, người đã khai sáng ra Đạo Phật, tức là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nguyên là Thái tử nước Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavastu) xứ Trung Ấn Độ, Phụ hoàng tên Tịnh Phạn vương Đâu-đà-na (Sudhodana); Mẫu hoàng tên là Ma Da (Maya). Họ Ngài là Kiền-đáp-ma, xưa dịch là Cù-dàm, tên Ngài là Tất-đạt-đa (Shidhartha). Còn chữ Thích Ca (Sakya), Hán dịch là Năng-nhơn : Năng là năng lực, Nhơn là từ bi. Mâu-ni (Muni) nghĩa là Tịch-mặc : Tịch là yên lặng, không bị khổ vui làm động tâm; Mặc là lặng lẽ, không bị phiền não khuấy rối, độ mình độ người, công đức đầy đủ.

Lúc nhỏ Ngài có trí tuệ sáng suốt và tài năng phi thường. Lớn lên nhìn thấy nhân sinh thống khổ, thế cuộc vô thường, nên Ngài cương quyết xuất gia tu hành, tìm đường giải thoát cho mình và cho người, ngộ hầu đưa tất cả chúng sanh lên bờ giác ngộ.

Sau sáu năm tu khổ hạnh trong núi Tuyết (Himalaya), Ngài thấy tu khổ hạnh ép xác như thế, không thể đạt được chân lý, nên Ngài đi qua núi Koda, ngồi dưới gốc cây Bồ-đề (Tất-bát-la, dịch âm theo tiếng Ấn Độ) và thề rằng : “Nếu ta không thành đạo, thì dù thịt nát xương tan, ta cũng quyết không đứng dậy khỏi chỗ này”. Với chí hùng dũng cương quyết ấy, sau 49 ngày tư duy, Ngài thấu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sanh và chứng đạo Bồ-đề. Sau khi thành đạo, Ngài chu du khắp xứ, thuyết pháp độ

sinh, để chúng sanh chuyển mê thành ngộ, lìa khổ được vui. Suốt thời gian 49 năm, như một vị lương y đại tài, xem bịnh cho thuốc, Ngài đã dắt dẫn chúng sanh lên đường hạnh phúc và vạch cho mọi người con đường giác ngộ giải thoát.

Đến 80 tuổi, Ngài nhập Niết-bàn ở thành Câu-thi-na, trong rừng Ta-la (song thọ). Lúc bấy giờ, nhằm ngày rằm tháng 2 âm lịch.

IV.- GIÁO LÝ CỦA ĐẠO PHẬT NHƯ THẾ NÀO ?

Giáo lý của Đạo Phật gồm trong 3 tạng kinh điển là kinh, luật, luận.

1. Kinh : Kinh là những lời của Đức Phật Thích Ca đã nói khi còn tại thế, để dạy chúng sanh dứt trừ phiền não và đạt đến quả Niết-bàn.

2.- Luật : Luật là những giới luật mà Phật đã chế ra cho các đệ tử, để các đệ tử răn ngừa các điều dữ, tu tập các điều lành, trau dồi thân tâm cho thanh tịnh.

3.- Luận : Luận là những sách phần nhiều do các đệ tử Phật làm ra để bàn giải rõ ràng nghĩa lý mâu nhiệm trong kinh, luật hoặc quyết đoán tánh tướng của các Pháp, phân biệt những lẽ phải chẳng của chánh đạo và tà đạo, khiến cho người đời khỏi nhận lầm phải trái, chánh tà.

Tam Tạng kinh điển lại chia làm hai loại là Đại thừa và Tiểu thừa.

Chữ Thừa nghĩa là chở, có chỗ cũng gọi là Thặng, nghĩa là cỗ xe. Thừa hay Thặng đều có hàm ý nghĩa là : Giáo lý của Phật có công năng như một chiếc xe, đưa chúng sanh từ nơi cõi trần lao phiền não đến cảnh giới an vui thanh tịnh, từ biển khổ luân hồi đến Niết-bàn, giải thoát.

Đại thừa như là cỗ xe lớn, có thể chở nhiều người trong một lúc; trái lại Tiểu thừa như là một cỗ xe nhỏ, chỉ chở mỗi lúc một vài người mà thôi.

Sở dĩ Giáo lý Đạo Phật chia ra làm Đại thừa và Tiểu thừa như thế, vì căn cơ và nguyện vọng chúng sanh không đồng nhau. Những hạng người nào nhận thấy mình chỉ đủ sức để giải thoát cho riêng phần mình mà thôi, như chiếc xe nhỏ chỉ có thể chở được một vài người, thì theo giáo lý Tiểu thừa.

Những hạng người nào tự nhận thấy mình có thể vừa giải thoát cho mình và cho người ra khỏi sanh tử luân hồi, tự nguyện độ mình và người cùng đi đến Niết-bàn, như một cỗ xe lớn, cùng chở trong một lúc được nhiều người, thì theo Đại thừa. Hạng người này rõ biết phiền não, sanh tử như huyễn hóa, nên không chịu sớm an vui ở quả vị cuối cùng của mình, mà thường độ sanh không bao giờ biết mỏi mệt; và vì nhận thấy chúng sanh và mình đồng một bản thể, cho nên khi chúng sanh còn đau khổ, thì mình chưa có thể an vui được.

V.- SỰ TRUYỀN BÁ CỦA ĐẠO PHẬT

Sau khi Phật Thích Ca nhập diệt, hai vị đại đệ tử của Phật là ngài Ca Diếp và ngài A Nan thay Phật hoằng truyền Phật pháp ở Ấn Độ. Đó là thời kỳ thứ nhất. Thời kỳ thứ hai do các vị Tổ sư Long Thọ, Mã Minh và Vô Trước lãnh đạo. Thời kỳ thứ ba các vị Tổ sư Long Trì, Thiện Vô Úy và Liên Hoa Sanh đảm nhiệm.

Từ Ấn Độ, Phật giáo lan truyền dần vào các nước lân cận, rồi toàn cõi Á đông, và cuối cùng toàn cả thế giới. Sự truyền bá này đi theo hai hướng : một hướng về phương Bắc và một hướng về phương Nam. (xem Lịch sử truyền bá Phật giáo khóa 5).

Về phương Bắc, thì gọi là Bắc phương hay là Bắc tôn Phật giáo, hay Đại thừa Phật giáo, gồm có những nước : Tây Tạng, Trung Hoa, Mông Cổ, Mãn Châu, Cao Ly, Nhật Bản, Việt Nam v.v...

Về phương Nam thì gọi là Nam phương hay Nam tôn Phật giáo, hay Tiểu thừa Phật giáo, hay Nguyên thủy Phật giáo, gồm có những nước : Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Ai Lao, Cao Mên, Nam Dương v.v...

Nhưng hiện nay nhờ sự giao thông tiện lợi và kinh điển được trao đổi khắp các nước, nên sự chia rẽ giữa Bắc tôn và Nam tôn không còn được rõ ràng như trước : trong Đại thừa vẫn có Tiểu thừa và trong Tiểu thừa vẫn có Đại thừa.

VI.- SỰ LỢI ÍCH CỦA ĐẠO PHẬT

Mục đích của Đạo Phật là đem lại những kết quả đẹp đẽ sau này cho chúng sanh :

1. Chơn thường : Chúng sanh trôi lăn, lặn hụp trong biển sanh tử luân hồi; chúng sanh sống trong cảnh vô thường, khi trẻ khi già, khi lành khi ốm, khi sống khi chết... Đạo Phật đem lại cho người tu hành một quả vị là không bao giờ bị luật vô thường nói trên chi phối.

2.- Chơn lạc : Chúng sanh đang sống trong cảnh giới tối tăm, buồn tủi, khổ đau; nếu có vui cũng chỉ vui được trong chốc lát, như người khát, uống nước mặn vào, đỡ khát trong chốc lát, rồi về sau lại càng khát hơn lúc đầu. Đạo Phật có mục đích đem lại cho kẻ tu hành một sự an vui toàn vẹn và bất tận.

3.- Chơn ngã : Chúng sanh bị không biết bao nhiêu nghịch cảnh ở chung quanh chi phối, ràng buộc, như kẻ tù tội bị giam hãm trong ngục thất, không bao giờ được tự do hoạt động theo ý muốn của mình. Đạo Phật có mục đích làm cho những người tu hành được giải thoát hoàn toàn ra ngoài những trói buộc nói trên, làm cho con người đầy đủ năng lực để thực hiện ý nguyện tốt đẹp của mình, và sống một cuộc đời an nhiên tự tại.

4.- Chơn tịnh : Chúng sanh đang sống trong cảnh giới ô trọc, lấm láp trong bùn nhơ của cõi tục, từ

trong tâm hồn cho đến ngoài thể chất. Đạo Phật có mục đích làm cho người tu hành gạn lọc được bao nhiêu ô trọc của cõi đời, được sống một cuộc sống trong trắng, tinh khiết, không vương chút bận nhơ của trần tục.

Không phải chỉ trong vị lai, Đạo Phật mới đem lại lợi ích cho đời, ngay trong xã hội hiện tại, Đạo Phật cũng đem lại nhiều lợi ích quý báu :

- Đạo Phật, nhờ tinh thần Từ bi, làm cho xã hội, nhân loại thương yêu nhau hơn.

- Đạo Phật, nhờ ánh sáng Trí tuệ, làm cho xã hội, nhân loại bớt si mê lầm lạc, thấy được đâu là giá trị thật, đâu là phỉnh phờ, giả dối.

- Đạo Phật, nhờ tinh thần Bình đẳng tuyệt đối, san bằng được những bất công của xã hội, nhân loại, và làm cho cảnh giới Ta-bà này được sáng sủa, an vui hơn.

Đó là những lợi ích mà Đạo Phật đem lại cho cõi đời.

C.- KẾT LUẬN :

Những lợi ích nói trên quý báu như thế, nhưng sẽ không bao giờ đến với chúng ta, nếu chúng ta không học và hành theo Phật.

1.- Học Phật : Đức Phật mặc dù là một đấng xuất phàm, thông minh xuất thế, nhưng khi xuất gia Ngài cũng phải học hỏi đêm ngày, hao tổn sức biết

bao nhiêu, mới phát huy ra được cái giáo lý mâu nhiệm để lại cho chúng ta. Vậy chúng ta muốn trở thành một Phật tử chân chính thì trước tiên là phải học hỏi như Phật. Chúng ta không chỉ học trong giáo lý của Ngài mà còn học qua đời sống, đức hạnh, hành vi của đời Ngài nữa.

2.- Hành theo Phật : Nhưng học mà không tập, không hành thì chẳng khác gì cái dây dựng sách, chữ nghĩa kinh sách chất chứa thật nhiều, mà chẳng có lợi ích gì cả. Vậy nên học phải đi đôi với hành. Chúng ta phải cố gắng thực hành cho được những điều đã học, làm cho được những điều mình thấy là hay là phải. Phật đã làm gì, chúng ta phải tập làm lại; Phật đã có những đức tánh Từ bi, Hỷ xả, Hoan hỷ, Tinh tấn, Thanh tịnh... chúng ta cũng cố gắng thực hiện cho được những đức tánh ấy.

Có như thế, mới khởi hổ với hai tiếng Phật tử và mới gọi là đền đáp trong muôn một, ân đức sâu dày của Đức Từ phụ Thích Ca.

HOÀNG PHÁP



BÀI THỨ HAI
LƯỢC SỬ
ĐỨC PHẬT THÍCH CA MÂU NI
(Từ Giáng sanh đến Thành đạo)

DÀN BÀI

A.- MỞ ĐỀ :

Đời Đức Phật Thích Ca là một tấm gương sáng để mọi người soi chung. Vì vậy chúng ta phải hiểu tường tận đời Ngài:

B.- CHÁNH ĐỀ :

- I.- Định nghĩa hai chữ Giáng sanh.
- II.- Hoàn cảnh và dòng dõi của Thái tử Tất-đạt-đa.
- III.- Tài năng và đức hạnh của Ngài.
- IV.- Những sự ràng buộc mà vua cha dùng để ngăn cản chí xuất gia của Ngài.
- V.- Nhận rõ 4 cảnh khổ ở đời.
- VI.- Sự xuất gia và tìm đạo của Ngài.
- VII.- Thành Đạo.
- VIII.- Ý nghĩa cao cả trong sự xuất gia tìm đạo của Ngài

C.- KẾT LUẬN :

Chúng ta nên phát tâm rộng lớn và mạnh mẽ trong sự tu hành, để xứng đáng là người theo dấu chân Phật.

BÀI THỨ HAI

LƯỢC SỬ

ĐỨC PHẬT THÍCH CA MÂU NI

(từ Giáng sanh đến Thành đạo)

A.- MỞ ĐẦU :

ĐỜI ĐỨC PHẬT THÍCH CA LÀ MỘT TẤM GƯƠNG SÁNG

Bất luận một Tôn giáo nào, vị Giáo chủ bao giờ cũng là một tấm gương sáng cho tín đồ soi chung để tiến bước. Nhưng trong các vị Giáo chủ của các Tôn giáo hiện có trên thế giới này, không có một vị nào đầy đủ ý nghĩa cao đẹp, một đời sống sâu xa bằng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Mỗi hành động, mỗi cử chỉ, mỗi lời nói, cho đến mỗi sự im lặng của Ngài đều là những bài học quý báu cho chúng ta. Nếu chúng ta học giáo lý của Ngài mà không hiểu rõ đời sống của Ngài, thì sự học hỏi của chúng ta còn phiến diện, thiếu sót. Đời Ngài chính là những biểu hiện giáo lý của Ngài. Ngài nói và Ngài thực hành ngay những lời Ngài đã nói. Đời Ngài là một bằng chứng hiển nhiên để người đời nhận thấy rằng giáo lý của Ngài có thể thực hiện được, chứ không phải là những lời nói suông, những không tưởng, những lâu đài xây dựng trên mây, trên khói.

Vậy cho nên khi chúng ta học hỏi đời Ngài, chúng ta không nên có cái quan niệm học cho biết để

thỏa mãn tánh hiếu kỳ, mà chúng ta cần phải tìm hiểu ý nghĩa thâm thúy của đời sống ấy để đem áp dụng cho đời sống của chúng ta.

Làm được như thế mới khởi phụ ý nguyện lớn lao của Đức Phật khi giáng sanh xuống cõi Ta-bà này và đã cam chịu bao nỗi đau khổ, gian lao trong kiếp sống như mỗi người chúng ta.

B.- CHÁNH ĐỀ :

I.- ĐỊNH NGHĨA HAI CHỮ “GIÁNG SANH”

Thường trong danh từ nhà Phật, khi nói đến sự hiện diện của Đức Phật Thích Ca trong cõi đời này, người ta thường dùng chữ **đản sanh** (nghĩa là một sự ra đời vui vẻ, làm hân hoan, xán lạn cho cõi đời); hay **thị hiện** (nghĩa là hiện ra bằng xương bằng thịt, cho con mắt trần của chúng ta thấy được); hay **giáng sanh** (nghĩa là từ một chỗ cao mà xuống một chỗ thấp để sanh ra).

Ba chữ ấy đều có 3 ý nghĩa khác nhau : Chữ **đản sanh** dùng để ca tụng một bậc tôn quý ra đời; chữ **thị hiện** hàm cái ý Phật bao giờ cũng có cả, nhưng vì mắt người không thấy được, phải hiện rõ ràng ra mới thấy; chữ **giáng sanh** hàm cái ý Đức Phật ở một cảnh giới cao hơn, tốt đẹp hơn mà hạ xuống cảnh giới phàm trần này. Ba chữ ấy mặc dù khác nhau, nhưng đều có thể dùng để chỉ sự ra đời của Đức Phật. Trái lại, khi một người phàm ra đời thì gọi là “đầu thai”. Đầu thai có nghĩa là bị nghiệp báo hoặc thiện hay ác

bất buộc phải luân hồi để chịu quả báo lành hay dữ. Còn giáng sanh hay thị hiện thì không hàm cái nghĩa bị nghiệp nhân câu thúc, mà do nơi lòng từ bi, muốn lợi ích cho chúng sanh, nên tự nguyện ứng thân xuất hiện ra đời trong một thời gian để cứu độ chúng sanh; xong xuôi thì thân thần tịch diệt, tự tại vô ngại ra ngoài sống chết.

II.- HOÀN CẢNH VÀ DÒNG DÕI CỦA ĐỨC PHẬT THÍCH CA

Đức Phật giáng sanh ở xứ Trung Ấn Độ, bây giờ là nước Népal, một nước ở ven sườn dãy Hy-mã-lạp-sơn, là một dãy núi cao nhất thế giới. Phong cảnh ở đấy rất đẹp; đến mùa xuân là cả nước đơm bông nảy lá như một vườn hoa vĩ đại. Dân cư ở xứ ấy rất là thuần lương. Vị vua trị vì là Tịnh Phạn, một vị vua thuộc dòng Thích Ca, là một dòng họ lớn đã mấy mươi đời nối nghiệp trị vì đất nước này. Bà Hoàng hậu Ma Da, cũng là một người thuộc dòng vua chúa đã lâu đời. Cả hai ông bà vua Tịnh Phạn đều là người đã nhiều kiếp tu hành, có đức hạnh lớn, xứng đáng làm cha mẹ muôn dân.

Một hôm, trong thành Ca-tỳ-la-vệ, là kinh đô của vua Tịnh Phạn, có lễ vía Tinh tú, vua tôi cùng nhau mở hội ăn chơi. Hoàng hậu Ma Da, sau khi dâng hương hoa cúng kiếng trong cung điện rồi, ra ngo môn bố thí thức ăn, đồ mặc cho dân bản cùng. Khi trở về cung an giấc, Bà nằm mộng thấy một con voi trắng sáu ngà từ trên hư không xuống, lấy ngà khai

hông bên hữu của Bà mà chun vào. Bà đem điều chiêm bao ấy thuật lại cho vua Tịnh Phạn nghe. Vua ra lệnh mời các thầy đoán mộng. Các nhà tiên tri đoán rằng : “Hoàng hậu sẽ sanh một vị quý tử tài đức song toàn”. Vua Tịnh Phạn rất mừng rỡ, vì ngôi báu từ đây sẽ có người truyền nối.

Đến sáng ngày mồng tám tháng tư âm lịch (trước Tây lịch 624 năm), tại vườn Lâm-tỳ-ni, cách thành Ca-tỳ-la-vệ 15 cây số, hoàng hậu Ma Da đang ngoạn cảnh, trông thấy cành hoa Vô-ưu mới nở, thơm ngát, bà đưa tay phải vói hái, thì Thái tử cũng vừa xuất hiện ngay đấy.

Ngày đản sanh Thái tử, trong thành Ca-tỳ-la-vệ, cảnh vật đều vui vẻ lạ thường, khí hậu mát mẻ, cây cỏ đều đơm hoa trở trái; sông, ngòi, mương, giếng nước đều trong đầy; trên hư không chim chóc và hào quang chiếu sáng cả mười phương.

Vua Tịnh Phạn vui mừng khôn xiết mời các vị tiên tri đến xem tướng Thái tử. Trong số ấy, có vị đạo sĩ tên A Tư Đà tu ở núi Hy-mã-lạp, tiên đoán rằng : Thái tử vì có 32 tướng tốt xuất hiện, nên sẽ trở thành một vị Thánh. Nhưng vua Tịnh Phạn lại chỉ muốn con mình làm một vị vua để nối dõi tông đường mà thôi. Vì thế, Tịnh Phạn vương muốn đổi số mệnh con mình, nên đặt tên cho Thái tử là Tất-đạt-đa (Siddartha) theo tiếng Phạn, nghĩa là : “Kẻ sẽ giữ chức vị mà mình phải

giữ". Chúc vị mà Tịnh Phạn vương muốn ám chỉ đây tức là ngôi Vua. Ngài không ngờ rằng chính thật chức vị của con Ngài là chức vị Phật.

Hoàng hậu Ma Da sau khi sanh Thái tử được bảy ngày, vui thú quá vì thấy mình đã làm tròn nhiệm vụ cao quý, và đã rửa sạch nghiệp báo, nên Bà trút được xác phàm và sanh về cõi trời Đao lợi. Vua Tịnh Phạn giao Thái tử cho em gái Hoàng hậu là Ma-ha Ba-xà-ba-đề nuôi dưỡng.

III.- TÀI NĂNG VÀ ĐỨC HẠNH CỦA THÁI TỬ

Thái tử mỗi năm mỗi lớn, thì diện mạo càng thêm khôi ngô, tài năng càng phát lộ gấp bội. Ngài có một sức khỏe hơn người, một trí thông minh xuất chúng. Từ nghề văn cho đến nghiệp võ, Thái tử học với ông nào thì trong ít hôm sau, vị giáo sư ấy phải xin cáo thối, vì không còn đủ sức để dạy nữa. Cho đến ông thầy danh tiếng đệ nhất thời bấy giờ là Sần-đề-đề-bà cũng chịu khuất phục Ngài luôn.

Nhưng, mặc dù tài sức hơn người, thông minh xuất chúng, lại ở trong địa vị cao sang quyền quý tột bậc, Thái tử không bao giờ tỏ vẻ ngạo mạn, khinh người. Ngài có một thái độ rất nhã nhặn ôn hòa, vô tư, bình đẳng. Lòng thương người, thương vật của Ngài không ai sánh kịp, hễ có dịp giúp đỡ, thì dù khó khăn bao nhiêu Ngài cũng không từ nan. Bởi thế, Ngài được Vua cha yêu quý, dưới thần dân kính trọng, nể vì.

IV.- NHỮNG RÀNG BUỘC CỦA VUA TỊNH PHẠN ĐỂ NGĂN CHÍ XUẤT GIA CỦA THÁI TỬ

Càng thương yêu, quý trọng con, vua Tịnh Phạn lại càng lo sợ con mình sẽ không ở lại với mình, mà sẽ xuất gia tìm Đạo để thành một vị Thánh, như lời tiên đoán của đạo sĩ A Tư Đà. Nhất là khi nhận thấy càng lớn, Thái tử lại càng có vẻ suy nghĩ xa xăm, và nét mặt Thái tử lại không được vui tươi như thời thơ ấu, Vua Tịnh Phạn lại càng lo sợ rằng lời tiên tri xưa sẽ thực hiện. Bởi thế, vua cùng triều thần ngầm sắp đặt mọi kế hoạch để ràng buộc Thái tử ở lại ngôi báu. Ngài truyền xây dựng ba tòa lầu đài nguy nga tráng lệ để Thái tử thay đổi nơi ăn chốn ở cho hợp thời tiết quanh năm, và chọn từng trăm cung phi, mỹ nữ có tài đàn ca hay, múa giỏi để giải khuây cho Thái tử. Nhưng chừng ấy cũng chưa đủ, Ngài còn làm lễ thành hôn cho Thái tử với một Công chúa con vua Thiện Giác là nàng Da Du Đà La, một Công chúa tuyệt đẹp và đức hạnh vô cùng.

Thái tử bị bắt buộc phải lập gia thất và có một con là La Hầu La.

Nhưng, mặc dù sống trong cuộc đời quá đầy đủ : nào chức tước, danh vọng, nào lầu đài cung điện, nào đàn ca múa hát, nào vợ đẹp con ngoan, Thái tử vẫn thấy lòng mình nặng trĩu bao nỗi băn khoăn, thắc mắc. Ngài cho cảnh đời Ngài đang sống đây không phải là hạnh phúc chân thật, mà là cảnh giả dối, mê muội, chỉ làm cho kiếp sống thêm nặng nề đau khổ.

Ngài thấy cần phải tìm một lối thoát, một cuộc sống chân thật, có ý nghĩa và cao đẹp hơn.

V.- NHẬN RÕ 4 TƯỚNG KHỔ Ở ĐỜI

Một hôm, nhân ngày lễ hạ điền, Thái tử theo vua cha ra đồng xem dân chúng cày cấy. Cảnh xuân, mới nhìn qua, thật là đẹp mắt, nào hoa lá tốt tươi, muôn chim đua hót; nào bầu trời quang đãng, gió xuân phơi phới. Cảnh tượng có vẻ thái bình, an lạc lắm. Nhưng tâm hồn Thái tử không phải là một tâm hồn hời hợt, xét đoán một cách nông nổi. Trái lại, Ngài nhìn sâu vào trong cảnh vật và đau đớn nhận thấy rằng cõi đời không đẹp để an vui như khi mới nhìn qua. Ngài thấy người nông phu và trâu bò làm việc một cách cực nhọc dưới ánh nắng thiêu đốt, để đổi lấy bát cơm, nắm cỏ. Chim chóc tranh nhau ăn tươi nuốt sống côn trùng đang giãy giụa trên những luống đất mới cày. Cũng trong lúc ấy, trong bụi rậm người thợ săn đang nhắm bắn những con chim kia, và trong khu rừng gần đấy, bọn hổ báo đang rình bắt người thợ săn. Thật là một cảnh tượng tàn tương sát, không phút giây nào ngừng ! Chỉ vì miếng ăn để sống mà người và vật dùng đủ mọi phương kế để giết hại lẫn nhau không biết gớm. Ngài nhận thấy rõ ràng sự sanh sống là khổ.

Một hôm khác, Ngài xin phép Vua cha đi dạo ngoài bốn cửa thành để được tiếp xúc với thần dân. Ra đến cửa Đông, Ngài gặp một ông già tóc bạc, răng rụng, mắt lờ, tai điếc, lưng còng, nường gậy lần từng bước ngập ngừng như sắp ngã.

Đến cửa Nam, Thái tử thấy một người đau nằm trên cỏ, đang khóc than rên siết, đau đớn vô cùng.

Đến cửa Tây, Ngài trông thấy một cái thây chết nằm giữa đường, ruồi lằng bu bám, và sinh lên, trông rất ghê tởm.

Ba cảnh khổ già, đau, chết, cộng thêm vào cái ấn tượng tương tàn tương sát trong cuộc sống mà Thái tử đã nhận thấy khi đi xem lễ cày ruộng, làm cho Ngài đau buồn, thương xót chúng sanh vô cùng.

Một hôm khác nữa, Ngài ra cửa Bắc, gặp một vị tu sĩ tướng mạo nghiêm trang, điềm tĩnh, và thần nhiên như người vô sự đi ngang qua đường. Thái tử thấy trong lòng nảy sinh một cảm mến đối với vị tu sĩ. Ngài vội vã đến chào mừng và hỏi về ích lợi của sự tu hành. Vị Sa-môn đáp rằng : “Tôi tu hành là quyết dứt bỏ mọi sự ràng buộc giữa cõi đời, để cầu cho mình khỏi khổ và được chánh giác để phổ độ chúng sanh đều được giải thoát như mình”.

Lời giải đáp đã đáp trúng với hoài bão mà Thái tử đang ấp ủ bấy lâu, nên Ngài khôn xiết vui mừng. Ngài liền trở về cung, xin vua cha cho mình xuất gia. Vua Tịnh Phạn không nhận lời. Thái tử yêu cầu vua cha 4 điều, nếu vua giải quyết được thì Ngài sẽ hoãn cuộc đi tu, để ở lại lo chăn dân, trị nước. Bốn điều ấy là :

- 1.- Làm sao cho con trẻ mãi không già.
- 2.- Làm sao cho con mạnh mãi không đau.

3.- Làm sao cho con sống hoài không chết.

4.- Làm sao cho mọi người hết khổ.

Bốn điều này làm cho vua cha bối rối, không thể giải quyết được một điều nào cả.

VI.- SỰ XUẤT GIA TÌM ĐẠO

Vua Tịnh Phạn, khi biết được ý định xuất gia của Thái tử, lại càng lo sợ, tìm hết cách để ngăn cản, ràng buộc Ngài trong “Cung Vui”. Nhưng một khi Thái tử đã quyết, thì không có sức mạnh gì ngăn trở được ý định của Ngài.

Một đêm khuya, thừa dịp quân lính canh gác và cung phi mỹ nữ say ngủ sau một cuộc yến tiệc linh đình, Thái tử lén trốn dậy, nhìn vợ con từ biệt một lần cuối, rồi đánh thức tên giữ ngựa Xa-nặc dậy, thắng yên cương, và hai thầy trò cùng nhau trốn ra khỏi thành. Lúc bấy giờ nhằm đêm mông tằm tháng hai, và Ngài đã được 19 tuổi.

Sau khi dứt bỏ cuộc đời vương giả, Thái tử đi vào rừng sâu tìm Đạo.

Ban đầu, Ngài đến ở với các vị tu khổ hạnh. Những hạng người này sống một cách kham khổ, nhịn ăn nhịn uống, dãi nắng, dầm sương, hành thân hoại thể một cách ghê rợn. Thấy cách tu hành như thế không có hiệu quả, Ngài khuyên các vị ấy nên bỏ phương pháp tu hành ấy, nhưng họ không nghe. Ngài lấy làm thương cho họ, bèn tìm nơi khác mà tu hành.

Ngài đi hết chỗ này đến chỗ khác, ở đâu nghe có một vị tu hành đắc đạo thì Ngài tìm đến học; nhưng đến đâu Ngài thấy Đạo của họ cũng còn hẹp hòi, thấp thỏi, không thể giải thoát cho con người hết khổ được. Từ đấy, Ngài tìm đến chốn tu tập một mình, đêm ngày nghiên ngẫm đến Đạo giải thoát, quên ăn bỏ ngủ, thân hình mỗi ngày mỗi tiêu tụy. Một hôm Ngài kiệt sức, nằm ngã lịm trên cỏ, và được một người chăn cừu đến đổ sữa cho Ngài tỉnh lại. Từ đó, Ngài nhận thấy nếu muốn tìm Đạo có kết quả, cần phải bồi dưỡng thân thể cho được mạnh khỏe, chứ không thể bỏ quên nó đi được.

Khi thấy mình đã đầy đủ sức lực để chiến đấu trong một trận cuối cùng với bóng tối si mê và dục vọng, và đem lại ánh sáng Giác ngộ, Ngài đến ngồi nhập định dưới gốc cây Bồ-đề và thề rằng : “Nếu ta không thành Đạo thì dù thịt nát xương tan, ta cũng quyết không đứng dậy khỏi chỗ này”.

VII.- THÀNH ĐẠO

Thái tử đã ngồi nhập định suốt 49 ngày đêm dưới gốc Bồ-đề. Trong 49 ngày ấy, Ngài đã chiến đấu với bọn giặc phiền não ở nội tâm như tham, sân, si, nghi, mạn... và chiến đấu với giặc Thiên ma do Ma-vương Ba-tuần chỉ huy.

Sau khi thắng được cả giặc ở nội tâm lẫn ngoại cảnh, tâm trí được khai thông, Ngài hốt nhiên đại ngộ.

Trong đêm thứ 49, vào canh hai, Ngài chứng được quả “Túc-mệnh-minh”, thấy rõ được tất cả khoảng đời quá khứ của mình trong tam giới. Đến nửa đêm, Ngài chứng được quả “Thiên-nhãn-minh”, thấy được tất cả bản thể của vũ trụ và nguyên nhân cấu tạo của nó. Đến canh tư, Ngài chứng được quả “Lậu-tận-minh”, rõ biết nguồn gốc của đau khổ và phương pháp dứt trừ đau khổ để được giải thoát khỏi sanh tử luân hồi.

Từ ngày ấy, Ngài được Đạo vô thượng thành bậc “Chánh đẳng Chánh giác”, hiệu là Phật Thích Ca Mâu Ni. Ngày thành Đạo của Ngài, tính theo Âm lịch là ngày mồng 8 tháng 12, vào lúc sao mai mọc. Lúc ấy Ngài được 30 tuổi.

VIII.- Ý NGHĨA CAO CẢ TRONG SỰ XUẤT GIA TÌM ĐẠO CỦA ĐỨC PHẬT

Những tướng sĩ chiến thắng quân địch ở ngoài chiến trường, thường được ca tụng là anh hùng. Càng chiến thắng được nhiều quân địch lại càng được hoan hô là anh hùng cái thế. Nhưng những kẻ anh hùng cái thế ấy, như Nã-phá-luân, Thành-cát Tư-hãn, Xê-da (César), đã có ai chiến thắng được những dục vọng của chính mình ? Cho nên thắng người đã khó mà thắng mình lại càng khó hơn. Đức Phật đã thắng cả ngoại cảnh lẫn nội tâm, đã thắng được cả giặc Ma-vương lẫn giặc Dục-vọng. Đức Phật thật xứng đáng với các danh hiệu Đại Hùng, Đại Lực.

Ngài lại không phải vì quyền lợi riêng mình mà chiến đấu. Ngài chiến đấu vì tình thương. Mà tình thương ở đây cũng không phải chỉ nằm trong phạm vi hẹp hòi của gia đình : thương cha mẹ, vợ con, bè bạn. Tình thương ở đây là tình thương đối với tất cả chúng sanh, tất cả cõi đời. Tình thương ấy nó rộng sâu như trời bể, thiết tha như tình mẹ thương con. Đức Phật thật xứng đáng với danh hiệu Đại-từ, Đại-bi.

Lại vì tình thương ấy, Ngài đã hoan hỷ lìa bỏ ngôi báu, cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con ngoan, đàn hay múa đẹp, mùi ngon vị lạ, để sống một cuộc đời kham khổ, đạm bạc, thiếu thốn, giữa rừng thiêng nước độc. Và một khi đã rời bỏ những thứ mà người đời cho là quý báu nói trên, Ngài không một phút giây nào hối tiếc, muốn quay về để hưởng thụ lại. Bằng cứ là Ma vương đã sai con gái mình giả làm nàng Da-du đến kêu gọi van xin Ngài trở về cung, mà Ngài cũng không chút động tâm thối chuyển. Ngài thực xứng đáng với danh hiệu là Đại-hỷ, Đại-xả.

Cho nên ngày nay, mỗi khi xưng tán danh hiệu Ngài, chúng ta không thể không suy ngẫm cái ý nghĩa sâu sắc và đúng đắn mà người đời từ xưa đến nay đã tôn xưng Ngài là Đại-hùng, Đại-lực, Đại-từ, Đại-bi, Đại-hỷ, Đại-xả.

C.- KẾT LUẬN :

CHÚNG TA NÊN PHÁT TÂM RỘNG LỚN VÀ MẠNH MẼ

Chúng ta đã được biết qua đời sống của Đức Phật từ khi sơ sinh cho đến thành đạo. Bài học của đời Ngài dạy cho chúng ta nhiều ý nghĩa, nhiều phương diện quý báu.

Nhưng điều quý báu nhất đối với những kẻ sơ cơ như chúng ta là phải phát tâm Bồ-đề rộng lớn, nguyện vì đời, vì đồng bào, đồng loại mà tu hành, chứ không phải chỉ vì lợi ích riêng cho mỗi cá nhân chúng ta.

Chúng ta lại phải phát tâm đồng mãnh, tích cực trong sự tu hành; một khi đã vào đường đạo, thì dù gặp nguy nan, hiểm trở khó khăn cũng nhất quyết không thối lui quay gót. Chúng ta phải tập cho được cái đức kiên chí như Đức Phật khi ngồi thiền định dưới gốc Bồ-đề.

Được như vậy mới xứng đáng là “chân chánh Phật tử”.

HOẰNG PHÁP



BÀI THỨ BA
LƯỢC SỬ
ĐỨC PHẬT THÍCH CA MÂU NI
(Từ Thành đạo đến nhập Niết-bàn)

DÀN BÀI

A.- MỞ ĐỀ :

Đức Phật đã vì đại nguyện mà xuất gia tìm đạo. Khi thành đạo Ngài cũng vì đại nguyện mà đi hóa độ chúng sanh.

- B.- CHÁNH ĐỀ :**
- | | | | |
|---|-------------------------------------|---|-------------------------------------|
| { | <i>I.- Sự hóa độ của Đức Phật</i> | { | 1. Hóa độ theo thứ lớp, căn cơ. |
| | | | 2. Hóa độ tùy phương tiện. |
| | | | 3. Hóa độ theo tinh thần bình đẳng. |
| | | | |
| | <i>II.- Năm thời nói kinh.</i> | | |
| | <i>III.- Sự hóa độ viên mãn.</i> | | |
| | <i>IV.- Trước khi nhập Niết-bàn</i> | { | 1. Phật tuyên bố sắp lìa cõi đời. |
| | | | 2. Phật nói kinh Di-giáo phú chúc. |

C.- KẾT LUẬN :

- | | |
|---|--|
| { | 1.- Khuyên Phật tử nên noi gương Phật. |
| | 2.- Khuyên tín đồ nên nhớ lời di chúc của Phật |

BÀI THỨ BA LƯỢC SỬ

ĐỨC PHẬT THÍCH CA MÂU NI

(Từ Thành đạo đến nhập Niết-bàn)

A.- MỞ ĐẦU :

Trong bài trước, chúng ta đã thấy Đức Phật Thích Ca vì một đại nguyện lớn lao, vì một lòng từ bi vô bờ bến mà xuất gia tìm đạo. Đại nguyện và lòng từ bi lớn lao ấy là : “Cầu thành Phật quả để trên đền đáp bốn ơn sâu, dưới cứu vớt ba đường khổ”. Cho nên sau khi giác ngộ, Ngài không vội nhập Niết-bàn, mà nghĩ ngay đến sứ mạng của Ngài là : thay thế chư Phật đời trước, tiếp tục chuyển mê khai ngộ cho tất cả mọi người.

Sứ mạng ấy Ngài biết trước không phải dễ dàng, vì cái Đạo của Ngài là cao thâm huyền diệu, mà chúng sanh căn cơ lại không đều, và từ muôn kiếp đã lặn hụp trong si mê lầm lạc, khó có thể nhận hiểu ngay được ý nghĩa cao thâm của giáo lý Ngài. Chúng sanh từ lâu đời lâu kiếp quen sống trong bóng tối của si mê, ngày nay chắc không khỏi chóa mắt, hoảng sợ khi tiếp xúc với ánh sáng bùng chói của Trí tuệ.

Nhưng Ngài xét biết rằng mặc dù sống trong tăm tối, nhưng mỗi chúng sanh đều có mầm Phật tánh, như hoa sen, mặc dù sống trong bùn tanh hôi, nhưng

vẫn tỏa nhụy vàng thơm ngát. Ngài cương quyết thực hiện sứ mạng của mình.

B.- CHÁNH ĐỀ :

I.- SỰ HÓA ĐỘ RỘNG LỚN VÀ CÙNG KHẮP CỦA ĐỨC PHẬT

Sứ mạng hóa độ của Đức Phật, như chúng ta đã biết, thật nặng nề và khó khăn. Nhưng nhờ trí tuệ sáng suốt, nhờ lòng từ bi rộng sâu, nhờ tinh thần bình đẳng triệt để và nhờ ý chí đồng mạnh không thối chuyển mà Đức Phật đã hoàn thành sứ mạng của mình một cách viên mãn. Trong khi hóa độ, Ngài đã dựa theo ba nguyên tắc sau đây :

1.- Hóa độ theo thứ lớp căn cơ

Khi bắt đầu đi truyền đạo, ý nghĩ trước tiên của Ngài là đến vườn Lộc uyển tìm mấy người bạn đồng tu với Ngài trước kia để thuyết pháp. Mấy người bạn ấy là các ông : Kiều Trần Như, Ác Bệ, Thập Lực, Ma Ha Nam và Bạc Đề. Bài thuyết pháp đầu tiên ấy là Tứ-diệu-đế. Năm vị này đều được khai ngộ, và trở thành năm đệ tử đầu tiên của Ngài. Kế đó, Ngài thuyết pháp luôn trong 3 tháng cho 55 người Bà-la-môn, mà người đứng đầu là ông Da Xá, 55 người này đều xin quy y theo Ngài và họp với 5 người trong nhóm ông Kiều Trần Như thành 60 đệ tử. 60 người đệ tử này, sau khi giữ đúng giới luật, được Ngài thọ ký cho đi truyền Đạo khắp nơi.

Ngài rời Lộc uyển đi về phía Nam đến xứ Ưu-lâu-

tần-loa và hàng phục một vị Tổ sư rất có uy tín của Đạo thờ lửa là ông Ma-ha Ca Diếp và hai em ông.

Ông Ca Diếp mang tất cả số đệ tử của mình gồm 500 vị xin quy y theo Phật.

Nhớ lại lời hẹn xưa với vua Tần Bà Xa La, Ngài đi đến xứ Ma-kiệt-đà vào thành Vương-xá để độ cho vua. Vua Tần Bà Xa La gặp lại Ngài, vui mừng khôn xiết, truyền xây cất tịnh xá Trúc-lâm để thỉnh Phật và chúng Tăng ở lại thuyết pháp độ sanh.

Trong lúc Phật ở tại tịnh xá Trúc-lâm, thì vua Tịnh Phạn nghe tin Ngài đã thành Phật, truyền sứ giả đi thỉnh Ngài về thành Ca-tỳ-la-vệ. Nhưng 9 lần 9 sứ giả ra đi đều biệt tăm, không trở lại. Thì ra những người này khi đến Trúc-lâm nghe Ngài thuyết pháp, đã say mê quên sứ mạng của mình và xin thọ giới xuất gia.

Lần thứ mười, vua Tịnh Phạn sai một cận thân thân tín là Ưu Đà Di, mới thỉnh được Phật về. Trên đường từ thành Vương xá trở về Ca-tỳ-la-vệ, Đức Phật đã thuyết pháp độ cho không biết bao nhiêu người. Về thành Ca-tỳ-la-vệ, Ngài ở lại 7 ngày. Mặc dù chỉ trong vòng thời gian ngắn ngủi ấy, Ngài cũng đã cảm hóa tất cả dòng họ Thích và tất cả những người trong dòng họ này đều xin xuất gia theo Phật, như các ông : Nan Đà, A Nan Đà, A Nâu Lôu Đà, La Hầu La...

Sau khi trở về thăm gia đình và quê hương, Đức Phật cùng các đệ tử lại tiếp tục đi truyền đạo. Ngài đi

đến thành Xá-vệ là kinh đô nước Kiều-tát-la, thuộc quyền thống trị của vua Ba Tư Nặc. Ở thành này, có một vị đại thần tên là Tu Đạt Đa, giàu lòng bố thí cho kẻ bần cùng cô cút, nên được gọi danh hiệu là Trưởng giả Cấp Cô Độc. Ông rất ngưỡng mộ Đức Phật nên đã trút tất cả tiền của vàng bạc trong kho ra mua khu vườn rộng lớn của Thái tử Kỳ-đà để làm tịnh xá cho Phật và đệ tử của Ngài ở, thuyết pháp độ sanh.

Được ít lâu, nghe tin vua Tịnh Phạn đau nặng, sắp thăng hà, Đức Phật vội vã trở về thăm cha lần cuối cùng. Thấy phụ thân buồn rầu trên giường bệnh, Phật thuyết về “Lẽ vô thường, khổ, không, vô ngã” cho vua nghe. Nghe xong, vua liền dứt hết phiền não, gương mặt vui tươi, cất tiếng niệm Phật, rồi băng hà một cách êm ái.

Sau khi vua Tịnh Phạn mất, bà mẹ nuôi của Phật là bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề và bà Da Du Đà La cùng nhiều người bên nữ giới họ Thích xin được phép xuất gia. Từ đó trong đạo Phật, lần đầu tiên có chúng Tỳ-kheo-ni.

Đức Phật cùng các đệ tử lại tiếp tục đi truyền đạo. Đi đến đâu Ngài cũng được sùng mộ, tin theo và nhiều người noi gương của ông Cấp Cô Độc lập Tịnh xá, cất giảng đường để Ngài thuyết pháp độ sanh.

Như thế, chúng ta thấy Đức Phật đã tuần tự hóa độ và kết nạp đệ tử, từ những hạng người đủ căn trí dễ hiểu thấu giáo lý của Ngài rồi mới rộng ra những người khác; lập Tỳ-kheo trước, rồi Tỳ-kheo-ni sau.

2.- Hóa độ tùy phương tiện

Trong suốt thời kỳ đi thuyết pháp độ sanh, lắm khi Ngài cũng gặp nhiều cảnh gay go trái ngược do lòng đố kỵ của ngoại đạo, tà giáo, hay lòng ganh ghét của nội thân quyến thuộc gây ra. Nhưng lúc nào Ngài cũng tùy phương tiện để cảm hóa họ và đưa họ về đường ngay lẽ phải. Chẳng hạn, khi thì Ngài bị cô gái con của ngoại đạo độn bụng giả có chữa đến giữa đạo tràng để vu oan cho Ngài; khi thì Ngài bị anh chàng Vô Nã đuổi theo quyết giết Ngài để lấy ngón tay góp thêm cho đủ số 1.000 ngón mà nó đã giết người để lấy, vì theo thuyết tà-đạo, nó tin rằng có làm được như thế mới chứng quả; khi thì Ngài bị Đề Bà Đạt Đa, người anh em họ hung ác, âm mưu hãm hại Ngài bằng cách thả bầy voi say cho chạy đến chà đạp Ngài, hay lăn đá to từ trên núi cao xuống đè Ngài.

Nhưng tất cả những âm mưu ấy đều vô hiệu quả, vì oai đức uy danh và trí tuệ của Ngài bảo bọc Ngài, không một hành động xấu xa nào có thể thắng Ngài được. Ngài có đủ phương tiện khôn ngoan khéo léo, xoay chiều đổi hướng dễ dàng, hoá cải được tất cả những nghịch cảnh trở thành thuận lợi. Và cuối cùng, kẻ khinh ghét Ngài trở lại kính mến Ngài; kẻ ngoại đạo trở thành Phật tử. Bằng chứng là : Đề Bà Đạt Đa cũng được Ngài thọ ký, anh chàng Vô Nã cũng được quy y, bầy voi say cũng được sám hối, vua A Xà Thế cũng hối cải và quay về đường ngay.

Nói tóm lại, Đức Phật có đủ muôn ngàn phương tiện thích ứng với mọi người, mọi vật, mọi hoàn cảnh để hóa độ tất cả những ai mà Ngài đã gặp trên đường truyền đạo của Ngài. Không phải chỉ ở ngoài đời, mà ngay trong Giáo hội của Ngài, Ngài cũng tùy theo căn cơ, tâm lý của mỗi đệ tử mà áp dụng phương pháp thích hợp. Chẳng hạn như đối với ông Nan Đà, mặc dù thân đã xuất gia mà tâm vẫn muốn ngao du, luyến ái bạn bè, Ngài dùng thần thông để đưa ông lên cõi trời xem những cảnh sống tốt đẹp, vui thú khác thường, rồi đưa ông xuống địa ngục mục kích những hình phạt đau đớn rùng rợn, hãi hùng để ông so sánh hai cảnh đời trái ngược mà tự chọn lựa lấy một đường.

Còn đối với ông A Nan, người học rộng nghe nhiều, nhưng vì nghiệp duyên còn nặng, nên mắc nạn “Ma-dăng-già”, thì Phật lại đem giáo lý thâm sâu là Kinh Lăng Nghiêm ra giảng dạy để cho ông A Nan thấy rõ được cái quý giá của chân tâm mà lo tu luyện, chứ không giống ruổi theo giả cảnh nữa.

Xem như thế thì Đức Phật đã dùng phương tiện để tùy duyên hóa độ, như ông lương y giỏi tùy bệnh cho thuốc, chứ không nhất thiết phải theo một đường lối cố định nào cả. Đối với kẻ thân, người thù, đối với kẻ thông minh hay người ngu độn, đối với kẻ giàu, người nghèo, Ngài đều có đủ pháp môn cho họ khai ngộ và quy y theo Ngài.

3.- Hóa độ theo tinh thần bình đẳng

Tinh thần triệt để bình đẳng là một điểm son quý giá nhất trong giáo lý của Đức Phật, cũng như trong tâm hồn của Ngài. Ngay từ khi còn ấu thơ, tinh thần ấy đã được bộc lộ trong những cử chỉ cứu giúp những kẻ bần cùng, những con vật lâm nạn, như chúng ta đã thấy trong bài trước.

Khi thành đạo, tinh thần bình đẳng ấy lại bộc lộ rõ ràng hơn nữa. Ngài đã có những câu nói bất hủ, khiến cho ngày nay, người ta vẫn đem ra làm khuôn vàng thước ngọc. Như khi Ngài xin nước của một người thuộc giai cấp hạ tiện nhất Ấn Độ, người này sợ làm lây ô uế cho Ngài, thì Ngài phán bảo : “Không có giai cấp, trong dòng máu cùng đỏ, trong nước mắt cùng mặn. Mỗi người sanh ra đều có Phật tánh và có thể thành Phật”.

Trong Giáo hội của Ngài, Ngài nhận cả những người thuộc giai cấp hạ tiện. Như ông Ưu Ba Ly, một đệ tử có tiếng tăm của Ngài về phương diện giới luật, là một người thuộc giai cấp hạ tiện Chiên-đà-la, làm nghề gánh phân.

Sự thâm nhận ấy đã làm cho các vị vua chúa bất mãn. Chính vua Ba Tư Nặc đã bạch Phật : “Đấng Chí-tôn thâm nhận kẻ hèn hạ vào hàng Tăng-đồ như vậy, không ngại rằng đá sỏi lẫn lộn với châu ngọc, làm mất giá trị của chúng Tăng sao?”.

Phật dạy rằng :

- “Người hèn hạ mà biết phát tâm Bồ-đề, xuất gia tu hành, chứng được quả Thánh, thì quý báu vô cùng, chẳng khác gì hoa sen mọc ở bùn lầy như bần mà vẫn tinh khiết thơm tho”.

“Một người sanh ra không phải liền thành Bà-la-môn (giai cấp trên hết) hay Chiên-đà-la (giai cấp thấp nhất), mà chính vì sở hành của người ấy, tạo thành Chiên-đà-la hay Bà-la-môn”.

Ngài xâu giùm kim cho người mù, hoan hỷ nhận hòn đất sét mà đứa bé đã nấn để dâng Ngài, thọ lãnh bữa cơm cuối cùng do một người đốt than nghèo nàn dâng cúng.

Chính vì sự hóa độ bình đẳng như thế, mà kinh Đại Niết-Bàn đã tán thán :

“Đức Như Lai không chỉ thuyết pháp cho các hạng người quyền quý như vua Bạt Đề Ca, mà cũng thuyết pháp cho hạng người bần cùng như ông Ưu Ba Ly; không riêng thọ lãnh sự cúng dường của những người giàu có như ông Tu Đạt Đa, mà cũng thọ lãnh sự cúng dường của các hạng nghèo khổ như ông Thuần Đà; không riêng cho phép xuất gia các hạng không có tánh tham như ngài Ca Diếp, mà cũng cho phép xuất gia những người có nhiều tánh tham như ông Nan Đà; không những thuyết pháp cho hạng người an tịnh không dự việc đời, mà cũng thuyết pháp cho vua Tần-bà-ta-la trong lúc đang bận rộn việc nước; không những thuyết pháp cho hạng thanh niên trẻ tuổi, mà cũng thuyết pháp cho ông già 80

tuổi; không những thuyết pháp cho bà Hoàng hậu Mạt Ly, mà cũng thuyết pháp cho dân nữ Liên Hoa.

II.- NĂM THỜI NÓI KINH

Tóm lại, trong một đời của Đức Phật, tùy theo trình độ của mọi người mà thuyết pháp giáo hóa, mãi đến khi Ngài nhập diệt, cộng là 49 năm. Những Kinh Pháp của Ngài nói ra, về sau các đệ tử kiết tập chia ra làm năm thời :

1.- Thời thứ nhất Phật nói Kinh Hoa Nghiêm

Khi Phật mới thành đạo, ở tại cội Bồ-đề, nói Kinh Hoa Nghiêm 21 ngày, vạch rõ chân tánh, chỉ bày chỗ cao sâu mầu nhiệm của đạo Phật. Chủ đích có hai điều :

a) Dắt dẫn các bậc Bồ-tát lên địa vị Đẳng-giác và Diệu-giác.

b) Nêu bày giáo pháp rốt ráo của Như Lai, chỉ có Phật với Phật mới rõ mà thôi; ngoài ra hàng Nhị thừa ngồi nghe như dui, như điếc, hướng chi ngoại đạo tà giáo làm sao hiểu nổi ! Đức Phật trình bày giáo pháp siêu việt tuyệt vời ấy, là muốn cho đại chúng phải tu theo Đại thừa Phật giáo mới được hoàn toàn rốt ráo.

2.- Thời thứ hai Phật nói Kinh A-Hàm

Biết rằng : “Muốn đi xa phải do nơi gần, muốn lên cao phải từ nơi thấp”, Đức Thích Ca y theo chư Phật mà nói pháp Tam thừa. Vì vậy thời thứ hai, Ngài

nói Kinh A-Hàm trọn 12 năm, dùng thí dụ thật tế, chỉ rõ chân lý cho hàng Tiểu thừa để thừa nhận, mà lo bề tự tu và tự độ.

3.- Thời thứ ba Phật nói Kinh Phương Đẳng

Đạo Phật chẳng những dạy pháp giác ngộ phần mình mà Ngài còn chỉ bày phương pháp giác tha nữa, tức là khuyến khích từ cái giác ngộ tiêu cực hẹp nhỏ của Tiểu thừa (A-la-hán) để tiến lên cái giác ngộ tích cực bao la của Đại thừa Phật giáo. Ấy là thời nói Kinh Phương Đẳng trọn 8 năm, dẫn Tiểu thừa qua Đại thừa.

4.- Thời thứ tư Phật nói Kinh Bát Nhã

Đến khi Đức Phật xem căn cơ của chúng sanh có thể tiến lên một tầng cao nữa là hấp thụ được hoàn toàn giáo pháp Đại thừa, nên Ngài chỉ bày đạo lý chân không của vũ trụ, thuyết minh cái thật tướng vô tướng của các pháp. Ấy là thời nói kinh Bát Nhã trọn 22 năm.

5.- Thời thứ năm Phật nói Kinh Pháp Hoa và Niết-Bàn

Sự hóa độ một đời của Phật gần viên mãn, thêm thấy căn cơ chúng sanh đã thuần thực, có thể gánh vác Đại thừa chánh pháp của Như Lai, nên Ngài bèn nói rõ bản hoài của Ngài thị hiện ra đời là vì một nguyên nhân lớn : “Khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến”. Ngài phú chúc, thọ ký cho các hàng đệ tử, tương lai sẽ thành Phật. Ấy là thời nói Pháp Hoa và Niết-bàn trọn 8 năm. Đến đây nhiệm vụ thuyết pháp độ sanh của đời Ngài đã viên mãn.

Tóm lại 5 thời thuyết pháp, Cổ Nhơn có làm bài kệ như sau :

**Hoa Nghiêm tối sơ tam thất nhật
A-Hàm thập nhị Phương Đẳng bát
Nhị thập nhị niên Bát Nhã đàm
Pháp Hoa Niết-bàn cộng bát niên.**

DỊCH NGHĨA

*Trước nói Hoa Nghiêm hăm một ngày
A-Hàm mười hai, Phương Đẳng tám
Hai mươi hai năm nói Bát Nhã
Pháp Hoa Niết-bàn cộng tám năm*

III. - SỰ HÓA ĐỘ VIÊN MÃN

Từ khi thành đạo dưới gốc cây Bồ-đề cho đến ngày nhập diệt, trải qua một thời gian 49 năm, Đức Phật đã đi khắp xứ Ấn Độ rộng lớn bao la, hết nước này đến nước khác. Hễ chỗ nào có chân Ngài giẫm đến là ánh Đạo vàng bừng tỏa huy hoàng.

Mỗi ngày, Ngài theo một thời dụng biểu, một chương trình nhất định, không bao giờ xao lãng, giải đãi, từ khi trẻ cho đến già, từ mùa mưa cho đến mùa nắng. Mỗi ngày, khi trời chưa sáng, Ngài đã lìa khỏi giường đi tắm rửa, thay đổi y phục rồi vào phòng quán cơ cho đến lúc mặt trời xuất hiện. Sau đó Ngài thuyết pháp cho chúng Tăng đến lúc trưa mới nghỉ để thọ trai.

Buổi chiều, Ngài thuyết pháp cho tín đồ ở các vùng lân cận đến nghe; rồi lại giảng giải những nghi

vấn của các chúng Tăng về những vấn đề mà Ngài đã thuyết pháp buổi sáng.

Mỗi năm, Ngài đi chu du để thuyết pháp độ sanh trong chín tháng nắng ráo; còn ba tháng về mùa hạ có mưa lớn (theo thời tiết Ấn Độ), thì Ngài lại ở luôn trong các tịnh xá để an cư kiết hạ.

Ròng rã 49 năm như thế, hạt giống Từ bi được Ngài tinh tấn gieo khắp các xứ ở Ấn Độ. Từ Bắc chí Nam, từ Đông sang Tây, từ rừng núi đến đồng bằng, không nơi nào là Ngài không đặt chân đến, hay truyền đệ tử đến thay Ngài để hóa độ chúng sanh. Và ở đâu Ngài và các đệ tử cũng được nhân dân, từ vua đến dân, từ giàu đến nghèo, từ già đến trẻ, từ phái nam đến phái nữ, đổ xô ra đón tiếp Ngài, vui thú được tắm gội trong ánh sáng Trí tuệ và nước Từ bi do Ngài tưới xuống. Ở đâu có ánh Đạo vàng đến, thì tà giáo và ngoại giáo lui xa dần, tan biến như những làn mây, như những bóng tối tan biến trước ánh bình minh đang lên. Giọng thuyết pháp của Ngài có cái oai lực như tiếng sấm rền, làm cho cầm thú phải khiếp phục, như tiếng hải triều lên, lấn át tất cả bao nhiêu tiếng tỉ tê của côn trùng, chim chóc.

Đạo Bồ-đề từ đấy đã ăn sâu gốc rễ trên bán đảo Ấn Độ bao la, và trở thành một tôn giáo chính của các nước lớn, nhỏ thời bấy giờ tại Ấn Độ, Đức Phật sau khi tự giác, đã giác tha và đến đây là giác hạnh của Ngài đã viên mãn.

IV.- TRƯỚC KHI NHẬP NIẾT-BÀN

1.- Phật báo tin sắp lìa cõi đời

Khi giác hạnh của Ngài đã viên mãn thì Phật đã 80 tuổi. Đến đây, sắc thân tứ đại của Ngài cũng theo luật vô thường mà biến đổi, yếu già. Năm ấy Ngài vào hạ ở rừng Sa-la trong xứ Câu-ly, cách thành Ba-la-nại chừng 120 dặm.

Một hôm, Ngài gọi ông A Nan, người đệ tử luôn luôn ở bên cạnh Ngài đến và phán bảo :

- “A Nan ! Đạo Ta nay đã viên mãn. Như lời nguyện xưa, nay Ta đã có đủ 4 hạng đệ tử : Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-đi. Nhiều đệ tử có thể thay Ta chuyển xe pháp, và Đạo Ta cũng đã truyền bá khắp nơi. Bây giờ Ta có thể rời các người mà ra đi. Thân hình Ta, theo luật vô thường, bây giờ như một cỗ xe đã mòn rã. Ta đã mượn nó để chở Pháp, nay xe cũng vừa mòn mà Pháp cũng đã lăn khắp các nơi, vậy Ta còn mền tiếc làm gì trong cái thân tiêu tụy này nữa ? A Nan ! Trong ba tháng nữa Ta sẽ nhập Niết-bàn”.

Tin Đức Phật sắp vào Niết-bàn, lan ra như một tiếng sét. Các đệ tử Ngài đi truyền giáo ở các nơi xa, lục tục trở về để cùng đấng Giác-ngộ chia ly lần cuối.

Trong thời gian ba tháng cuối cùng của Ngài, Đức Phật vẫn không nghỉ ngơi, mà vẫn tiếp tục đi truyền đạo.

Một hôm, Ngài đi thuyết pháp ngang qua một khu rừng, gặp một người làm nghề đốt than, ông Thuần Đà, thỉnh Ngài về nhà để thọ trai. Ngài im lặng cùng các đệ tử đi theo ông. Đến nhà, ông Thuần Đà dọn ra cúng dường Ngài một bát cháo nấm, thường gọi là nấm heo rừng, vì thứ nấm này rất được giống heo rừng ưa thích.

Thọ trai xong, Phật cùng các đệ tử lại từ giã ông Thuần Đà ra đi. Được một khoảng đường, Ngài giao bình bát cho ông A Nan và truyền treo võng lên trong rừng cây Ta-la⁽¹⁾ để Ngài nằm nghỉ. Ngài nằm xuống võng giữa hai cây Ta-la, đầu trở về hướng Bắc, mình nghiêng về phía tay phải, mặt xây về phía mặt trời lặn, hai chân chéo vào nhau.

Nghe tin Ngài sắp nhập Niết-bàn, dân chúng quanh vùng đến kính viếng rất đông, trong số ấy có một ông già ngoài tám mươi tuổi, tên Tu-bạt-dà-la đến xin xuất gia thọ giới Sa-di với Ngài. Ngài hoan hỷ nhận lời. Đó là người đệ tử chót trong đời Ngài.

2.- Phật nói Kinh Di Giáo và những lời phú chúc

Lúc bấy giờ các đệ tử Ngài đều có mặt đông đủ, chỉ trừ ông Ca Diếp vì đi thuyết pháp xa, chưa về kịp. Ngài hội tất cả đệ tử và tín đồ đến quanh Ngài và dặn dò một lần cuối. Ngài phú chúc như sau :

(1) Ta-la, Hán dịch là Song thọ : cây có hai cành lớn chia ra như cái nạng.

a) Y, bát của Ngài sẽ truyền cho ông Ma Ha Ca Diếp.

b) Các đệ tử phải lấy giới luật làm thầy.

c) Ở đầu các kinh, phải nêu lên 4 chữ : “Như thị ngã văn”.

d) Xá lợi của Ngài sẽ chia ra làm 3 phần :

– Một phần cho thiên cung,

– Một phần cho long cung,

– Một phần chia cho tám vị Quốc vương ở Ấn Độ.

Sau đây là lời vàng ngọc mà Ngài đã để lại trong giờ phút cuối cùng.

– “Này ! Các người phải tự thấp đức lên mà đi ! Các người hãy lấy Pháp của Ta làm đức ! Hãy theo Pháp của Ta mà tự giải thoát ! Đừng tìm sự giải thoát ở một kẻ nào khác, đừng tìm sự giải thoát ở một nơi nào khác, ngoài các người !...”.

– “Này ! Các người đừng vì dục vọng mà quên lời Ta dạy. Mọi vật ở đời không có gì quý giá. Thân thể rồi sẽ tan rã. Chỉ có đạo Ta là quý báu. Chỉ có Chân lý của đạo Ta là bất di, bất dịch. Hãy tinh tấn lên để giải thoát, hỡi các người rất thân yêu của Ta !”.

Sau khi đã dặn dò cận kề xong, Ngài nhập định rồi vào Niết-bàn. Lúc bấy giờ nhằm ngày rằm tháng hai âm lịch (theo giáo sử Trung Hoa).

Rừng cây Ta-la tuôn hoa xuống phủ lên thân Ngài, trời đất u ám, cây cỏ héo úa, chim chóc im bật

tiếng hót. Vạn vật như chìm lặn trong những giây phút nặng nề của sự chia ly.

Các đệ tử tấn liệm xác Ngài vào kim quan và bảy ngày sau, đưa kim quan Ngài vào thành Câu-thi để tại chùa Thiện Quang và làm lễ trà-tỳ (lễ hỏa thiêu).

Tám vị Quốc vương lớn ở Ấn Độ kéo binh hùng tướng dũng đến toan tranh giành xá lợi. Nhưng ông Hương Tích y theo di chúc của Phật, đứng ra điều đình, và nhờ thế sự phân chia xá lợi đều được ổn thỏa.

C.- KẾT LUẬN :

Đức Phật đã nhập Niết-bàn, nhưng gương sáng của đời Ngài vẫn còn chiếu sáng rực trước mắt chúng ta. Suốt một đời, trong 80 năm trời, không một lúc nào Ngài xao lãng mục đích tối thượng là hóa độ chúng sanh đang trầm luân trong bể khổ. Khi còn tại gia, Ngài là người ở trong một địa vị diễm phúc nhất, cao nhất của người đời, thế mà Ngài vẫn không màng tưởng đến; khi vào trong Đạo, Ngài là người ở trong địa vị cao chót vót của Đạo, thế mà Ngài vẫn không chịu ở yên trong địa vị ấy, lại vất vả duỗi rong trên mọi nẻo đường bụi bặm, gai góc để đưa dắt chúng sanh lên con đường hạnh phúc an vui và giải thoát hoàn toàn. Lòng thương của Phật thật là vô lượng, ân đức của Phật thật là vô biên.

1.- Người đời nên noi gương sáng của Phật.
– Sự hy sinh cao cả, lòng từ bi rộng lớn, trí tuệ sáng suốt, ý chí dũng mãnh của Ngài không những là bao

nhieu gương sáng cho riêng hàng Phật tử, mà còn cho tất cả mọi người. Nếu chúng ta quan niệm Ngài là một vĩ nhân thì đó là một vĩ nhân trên hết các vĩ nhân của nhân loại từ xưa đến nay. Nếu chúng ta quan niệm Ngài là một bậc siêu nhân, thì đó là một bậc siêu nhân cao hơn bao nhiêu bậc siêu nhân khác. Nếu chúng ta quan niệm đời Ngài là một sự thị hiện của Phật, thì đó là sự thị hiện đẹp đẽ nhất và đầy đủ ý nghĩa hơn hết trong các sự thị hiện.

Cho nên không những đối với tín đồ Phật giáo, mà đối với toàn thể mọi người, Đức Phật đáng được kính cẩn tôn sùng và chiêm ngưỡng.

2.- Tín đồ nên ghi nhớ những lời di chúc của Phật. – Chúng ta, những Phật tử, ai cũng biết đời Đức Phật là đẹp đẽ, cao cả; bài học của đời Ngài là quý báu, sâu xa. Nhưng nếu chúng ta không cố gắng học tập, thì bài học dù hay ho quý báu bao nhiêu cũng vô ích. Đức Phật, trước khi nhập diệt, đã dặn chúng ta một câu cuối cùng :

– *“Mọi vật ở đời không có gì quý giá. Thân thể rồi sẽ tan rã. Chỉ có Đạo Ta là quý báu. Chỉ có Chân lý của Đạo Ta là bất di bất dịch.*

Hãy tinh tấn lên để giải thoát!”.

Vậy thì điều kiện trọng yếu nhất để giải thoát là sự tinh tấn. Chúng ta đừng bao giờ quên điều kiện ấy trong sự tu hành.

HOẰNG PHÁP

Chú ý :

NIÊN LỊCH của PHẬT THÍCH CA
(theo kinh điển Đại thừa)

- PHẬT GIÁNG SANH NGÀY MÙNG 8 THÁNG 4
(Trước Chúa giáng sanh 624 năm. Nếu tính năm Phật Nhập-diệt thì trước Chúa giáng sanh 544 năm).
- 19 TUỔI XUẤT GIA, NHẪM NGÀY MÙNG 8 THÁNG 2.
- 5 NĂM TẦM HỌC CÁC ĐẠO.
- 6 NĂM TU KHỔ HẠNH.
- 49 NGÀY NHẬP ĐỊNH.
- 30 TUỔI THÀNH ĐẠO, NHẪM NGÀY MÙNG 8 THÁNG CHẠP.
- 49 NĂM THUYẾT PHÁP ĐỘ ĐỜI.
- 80 TUỔI NHẬP NIẾT-BÀN, NHẪM NGÀY RẼM THÁNG 2.

BÀI THỨ TƯ

QUY Y TAM BẢO

DÀN BÀI

A.- MỞ ĐỀ :

Người sống trên đời như người đi trong đêm tối, cần phải có người hướng dẫn.

B.- CHÁNH ĐỀ :

I.- Định danh và giải nghĩa

- 1.- Quy y là gì ?
- 2.- Tam bảo là gì ?
- 3.- Quy y Tam bảo là thế nào ?

II.- Ba bậc Tam Bảo

- 1.- Đồng thể Tam bảo.
- 2.- Xuất thế gian Tam bảo.
- 3.- Thế gian trụ trì Tam bảo.

III.- Sự quy y Tam Bảo

- 1.- Sự quy y Phật.
- 2.- Sự quy y Pháp.
- 3.- Sự quy y Tăng.

IV.- Lý quy y Tam Bảo

- 1.- Tự quy y Phật.
- 2.- Tự quy y Pháp.
- 3.- Tự quy y Tăng.

V.- *Nghi thức quy y*

- 1.- Trước tiên phải gội rửa thân, tâm cho sạch.
- 2.- Phát nguyện rõ ràng trước Tam bảo.

VI.- *Lợi ích về quy y Tam Bảo*

- 1.- Khởi đi lạc đường đời vào nơi tắm tối, khởi phải chết đuối trong bể khổ.
- 2.- Khi đã phát nguyện quy y, mình dễ giữ lời đã hứa, vì đã có sự chứng tri của Phật và chúng Tăng

C.- KẾT LUẬN :

Khuyên tín đồ nên quy y cả sự lẫn lý, và tinh tiến trong sự quy y.



BÀI THỨ TƯ

QUY Y TAM BẢO

A.- MỞ ĐẦU :

Cảnh giới Ta-bà của chúng ta là một cảnh giới đầy mê mờ và dục vọng. Chúng ta đang lặn hụp trong bể nước mắt của đau khổ và bùn nhơ của dục vọng, sống trôi lăn trong cảnh ấy, chúng ta khó thấy được bến bờ sáng sủa, yên ổn để lội vào. Thật là đáng thương cho thân phận con người chúng ta.

Nhưng bản nguyện chúng ta đâu có thế ! Chúng ta, từ vô thủy, ở nơi nguồn chơn vắng lặng, sáng suốt vô cùng. Vì một niệm bất giác, khởi vô minh vọng tưởng, nên chúng ta bị quay cuồng trong sanh tử, trôi nổi trong ba cõi sáu đường.

Vậy thì trong chúng ta, ai là người không muốn thoát ra khỏi cõi đen tối, sầu đau này, để được trở về nguồn trong sáng, an vui ?

Nhưng làm sao để thoát ra được ? Ai sẽ là kẻ rủ lòng thương để đưa đường chỉ lối cho chúng ta ? Ai là người có đủ phương pháp thần diệu để giúp chúng ta ra khỏi sanh tử luân hồi ?

- Đấng cao cả sáng suốt và đầy đủ năng lực ấy không ai khác hơn là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, người đã chứng quả bất sanh, bất diệt; và chỉ có giáo pháp của Ngài mới cứu được chúng sanh ra khỏi vô thường đau khổ.

Vậy thì chúng ta còn ngần ngại gì nữa mà chẳng chịu quy y Tam bảo.

B.- CHÁNH ĐỀ :

I.- ĐỊNH DANH VÀ GIẢI NGHĨA

1. Quy y nghĩa là gì ? – Quy là trở về; Y là nương tựa, Quy y là trở về nương tựa nơi mà mình đã vì si mê, phóng lãng lìa bỏ ra đi, như đứa trẻ khờ dại đã rời bỏ cha mẹ để ra đi hoang phá, bây giờ biết sự dại khờ do kinh nghiệm khổ đau, quay trở về nương tựa lại dưới bóng hạnh phúc và yêu thương của cha mẹ. Chữ quy y nguyên dịch nghĩa chữ Nam mô của Phạn ngữ. Quy y cũng có nghĩa là kính vâng hay phục tùng.

2.- Tam bảo nghĩa là gì ? – Tam bảo là ba ngôi quý báu : Phật, Pháp, Tăng.

Ở thế gian, vàng bạc, ngọc ngà và danh vọng là quý báu. Nhưng sự thật, vàng bạc và danh vọng đâu có cứu được con người khỏi khổ, sống, già, bệnh, chết, mà lắm khi lại còn làm cho con người thêm khổ nữa! Còn Phật, Pháp, Tăng thì có đủ năng lực dẫn dắt con người ra khỏi những cái khổ nói trên. Bởi thế, người đời mới tôn sùng Phật, Pháp, Tăng là ba ngôi quý báu (Tam bảo).

a) Phật : Chữ Phật do chữ Phạn Bouddha phiên âm ra. Người Hán dịch là Giác giả; người Pháp dịch là L'Illuminé. Ba chữ ấy đều cùng một nghĩa là : Bạc

đã giác ngộ sáng suốt hoàn toàn về ba phương diện :
Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

b) Pháp : Pháp là do chữ Phạn Dharma mà dịch nghĩa ra. Pháp là phương pháp tu hành mà Phật đã phát huy ra để diệt trừ mọi mê muội, khổ đau và chúng được quả Phật. Ba Tạng kinh điển gọi chung là Pháp.

c) Tăng : Tăng hay Tăng-già là do chữ Phạn Shanga mà phiên âm ra; Hán dịch là : hòa hợp chúng, nghĩa là một đoàn thể tu hành từ 4 người sắp lên, cùng nhau sống chung một chỗ, đồng giữ giới luật của Phật, đồng chia sẻ cho nhau một cách hòa thuận những gì đã thấu nhận được, từ vật chất cho đến tinh thần.

3.- Quy y Tam bảo là thế nào ? – Quy y Tam bảo là trở về nương tựa ba ngôi quý báu : Phật, Pháp, Tăng.

Tại sao lại quy y Phật ? – Vì Phật là đấng hoàn toàn sáng suốt, từ bi vô lượng, phước huệ vô biên, đức hạnh viên mãn; – Vì Phật là kẻ dẫn đường vĩ đại nhất, đã có cái kinh nghiệm bản thân thoát ra ngoài vòng sanh tử để chứng Đạo.

Tại sao quy y Pháp ? – Vì chỉ có phương pháp của Phật là đầy đủ công năng để đưa chúng ta qua khỏi bể khổ, đến bờ giải thoát.

Tại sao lại quy y Tăng ? – Vì Tăng là người đã hy sinh gia đình, tiền của, danh vọng... để tình nguyện thay Phật dắt dẫn chúng sanh trên đường đạo.

II.- BA BẬC TAM BẢO

Tam bảo có ba bậc :

- Đồng thể Tam bảo.
- Xuất thế gian Tam bảo.
- Thế gian trụ trì Tam bảo.

1.- Đồng thể Tam Bảo

a) *Đồng thể Phật bảo*, tức là nói tất cả chúng sanh cùng chư Phật đồng một thể tánh sáng suốt.

b) *Đồng thể Pháp bảo*, tức là nói tất cả chúng sanh cùng chư Phật đồng một pháp tánh từ bi, bình đẳng.

c) *Đồng thể Tăng bảo*, tức là nói tất cả chúng sanh cùng chư Phật đồng một thể tánh thanh tịnh, sự, lý hòa hợp.

2.- Xuất thế gian Tam Bảo

a) *Xuất thế gian Phật bảo*, là chỉ cho Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Đức A Di Đà, chư Phật trong mười phương ba đời, đã tự giải thoát ra khỏi sự ràng buộc của thế gian.

b) *Xuất thế gian Pháp bảo*, là chỉ cho chánh pháp của Phật, có công năng làm cho chúng sanh thoát khỏi sự ràng buộc của thế gian, như Tứ-đế, Thập-nhị nhân-duyên, Lục-độ v.v...

c) *Xuất thế gian Tăng bảo*, là chỉ cho các vị Thánh Tăng đã thoát ra ngoài sự ràng buộc của thế

gian, như Đức Quan Thế Âm, Đại Thế Chí, Văn Thù, Ca Diếp, A Nan v.v...

3.- Thế gian trụ trì Tam Bảo

a) *Thế gian trụ trì Phật bảo*, là chỉ cho xá lợi của Phật, tượng Phật đúc bằng kim khí, chạm trở bằng danh mộc, tô bằng đất, đắp bằng xi măng, thêu bằng vải, hay vẽ trên giấy.

b) *Thế gian trụ trì Pháp bảo*, là chỉ cho ba Tạng giáo điển : Kinh, Luật, Luận, viết hay in trên giấy, trên vải, trên lá buông v.v...

c) *Thế gian trụ trì Tăng bảo*, là chỉ các vị Tỳ-kheo tu hành chơn chánh, đạo đức trong sạch, giới luật trang nghiêm trong hiện tại.

III.- SỰ QUY Y TAM BẢO

Sau khi đã hiểu rõ thế nào là quy y Tam bảo, tất nhiên phải thực hành sự hiểu biết ấy. Thực hành Tam quy bằng sự tướng cung kính, vâng theo Tam bảo, như thế gọi là sự quy y Tam bảo.

1.- Sự quy y Phật : – Hằng ngày chúng ta phải nhớ tưởng luôn đến Phật, niệm danh hiệu Ngài, chiêm ngưỡng tượng Ngài, chí tâm thật ý lễ bái để tỏ lòng sùng kính Ngài, và nguyện suốt đời theo chân Ngài, ấy là sự quy y Phật.

2.- Sự quy y Pháp : – Hằng ngày tụng đọc Kinh, Luật, Luận trên giấy trắng mực đen; sớm hôm hai thời công phu, tìm hiểu nghĩa lý thâm huyền của Pháp bảo

càng tốt, không biết nghĩa tụng suông, cũng không phải là vô ích. Khi tụng đọc Kinh điển, tâm trí chúng ta không nghĩ đến những ý nghĩ xằng bậy, không nhớ tưởng những việc không hay, không bàn mưu tính kế để lợi kỷ, tổn nơn. Chúng ta trừ bỏ được dục vọng, tâm trí được sáng suốt, an lành, thanh tịnh.

3.- Sự quy y Tăng : Thế gian thường nói : “Trọng Phật, phải kính Tăng”. Cho nên, nếu chúng ta thành tâm thờ Phật bao nhiêu thì chúng ta lại phải thật dạ kính Tăng bấy nhiêu. Người thực hành sự quy y Tăng, hề thấy người đầu tròn áo vuông, có chân chính tu hành, giữ gìn giới luật, thì liền kính nể, quý trọng xem như đó là vị đại diện của Đức Phật. Làm như thế là sự quy y Tăng.

Tóm lại, thờ Phật cốt, Phật tượng, tụng kinh, giữ giới, nghiên cứu Phật pháp, kính trọng Tăng-già chân chính, đó chính là sự quy y Tam bảo, hay nói nôm na là theo đạo Phật.

IV.- LÝ QUY Y TAM BẢO

Lý là bên trong. Lý quy y Tam bảo nghĩa là quy y Tam bảo trong tâm chúng ta. Nếu chúng ta chỉ thực hành sự quy y, chỉ giống ruồi theo Tam bảo bên ngoài, mà quên lý quy y, nghĩa là quên Tam bảo bên trong tâm chúng ta, thì chúng ta chưa thực hành đúng nghĩa Tam quy. Thật thế, bên trong tâm chúng ta cũng có đủ Tam bảo. Chúng ta cần thực hành lý quy y, hay tam tự quy y : Tự quy y Phật, tự quy y Pháp, tự quy y Tăng.

1.- Tự quy y Phật : Tự nghĩa là mình đối với tự tâm mình. Tự quy y Phật là mình tự trở về với Phật tánh sáng suốt của tâm mình. – Vâng, mỗi người đều có Phật tánh, và đều có thể thành Phật. Đó là lời Phật Thích Ca đã dạy. Nhưng Phật tánh ấy bị mê lầm, vọng tưởng che lấp. Vọng tưởng như mây mờ, Phật tánh như trăng. Mây mờ có thể che khuất, chứ không thể tiêu diệt được trăng sáng.

Phật tánh của chúng ta dù bị vọng tưởng, vô minh che lấp sâu kín đến đâu cũng vẫn thường còn. Vậy thì sao chúng ta lại bỏ quên Phật tánh của chúng ta, mà chỉ chạy theo cầu khẩn Phật bên ngoài; như đứa “cùng tử” có viên ngọc quý, cha mẹ đã giấu sẵn trong chéo áo mà nó không biết, lại đi xin ăn cùng khắp mọi nơi !

2.- Tự quy y Pháp : Tự quy y Pháp là vâng theo Pháp tánh của mình. Trong tâm ta có đủ các pháp Từ bi, Trí tuệ, Bình đẳng, Nhẫn nhục, Tinh tấn... Chúng ta cần phát huy những đức tánh ấy và hành động theo chúng, tuân theo chúng; như thế là tự quy y Pháp.

3.- Tự quy y Tăng : Tự quy y Tăng là vâng theo thầy trong tâm mình. Thầy trong tâm mình là đức tánh thanh tịnh hòa hợp của mình, như Tăng-già là hiện thân của sự hòa hợp thanh tịnh bên ngoài. Bấy lâu vì mình mê muội, không nhận thấy được ông thầy trong tâm, nay nhờ Phật chỉ dạy, mình nhận

thấy được ông thầy thanh tịnh ấy, thì mình phải quy y thầy của mình trước đã chứ !

Nói tóm lại, mình phải nương tựa, quay về với Phật trong tâm mình là tánh sáng suốt; với Pháp của mình là các đức tánh Từ bi, Hỷ xả v.v...; với Tăng của mình là sự hòa hợp, thanh tịnh của bản tâm. Như thế là *Lý quy y Tam bảo*.

V. NGHI THỨC QUY Y

Sau khi chúng ta đã hiểu rõ Sự là Lý quy y rồi, chúng ta cũng cần biết qua nghi thức của lễ quy y.

1.- Trước tiên phải gội rửa thân tâm cho trong sạch.

Quy y là buổi lễ quan trọng nhất trên đường tu tập của chúng ta. Nó là cuộc khởi hành để đi đến mục đích giải thoát, vì thế chúng ta không thể xem thường, cử hành một cách bừa bãi được.

Khi muốn quy y, chúng ta phải y phục chỉnh tề, sắm khay lễ thỉnh chư Tăng đến trai đường, đánh lễ và cầu xin chư Tăng rửa lòng từ bi truyền trao quy giới cho mình.

Trước ngày hành lễ, thân tâm chúng ta phải được gội rửa trong sạch. Ta tắm rửa sạch sẽ, ăn mặc chỉnh tề. Đó là về Thân; còn về Tâm thì ta phải ba phen sám hối, cho ba nghiệp được thanh tịnh. Nhờ sự tẩy gội cả trong lẫn ngoài ấy, ta mới xứng đáng đón nhận pháp thanh tịnh cao quý của Tam bảo.

2. Phát nguyện.

Đến giờ quy y, chúng ta phải quy xuống; theo lời hướng dẫn của chư Tăng, chí thành phát nguyện :

- Đệ tử xin suốt đời quy y Phật.
- Đệ tử xin suốt đời quy y Pháp.
- Đệ tử xin suốt đời quy y Tăng.

Sau khi phát nguyện Tam quy rồi, người phát nguyện tin chắc rằng mình đã gieo hạt giống giải thoát, thế nào cũng sẽ gặt được kết quả tốt là thoát ly ba đường ác : địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Vì thế, người quy y liền nói tiếp ba lần :

- Đệ tử quy y Phật rồi, khỏi đọa địa ngục.
- Đệ tử quy y Pháp rồi, khỏi đọa ngạ quỷ.
- Đệ tử quy y Tăng rồi, khỏi đọa súc sanh.

Thế là trọn vẹn Tam quy và Tam kiết.

Để bảo tồn lý tưởng cao cả của mình và giữ vững đức tin trên đường Đạo, người quy y tự nguyện một cách mạnh mẽ và thành khẩn :

- Đệ tử quy y Phật, nguyện trọn đời không quy y thiên, thần, quỷ, vật.

- Đệ tử quy y Pháp, nguyện trọn đời không quy y ngoại đạo, tà giáo.

- Đệ tử quy y Tăng, nguyện trọn đời không quy y tổn hữu, ác đảng.

Như thế là lễ quy y đã hoàn tất. Người tín đồ chỉ còn việc làm theo đúng những lời mình đã phát nguyện và đã tuyên thệ trước Tam bảo.

VI.- LỢI ÍCH CỦA QUY Y TAM BẢO

1.- Khởi đi lạc đường đời vào nơi tăm tối

Như chúng ta đã thấy ở đoạn mở đầu bài này, chúng sanh đang lặn hụp trong biển khổ, đang bơ vơ lạc lõng giữa đêm tối mênh mông. Trong hoàn cảnh bi thảm như thế, nếu không thấy được những phương tiện để đi đến, không có những bậc thầy để dìu dắt đến, thì chúng ta sẽ quay cuồng mãi mãi trong biển sanh tử luân hồi. Cái đích sáng ấy là Đức Phật, những phương tiện ấy là Pháp, và những bậc thầy dìu dắt ấy là Tăng. Khi chúng ta đã biết có những sự quý báu như thế mà không nắm bắt lấy, thì chẳng khác gì người sắp chết đuối thấy cái bè gỗ trôi qua mà lại đại khờ xua đẩy nó ra.

Sự quy y chính là một cách bám víu vào cái bè Tam bảo mà Phật đã chế ra để cứu vớt những kẻ sắp chết đuối trong biển đời là toàn thể chúng ta.

2. Khi đã phát nguyện quy y, mình dễ giữ đúng lời đã hứa, vì có sự chứng minh của chư Phật và Chúng Tăng.

Có người nói : “Tôi tôn sùng Đức Phật, vì biết Ngài là một đấng sáng suốt hoàn toàn; tôi trọng Pháp vì biết Pháp Phật có đủ năng lực đưa người đến

giải thoát; tôi kính Tăng vì biết đây là những vị đại diện của Phật. Biết như thế cũng đủ, cần gì phải làm lễ phát nguyện quy y ?”.

Nói như thế là chưa hiểu giá trị về phương diện tâm lý của lời hứa, lời thề trước mặt người khác. Khi chúng ta đã hứa với ai một điều gì, mà nuốt lời hứa, thì tâm hồn chúng ta bức rức, hối hận không an. Đã hứa tất có bốn phận làm trọn lời hứa, nếu thất lời hứa, tất ta sẽ tự khinh ta. Nhất là khi lời hứa, lời nguyện ấy lại cử hành trong một khung cảnh trang nghiêm trước điện Phật, trên có sự chứng tri của chư Phật, dưới có sự chứng tri của chư Tăng, chung quanh có sự hộ niệm của những thân bằng quyến thuộc; phát nguyện trong khung cảnh ấy, tất nhiên chúng ta khó lòng mà trái lời nguyện, hay xao lãng nó được.

Vậy đã biết Tam bảo là quý, tất nhiên ta phải quy y Tam bảo và cử hành lễ quy y một cách trang nghiêm mới được.

C.- KẾT LUẬN

Khuyên tín đồ nên quy y cả sự lẫn lý và tinh tiến trong sự quy y

Chúng ta đã thấy, là Phật tử thì phải quy y. Quy y phải đủ Sự và Lý. Không nên hoàn toàn ỷ lại bên ngoài mà xao lãng bên trong. Cũng không nên hoàn toàn tự tôn tự trọng riêng mình mà khinh thị bên ngoài. Muốn quy y thì trước tiên phải long trọng làm lễ quy y để đánh dấu bước đi đầu tiên của mình trên

đường giải thoát. Lễ ấy như là lễ tiễn đưa một người ra đi nhận một nhiệm vụ mới. Nhưng một khi đã đặt chân lên đường, thì người ấy phải giống ruồi, quyết tiến mau cho đến đích, chứ không phải chần chừ, quay đi lộn lại một chỗ, hay rẽ qua một ngã khác. Đã phát nguyện quy y mà không theo dấu chân của Đức Phật đã để lại, không soi vào gương sáng của Đức Phật đã nêu cao, không theo giáo pháp mà rèn luyện tâm tánh; không giữ giới luật, không vâng lời nhắc nhở của chư Tăng, như thế là tự lừa dối mình và lừa dối người khác, và cái tai hại lại càng lớn lao hơn cả không quy y.

Trái lại, nếu chúng quy y và thực hành đúng như lời đã phát nguyện thì con đường giải thoát dù xa, cũng sẽ có ngày thấy đích.

Xin hãy nhớ luôn lời nói cuối cùng của Phật :

– **“Hãy tinh tấn lên để giải thoát !”.**

HOÀNG PHÁP

BÀI THỨ NĂM

NGŨ GIỚI

DÀN BÀI

A.- MỞ ĐỀ :

Sau khi làm lễ Quy y xong, phải giữ giới. Giới luật là giềng mối của kẻ tu hành.

B.- CHÁNH ĐỀ :

I.- Định nghĩa Ngũ giới.

II.- Thành phần của Ngũ giới

- 1.- Không giết hại.
- 2.- Không trộm cướp.
- 3.- Không tà dâm.
- 4.- Không nói sai sự thật.
- 5.- Không uống rượu

C.- KẾT LUẬN :

- Phật tử không giữ Năm giới, không phải là Phật tử.
- Người không theo Đạo Phật cũng nên giữ Năm giới.

BÀI THỨ NĂM

NGŨ GIỚI

A.- MỞ ĐẦU :

Sau khi quy y Tam bảo rồi, người Phật tử tại gia phải sống đúng theo quy luật mà Đức Phật đã chế ra, để tiến bước trên đường Đạo. Quy luật ấy là Ngũ giới. Người theo đạo Nho phải sống đúng theo Tam cương, Ngũ thường, thì người theo Đạo Phật cũng phải sống theo Tam quy, Ngũ giới. Người theo đạo Nho không thể theo Tam cương mà bỏ Ngũ thường, thì người theo Đạo Phật cũng không thể chỉ thọ Tam quy mà không trì Ngũ giới.

Người đã phát tâm quy y Tam bảo là đã bước chân lên nấc thang giải thoát, nhưng nếu không giữ Năm giới thì chỉ mới bước một nấc đầu rồi dừng lại, không thể tiến đến giải thoát thật sự được.

Năm giới này không những đưa người mạnh tiến trên đường giải thoát, mà còn đem lại trật tự, an vui, hòa bình cho gia đình, quốc gia, xã hội nữa. Ngũ giới chính là giềng mối chắc thật tạo hạnh phúc cho cá nhân và đoàn thể, chính là ông thầy ngăn ngừa chúng ta làm điều xằng bậy trong thời mạt pháp. Vì thế, Đức Phật Thích Ca đã có lời di chúc khẩn thiết sau đây khi Ngài nhập Niết-bàn :

- “Sau khi Ta diệt độ, các người tu hành phải tôn kính giới luật làm thầy; dầu cho Ta còn tại thế để

dạy dỗ các người mấy ngàn đời đi nữa, Ta cũng không thêm điều nào ngoài giới luật”.

Giới luật Phật chế ra thì rất nhiều, vì cần phải áp dụng cho nhiều hạng người tu hành : Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Sa-di, Sa-di-ni. Riêng đối với hàng Phật tử tại gia, thì chỉ có Năm giới mà thôi. Nhưng nếu giữ được Năm giới ấy thì lợi ích cho mình, cho người không xiết kể.

B.- CHÁNH ĐỀ :

I.- ĐỊNH NGHĨA

Ngũ giới là năm điều ngăn cấm mà Phật đã chế ra, để ngăn những tướng niệm ác, nói năng chẳng lành, hành động bất chính. Năm điều răn ấy là : Không được giết hại, không được trộm cướp, không được tà dâm, không được nói dối, không được uống rượu. Năm điều này y cứ trên tâm từ bi, bình đẳng trên phương diện dứt trừ tội lỗi cá nhân và đem lại trật tự, an vui cho xã hội mà thành lập. Đức Phật không bắt buộc chúng ta phải triệt để tuân theo và cũng không hăm dọa nếu chúng ta không tuân theo thì phải bị Ngài trừng phạt. Sự giữ hay không giữ giới là hoàn toàn do chúng ta tự liệu lấy. Đạo Phật khác với các tôn giáo khác chính là ở điểm Đức Phật không phải là một quan Tòa tối cao giữ quyền thưởng phạt. Một ý nghĩ, một lời nói, một hành động tốt hay xấu chính đã mang theo nó một cái mầm thưởng phạt rồi. Đức Phật chỉ là một vị dẫn đường rất từ bi và rất

sáng suốt. Ngài chỉ cho chúng ta con đường nào là con đường sáng và con đường nào là con đường nguy hiểm không nên đi.

Nhưng nếu chúng ta không theo con đường sáng mà lại muốn đi vào con đường nguy hiểm, thì tất nhiên chúng ta sẽ gặp tai họa tự nhiên, chứ Phật không tạo ra tai họa để trừng phạt chúng ta. Tòa án chính là luật nhân quả. Ta làm ác thì ta bị quả xấu; ta làm thiện thì ta được quả tốt. Năm giới chính là năm thành trì ngăn chặn cho ta đừng đi lạc vào đường ác, là năm hàng rào ngăn chặn cho ta khỏi rơi xuống vực sâu, trong khi ta đi trên con đường giải thoát.

II.- NĂM GIỚI

1.- Không được giết hại

Điều răn cấm thứ nhất mà Phật khuyên chúng ta là không được giết sanh mạng, từ loài người cho đến các loài vật. Sanh mạng có một giá trị quý báu, nhất là sanh mạng người; giết hại sanh mạng kia để tô bồi sanh mạng này là một điều ác, không hợp lý đạo.

Phật giáo cấm sát sanh bởi nhiều lý do :

a) *Tôn trọng sự công bằng.* – Chúng ta coi sanh mạng mình là quý, là một của báu tuyệt đối. Nếu ai mưu hại, là mình chống trả triệt để bảo vệ sanh mạng. Mình đã biết quý trọng thân mạng mình, tại sao lại muốn chà đạp sanh mạng người ? Suy rộng ra, các loài vật cũng biết quý trọng mạng chúng. Như khi

một con bò hay con heo sắp bị đập đầu, thọc huyết, ta thấy sự phản kháng mãnh liệt, sự đau thương cùng cực của chúng, bằng những tiếng kêu gào, những cái giẫy giụa thoát chết ! Theo lẽ công bình, điều ta không muốn ai làm cho ta, thì ta cũng đừng làm cho người khác hay loài khác. Phật dạy : “Ai ai cũng sợ gươm đao, ai ai cũng sợ sự chết. Vậy nên lấy lòng mình suy lòng người, chớ giết, chớ bảo giết !”.

b) *Tôn trọng Phật tánh bình đẳng.* – Chúng sanh mỗi loài tuy thân hình khác nhau, mà vẫn đồng một Phật tánh. Phật tánh đã bình đẳng thì không thể viện một lý do gì để nói rằng Phật tánh ở người có giá trị hơn ở vật, ở giai cấp này, màu da này có giá trị hơn ở giai cấp kia, màu da kia. Sát hại một sanh vật là sát hại Phật tánh.

c) *Nuôi dưỡng lòng Từ bi.* – Lòng Từ bi của Đức Phật xem mọi loài như con, nên Ngài không đồng ý cho đệ tử Ngài sát hại sanh vật, bất cứ trong trường hợp nào. Bởi vì đem tâm giết hại sanh mạng là lòng độc ác đã cực thịnh, tâm từ bi bị bóp chết. Nhẫn tâm vô cố giết một con vật, tính bạo ác không kém giết một con người. Nhẫn tâm làm cho kẻ khác hay vật khác phải giẫy giụa, rên siết, quần quại trong máu đào, trong lệ nóng trước khi trút hơi thở cuối cùng, là tự giết lòng từ bi của mình, là bóp chết cái mầm thương yêu rất quý báu trong tâm hồn chúng ta. Như thế, khó mà tu hành để thành chánh quả được. Đức Khổng Tử có dạy : “Văn kỳ thanh bất nhẫn kiến kỳ

thực, kiến kỳ sanh bất nhãn kiến kỳ tử”. (Nghe tiếng kêu la của con vật, không nỡ ăn thịt nó; thấy nó sống, không đành thấy nó chết). Như vậy, người có tâm từ bi hay lòng nhân đều không nỡ sát hại người hay vật.

d) Tránh nhân quả báo ứng oán thù. – Khi ta giết một người hay một con vật thì sự oán hận của họ tràn trề khó dập tắt được. Họ vì cô thế, vì yếu sức nên bị ta giết hại. Trong khi ấy, họ ôm lòng căm hận, chờ gặp dịp báo thù, hay con cái, thân nhân họ sẽ báo thù lại. Cứ thế, mỗi ngày ta đều gieo cảm hờn cho người và vật, tích lũy lâu ngày, khối oan gia ấy to hơn sức ta, chừng ta sẽ bị nó sát hại lại. Càng tạo nghiệp sát, càng lao mình vào vòng đau khổ. Phật dạy : “Người thường sanh tâm sát hại, càng tăng trưởng nghiệp khổ, mãi xoay vần trong sanh tử, không có ngày ra khỏi” (Kinh Lăng Già).

Lợi ích của sự không giết hại

Vì những lý do trên, Đức Phật cấm Phật tử giết hại. Không giết hại, sẽ có những điều lợi sau đây :

a) Về phương diện cá nhân. – Một người không tàn nhẫn sát nhân, hại vật, không độc ác làm đổ máu, không lóc da, xẻ thịt, chặt đầu, thắc cổ, thì trong lòng không bức rứt, hối hận, thân tâm được nhẹ nhàng, thư thối, giấc ngủ được an lành, nét mặt được hiền hòa, trong sáng.

b) Về phương diện xã hội. – Nếu tất cả nhân loại trên thế giới này đều giữ đúng giới thứ nhất của Phật

dạy đây, thì chiến tranh sẽ không có, mà các nghiệp sanh tử luân hồi cũng được giải thoát. Cho nên Tổ xưa có dạy :

**Nhứt thiết chúng sanh vô sát nghiệp,
Thập phương hà xứ động đao binh.
Gia gia, hộ hộ đồng tu thiện,
Thiên hạ hà sâu bất thái bình.**

Nghĩa là :

*Hết thấy chúng sanh không nghiệp giết,
Mười phương nào có nổi đao binh.
Mỗi nhà, mỗi chốn đều tu thiện,
Lo gì thiên hạ chẳng thái bình.*

Hạn chế : Vẫn biết giết hại là tạo nhân khổ, nhưng người tại gia còn ăn mặn, còn làm công kia việc nọ, thì khó tránh khỏi phạm giới sát. Ở đây không bắt buộc chúng ta phải giữ triệt để như thế, chỉ cần giữ phần quan trọng là không giết người, và các con vật lớn như : trâu, bò, ngựa, chó, heo...

Còn những con vật nhỏ, nếu tránh giết được bao nhiêu thì quý bấy nhiêu. Chúng ta nên đi từ từ thì chắc chắn hơn. Nhất là không nên giết hại sinh vật một cách vô lý, giết để thỏa lòng thích giết.

Trong khi giữ giới sát, chúng ta nên đề phòng hai điều sau đây :

a) *Không nên để cho ác ý sanh khởi.* Giết một con vật lớn mà vô ý hay vì tự vệ, thì cái quả của nó

còn nhẹ hơn là giết một con chuồn chuồn với các ác ý muốn giết cho vui tay.

b) *Nên tránh sự huân tập trong hoàn cảnh giết hại* : Những đứa bé lên 3, lên 5 ra sân gặt chuồn chuồn, bươm bươm chụp bắt rồi ngắt cánh, rút đầu, nếu cha mẹ thấy mà không la rầy; đến 12, 13 tuổi, chúng sấm ná, đàn thun bắn chim, đến 20, 25 tuổi, chúng đâm họng heo, giết chó, vẫn không bị ngăn cấm thì sau này, quen với tánh hung bạo, trong cơn giận dữ, chúng có thể giết người không gớm tay. Vậy không những chúng ta không nên để tự do cho con cái quen với sự giết hại sinh vật, mà cũng không nên cho chúng mục kích những cảnh chém giết ở các rạp chiếu bóng hay ở giữa đời.

2.- Không được trộm cướp

Ai cũng biết trộm cướp là lấy những vật thuộc quyền sở hữu của người, mà không có sự ưng thuận, hay cưỡng ép người ta ưng thuận bằng võ lực hay quyền hành. Những vật quý giá như nhà cửa, ruộng vườn, tiền bạc, ngọc ngà... cho đến vật hèn mọn như lá trầu, trái ớt v.v... người ta không cho mà mình cố lấy đều là trộm cướp.

Trộm cướp có nhiều hình thức : Ý mạnh bề đảng giựt ngang của người là ăn cướp; cậy thế ý quyền làm tiền kẻ yếu là ăn cướp; bắt chẹt người ta trong lúc túng thiếu để cho vay nặng lời, cầm bán với giá rẻ mạt là ăn cướp; tích trữ đầu cơ để bán giá chợ đen là ăn cướp. Dùng mưu mẹo rình rập, lén lút lấy của người là ăn

trộm; cân non, dong thiếu, trốn xâu, lậu thuế, được của người ta mà không tìm cách trả lại cũng là ăn trộm. Có thể nói tóm một câu là : bất cứ hình thức nào, do lòng gian tham lấy của người bất chính đều là trộm cướp cả.

Nếu vì nghèo nàn túng thiếu, vợ ốm con đau, thiếu gạo thiếu thuốc, nên phải buộc lòng gian xảo, thì tội còn được châm chế; chứ đã giàu có, ăn sung mặc sướng, lên xe xuống ngựa mà còn lường gạt người lấy của, cướp công, để sống một cách vương giả trên mồ hôi nước mắt của kẻ nghèo đói, thì tội ác thật nặng nề !

Vì lý do gì Phật cấm trộm cướp ? Phật cấm trộm cướp vì những lý do sau đây :

a) *Tôn trọng sự công bằng* : Chúng ta không muốn ai lấy của mình, tại sao mình lại chăm chăm muốn đoạt của người ? Quyền sở hữu cá nhân của ta, ta biết tôn trọng, thì tại sao ta lại chà đạp lên quyền sở hữu của người ? Làm như thế là trái lẽ công bằng. Một xã hội mà thiếu công bằng thì không thể tồn tại lâu dài được.

b) *Tôn trọng sự bình đẳng*. – Mỗi người đều có Phật tánh như nhau, tại sao ta lại muốn làm khổ người khác để ta được sung sướng ? Tại sao ta lại muốn hưởng những đặc ân bất chính trong khi ta cũng chỉ là một con người như bao nhiêu con người khác ?

c) *Nuôi dưỡng lòng từ bi*. – Một khi vô ý đánh mất một vật gì hay một số tiền, ta dầu dầu-buồn khổ, ăn không ngon, ngủ không yên, tại sao ta lại nỡ tâm lấy của người để cho người phải khóc than, đau khổ vì

ta ? Người ta thường nói : “Tiền tài là huyết mạch”. Như vậy, kẻ cướp đoạt của người tức là cướp đoạt xương máu người, sát hại sinh mạng người vậy. Chỉ những người không có lòng thương người, tán tận lương tâm mới làm những việc đen tối như vậy. Còn ta, Jā là Phật tử, đang cố gắng nuôi dưỡng lòng từ bi, ta không thể trộm cướp của ai được.

d) Tránh nghiệp báo oán thù. – Trong xã hội có tổ chức, tôn trọng lẽ công bằng, thì tội trộm cướp bao giờ cũng bị trừng trị. Ăn trộm thì bị đưa ra tòa án tiểu hình, ăn cướp thì ra tòa án đại hình. Khi chưa bị bắt, kẻ trộm cướp phải tìm trăm phương ngàn kế để trốn tránh, sống chui rúc trong bóng tối. Khi bị bắt, người trộm cướp phải bị trói buộc, tra khảo, ngồi tù, nhốt khám. Phận mình đã đành cực thân khổ trí, lại làm cho gia đình mình, cha mẹ, vợ con cũng buồn rầu, xấu hổ, và mất hết cả hy vọng ở tương lai.

Nhưng nếu luật pháp thế gian không trừng trị, thì người trộm cướp cũng không thoát khỏi luật nhân quả nghiệp báo. Trộm cướp của người thì sẽ bị người trộm cướp lại, gây bao thù oán, khổ đau. Phật dạy : “Người tham luyến sắc tài không chịu rời bỏ, cũng như đứa bé luyến tiếc một chút mật dính trên lưỡi dao, thè lưỡi liếm, phải bị cái họa đứt lưỡi” (Kinh Tứ Thập Nhị Chương). Chính thế, vì tham tiền của, lắm người đã tự gieo mình vào khám đường, vào địa ngục. Chúng ta hãy lắng nghe bài kệ cảnh tỉnh của vua Trần Thái Tông :

**Tạc bích xuyên tường ý bất hư,
Thiên ban bách kế, khổ vinh cầu;
Kim sanh cầu đắc tha nhưn vật,
Bất giác chung thiên thọ mã ngư.**

Dịch :

*Khoét vách soi tường chỉ những dâu,
Ngàn mưu trăm kế lũng tham cầu;
Của người dâu có đời nay được,
Đời khác luôn luôn kiếp ngựa trâu.*

Vì những lý do trên, nên Đức Phật cấm đệ tử trộm cướp.

Lợi ích của sự không trộm cướp

a) *Về phương diện cá nhân.* – Người không gian tham thì đời sống hiện tại được an ổn, không bị đòi hỏi, giam cầm, tù tội, đi đâu cũng được người khác tin cậy, giao phó cho mình những địa vị quan trọng. Người không gian tham thì đời sau được hưởng phước báo giàu sang, an vui, và con cháu nhiều đời cũng nhờ thừa hưởng âm chất của ông bà, cha mẹ mà được hiển vinh.

b) *Về phương diện đoàn thể.* – Nếu một ngày nào trong xã hội không ai có tâm gian tham, trộm cướp thì nhà không cần đóng cửa, của khỏi giữ gìn, vật đánh rơi không mất, thật không còn gì sung sướng hơn ! Người ta khổ bởi không có cửa, nhưng kẻ có cửa nhiều cũng vẫn khổ, vì phải lo giữ gìn. Người không trộm cướp tức là đã âm thầm ban cho người khác sự an ổn rồi.

Nhà Nho có câu : “Nhơn phi nghĩa bất giao, vật phi nghĩa bất thủ”. Huống chúng ta là Phật tử lại đi trộm cướp hay sao ?

3.- Không được tà dâm

Tà dâm tức là muốn nói về sự dâm dục phi lễ, phi pháp. Luật dạy người xuất gia ly tục phải dứt hẳn dâm dục. Khi vợ chồng có cưới hỏi đủ lễ gọi là chánh; ngoài ra, lén lút lang chạ làm việc phi pháp gọi là tà. Nhưng nếu vợ chồng chánh thức đi nữa, mà ăn nằm không phải chỗ, gần gũi nhau không chừng mực thì cũng thuộc về tà dâm cả. Đó là nói về mặt thô thiển. Nói một cách vi tế hơn, thì phạm những sự phóng tâm đắm sắc, nghĩ ngợi bất chánh, chơi bời lả lơi, cũng đều thuộc về loại tà dâm cả.

Phật cấm tà dâm vì những lý do sau đây :

a) *Tôn trọng sự công bình.* – Mỗi người ai cũng muốn gia đình mình đầm ấm yên vui, vợ con mình đoan chánh, thì sao lại đi phá hại gia cang, làm nhục nhã tông môn người, đưa vợ con người vào con đường dâm loạn.

b) *Bảo vệ hạnh phúc gia đình.* – Không gì đau khổ, đen tối hơn, khi một gia đình mà người chồng hoặc vợ có dạ riêng tư, tà vạy. Hạnh phúc đâu còn, khi chồng vợ không tin nhau ! Khi một gia đình lâm vào cảnh ấy, thì con cái sẽ xấu hổ, bê tha, cô cút, bà con không đoái hoài đến, sự nghiệp tan tành, làng xóm chê bai, danh giá hoen ố. Điều kiện thiết yếu để

giữ vững hạnh phúc gia đình chính là lòng chung thủy của hai vợ chồng. Người ta thường bảo : “Thuận vợ thuận chồng, tát bể Đông cũng cạn”. Vì sự tà tâm của một trong hai người bạn đường mà trong gia đình thường xảy ra những sự ghen tương, cãi vã, đánh đập có khi đến gây án mạng. Có khi, để trả thù, người ta thường thấy xảy ra cái cảnh “ông ăn chả, bà ăn nem”. Một người chồng để tâm dòm ngó vợ con người, thì chính vợ con họ cũng lăm le vạch rào sang nhà kẻ khác rồi. Họ phá hạnh phúc gia đình người, thì chính hạnh phúc gia đình họ cũng đã tan rã trước.

Cho nên cấm tà dâm là một điều kiện cần thiết để xây dựng hạnh phúc cho gia đình mình và gia đình người.

c) *Tránh oán thù và quả báo xấu xa.* – Phật dạy : “Người ôm lòng ái dục cũng như kẻ cầm đuốc đi ngược gió, quyết bị nạn cháy tay” (Kinh Tứ Thập Nhị Chương). Thật vậy, người ta có tâm xấu xa đắm mê sắc dục, không sớm thì chầy quyết bị hại : nếu không tan nhà mất nước, thì cũng gãy chân mất mạng bởi mũi sủng, ngọn gươm. Xưa nay những kết quả thảm khốc đen tối do sự đắm mê sắc dục gây ra không thiếu gì; chúng ta chỉ cần dỡ những chồng sách lịch sử hay chồng báo hằng ngày, sẽ thấy nhan nhản trong mỗi trang, mỗi đoạn.

Trong các sự oán thù, không có sự oán thù nào mãnh liệt bằng sự oán thù do sự lừa dối phụ rẫy về

tình ái gây ra. Các cuộc án mạng xảy ra hằng ngày, phần lớn là kết quả của tà dâm.

Lợi ích của sự không tà dâm

Vì thế nên sự giữ giới cấm tà dâm sẽ có những lợi ích sau đây :

a) *Về phương diện cá nhân.* – Kinh Thập Thiện nói : “Người thế gian không tà hạnh thì được hưởng bốn điều lợi như sau :

– Sáu căn (tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý) đều được vẹn toàn.

– Trọn đời được người kính trọng.

– Đoạn trừ hết cả phiền lụy khuấy nhiễu.

– Cuộc tình duyên trọn đời không ai dám xâm phạm”.

b) *Về phương diện đoàn thể.* – Trong một xã hội mà ai cũng không tà hạnh, thì gia đình được yên vui hạnh phúc, những sự thương luân bại lý sẽ tiêu tan, những cảnh thù hiềm, chém giết không xảy ra nữa; con cái được mạnh khỏe, nâng niu, xã hội sẽ cường thịnh.

Nói tóm lại, cõi Ta-bà ô trọc, đau khổ này sẽ biến thành thế giới thanh tịnh, an vui.

4.- Không được nói sai sự thật

Nói sai sự thật có 4 cách : Nói dối, nói thêu dệt, nói lưỡi hai chiều, nói lời hung ác.

a) *Nói dối hay nói láo*, là nói không thật, chuyện có nói không, chuyện không nói có; việc phải nói trái, việc trái nói phải; điều nghe nói không nghe, điều không nghe nói nghe; hoặc giả trước mặt khen dỗi, sau lưng chê mạt; hay là không ưa thì dụ ngọt thơm tho, khi ghét đấng cay chua chát. Tóm lại, ý nghĩa lời nói việc làm trước sau mâu thuẫn, trên dưới khác nhau, trong ngoài bất nhất, đều thuộc về nói dối cả.

b) *Nói thêu dệt*, là việc ít xích cho nhiều, làm cho người nghe nổi sân hận, là trau tĩa lời nói, chuốt ngót giọng hay, lên hơi xuống giọng cho êm tai mát dạ để cám dỗ người nghe, làm cho người say mê đắm nhiễm; cũng có khi là nói biếm, nói bâm, nói châm, nói chích làm cho người nghe phải khổ sở. Tóm lại, bao nhiêu lời nói không đúng nghĩa chân thật, thêm bớt, cho đến văn chương phù phiếm, bóng bẩy làm cho kẻ nghe phải loạn tâm, sanh phiền não, đều gọi là nói thêu dệt cả.

c) *Nói lười hai chiều*, hay nôm na hơn, là nói “đòn xóc nhọn hai đầu”, nghĩa là đến chỗ này thì về hòa với bên này để nói xấu bên kia, đến bên kia thì về hòa với bên ấy để nói xấu bên này, làm cho bạn bè đang thân nhau trở lại chống nhau, kẻ ân người nghĩa chống đối, oán thù nhau.

d) *Nói lời hung ác*, là nói những tiếng thô tục, cộc cằn, chửi rủa, làm cho người nghe phải đau khổ, buồn rầu, sợ hãi.

Vì sao Phật cấm nói sai sự thật ? – Phật cấm nói sai sự thật vì những lý do sau đây :

a) *Tôn trọng sự thật.* – Đạo Phật là đạo như thật; người tu theo đạo Phật phải tôn trọng sự thật. Người quen với dối trá, không thiết tìm sự thật thì khó có thể chứng quả được. Chúng ta đang sống trong vọng tưởng, công việc chính của người tu hành là cố gắng phá tan vọng tưởng ấy để thấy được bản nguyện; nếu không làm được như thế mà trái lại còn chồng chất thêm cái vọng tưởng ấy với những sự dối trá lừa phỉnh nữa, thì thật là vô cùng trái đạo.

b) *Nuôi dưỡng lòng từ bi.* – Cái động lực chính của sự dối trá là lòng ích kỷ, ác độc, muốn hại người để thỏa lòng dục vọng đen tối của mình. Người bị lừa dối, phỉnh gạt phải đau khổ vì mình, có khi phải mắc thù vương oán, có khi phải tan gia bại sản. Người tu hành mà làm như thế là đã tán tận lương tâm, đã bóp chết tình thương trong lòng họ rồi. Một khi lòng từ bi không có nữa, nghĩa là cái động lực chính đã mất, thì sự tu hành chỉ còn là giả dối, lừa bịp người, và tất nhiên không bao giờ có kết quả tốt.

c) *Bảo tồn sự trung tín trong xã hội.* – Trong một gia đình, một đoàn thể, một xã hội mà không ai tin ai, thì mọi công cuộc từ nhỏ đến lớn đều thất bại. Trong đạo Nho, một trong 5 đức tánh căn bản là lòng tin. “Nhơn vô tín bất lập”, đó là lời dạy của Khổng Tử. Hạnh phúc gia đình và xã hội không thể có được trong sự dối trá, nghi ngờ, đổ kỵ.

d) *Tránh nghiệp báo khổ đau.* – Lời nói tuy không phải là lưỡi kiếm, nhưng nó nguy hiểm hơn lưỡi kiếm, vì nó có hai mũi nhọn, một mũi đâm vào người khác và một mũi đâm vào chính người sử dụng nó. Ai ai chắc cũng chưa quên câu chuyện thằng bé chần cừ muốn đánh lừa hàng xóm, bằng cách la “Lửa ! Lửa !”, nhưng nó chỉ phỉnh người được một lần; lần sau, nhà nó cháy thật, mặc dù nó kêu la thảm thiết cũng không ai thèm đến chữa nữa. Đấy, người dối trá chỉ gây họa cho mình. Do đó, Phật dạy “Phù sĩ xử thế phủ tại khẩu trung, sở dĩ trảm thân do kỳ ác ngôn”, nghĩa là : Phạm kẻ ở đời, lưỡi búa bén nằm sẵn trong miệng, sở dĩ chém mình là do lời nói ác. Đã đành nói ly gián, nói xuyên tạc là để hại người, nhưng khi đã làm hại người thì thế nào người cũng hại lại mình. “Ác lai ác báo” là thế. Để tránh sự thù hằn, tránh nghiệp dữ, chúng ta không nên dối trá, điêu ngoa.

Lợi ích của sự không dối trá

a) *Về phương diện cá nhân.* – Được người trọng nể, tin cậy, không ai oán hận thù hiểm; đi đâu cũng được người chung quanh dành cho một địa vị thân tín, niềm nở đón tiếp. Trong nghề nghiệp làm ăn, người chân thật được nhiều thân chủ, và được giao phó cho nhiều trọng trách quý báu.

b) *Về phương diện đoàn thể.* – Gia đình và xã hội được đoàn kết trong sự tin cậy. Mọi công việc chung được xúc tiến có kết quả tốt. Đồng bào thương yêu, thông cảm nhau hơn.

Hạn chế : Nói dối là một tai họa lớn lao cho mình và xã hội. Tuy nhiên, cũng có vài trường hợp nên nói dối. Đó là khi nào vì lòng từ bi mà phải nói dối để cứu người hay vật. Nói dối phạm tội là trong trường hợp do lòng tham, sân làm động cơ thúc đẩy. Ngược lại, nếu do lòng từ bi thúc đẩy mà phải nói dối, thì không phạm tội.

5.- Không được uống rượu

Tất cả những thứ có chất men làm say người, hay chất độc hại người đều không được uống. Chính mình không uống đã đành, mà cũng không được ép nài người khác uống. Ép nài, khuyến khích người khác uống, tội lại nặng hơn cả chính mình uống nữa. Lúc lâm bệnh nặng, uống các thứ thuốc không lành, lương y bảo phải dùng rượu hòa vào thuốc, thì tạm được dùng. Nhưng trước khi dùng phải bạch cho chúng Tăng biết. Khi hết bệnh, không được tiếp tục uống thuốc có hòa rượu ấy nữa.

Vì những lý do gì Phật cấm uống rượu ?

– Phật cấm uống rượu vì những lý do sau đây :

a) *Bảo toàn hạt giống trí tuệ.* – Rượu còn nguy hiểm hơn thuốc độc. Một chén thuốc độc ta uống vào chết ngay, nhưng chỉ chết một thân hiện tại, chứ rượu uống vào, làm mất giống trí tuệ, phải chết đi sống lại vô số kiếp. Vì thế, để bảo toàn hạt giống trí tuệ quý báu, Phật cấm uống rượu.

b) *Ngăn ngừa những nguyên nhân sanh ra tội lỗi.* – Rượu chính nó không phải là một tội lỗi như sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nhưng nó có thể làm nhân cho những tội lỗi kia sanh ra. Khi đã uống rượu vào say sưa, thì tội nào cũng có thể phạm được. Dưới đây là một câu chuyện để chứng minh điều đó :

Một anh nông phu kia đang cày ruộng giữa đồng, bỗng thấy hiện ra sừng sững trước mặt mình một hung thần to lớn, kỳ dị, hăm giết anh. Anh kinh sợ, khóc lóc xin tha mạng. Vị hung thần bảo :

– Nếu ngươi làm một trong ba việc này thì ta tha chết cho : hoặc là giết cha ngươi, hoặc là đánh mẹ ngươi hay uống hết lít rượu để trên bàn nhà ngươi.

Anh nông phu suy nghĩ một hồi trả lời :

– Xin ngài cho con được uống lít rượu.

Ác thần nghe xong, có vẻ hài lòng, rồi biến mất.

Trưa hôm ấy, anh nông phu về nhà, thấy lít rượu mà ông thân mua về để đãi khách, vì nhà sắp có giỗ, anh ta vội vàng chụp lấy, nốc cạn một hơi. Cha anh thấy đứa con hỗn láo, nắm gậy xông lại đánh mắng con. Ma men đã thấm, anh ta không còn biết phải trái, giựt gậy của cha, đánh ông một cây chết tốt! Bà mẹ chạy đến ôm con la làng. Anh ta chưa hả cơn giận, đánh mẹ túi bụi. Làng xóm chạy lại bắt anh dẫn lên quan vì tội giết cha đánh mẹ. Tỉnh lại anh mới biết uống rượu là tội nặng nhưt trong 3 điều mà hung thần đã bắt anh làm.

Tóm lại, rượu gây ra rất nhiều tội lỗi. Sau đây là 10 tai hại của rượu mà trong Kinh đã nói đến :

Của cải rơi mất;
Tăng trưởng lòng giết hại;
Trí tuệ kém dần;
Sự nghiệp chẳng thành;
Thân tâm nhiều khổ;
Thân hay tật bệnh;
Tâm sân hận bùng bột, ưa cãi lẫy;
Phước đức tiêu mòn;
Tuổi thọ giảm bớt;
Mạng chung đọa vào địa ngục.

Lợi ích của sự cấm rượu

a) *Về phương diện cá nhân.* – Người không uống rượu thì tránh được 10 điều hại vừa kể trên : Không mất tiền của, thân ít bệnh tật, không sinh lòng ác độc giết hại, bớt nóng giận, trí tuệ tăng trưởng, tuổi thọ càng cao v.v...

b) *Về phương diện đoàn thể.* – Gia đình được yên vui, con cái ít bệnh tật, xã hội được hòa mục, nòi giống được hùng cường.

C.- KẾT LUẬN :

1.- Phật tử không giữ giới không phải là Phật tử. – Chúng ta đã thấy công dụng thiết thực và lợi ích của năm giới về phương diện cá nhân và đoàn thể. Nếu Tam quy là nền tảng, thì Ngũ giới là 5 nấc

thang của người Phật tử tại gia để bước dần lên Thánh quả. Trong bước đầu, người Phật tử nếu có thể phát nguyện giữ cả năm giới thì càng tốt; nếu vì nhiều sự ràng buộc chưa thể giữ được cả năm giới thì có thể giữ vài giới mà mình thấy có thể thực hành được, như : không uống rượu, không nói dối. Rồi với sự tinh tấn và Bồ-đề tâm dũng mạnh, ta tiếp tục phát nguyện giữ thêm những giới khác như không trộm cắp, không tà dâm... Nhưng đã phát nguyện giữ giới nào thì giữ cho trung kiên, đừng có một bước tiến tới, hai bước thoái lui, dùng dằng như thế mãi thì không bao giờ đi đến đâu cả.

Nếu người Phật tử mà không giữ được giới nào, thì sao gọi được là Phật tử ? Người thường, không theo Phật mà còn có thể giữ đúng tư cách như không uống rượu, không nói dối, không trộm cắp thay, hướng hô là Phật tử ? Ta đến với đạo Phật là vì muốn vượt lên trên đời tầm thường của thế nhân. Nếu chúng ta vào đạo rồi mà vẫn tiếp tục cuộc đời trôi nổi cũ, hay còn tệ hơn cuộc đời thường của thế nhân, thì đó là chúng ta muốn làm hoen ố đạo, chứ không phải là ngưỡng mộ đạo.

Cho nên, người Phật tử phải cố gắng giữ giới để cho xứng đáng với danh nghĩa của mình, để đem hạnh phúc đến cho mình và chúng sanh.

2.- Người không theo đạo Phật cũng nên giữ giới. – Năm giới nói trên không có gì là cao siêu, huyền bí. Đó là một bài học công dân thông thường

mà bất cứ một xã hội nào, một quốc gia nào muốn
phồn thịnh, hùng cường cũng không thể bỏ sót được.
Cho nên 5 điều luật ấy không phải chỉ để áp dụng
riêng cho giới Phật tử, mà còn chung cho tất cả
những ai muốn sống một cuộc sống lành mạnh, an
vui, có lễ nghĩa và tiến bộ.

Một xã hội mà mọi phần tử đều thực hiện được
5 giới cấm ấy, thì đó là một xã hội gương mẫu, văn
minh như thế giới.

HOẰNG PHÁP



BÀI THỨ SÁU

SÁM HỐI

DÀN BÀI

A.- MỞ ĐỀ :

Chúng ta không một ai có thể tự hào là hoàn toàn trong sạch; vậy muốn được trong sạch, cần phải sám hối.

B.- CHÁNH ĐỀ :

- I.- Định nghĩa hai chữ Sám hối.
- II.- Các cách sám hối
- | | | |
|--|---|--|
| 1.- Cách sám hối sai lầm | { | a) Thế gian : trầu rượu tạ tội. |
| | | b) Tôn giáo : khổ hạnh, thiêu thân rửa tội |
| 2.- Cách sám hối chân chính của Đạo Phật | { | a) Tác pháp, sám hối. |
| | | b) Thủ tướng sám hối |
| | | c) Hồng danh sám hối |
| | | d) Vô danh sám hối. |
- III.- Phát triển hạnh lành để tiêu trừ tội cũ
- | | |
|---|---------------------------|
| { | 1.- Luận về tội cũ. |
| | 2.- Phát triển hạnh lành. |

C.- KẾT LUẬN :

- 1.- Trong 4 pháp sám hối trên, cần lựa pháp nào thích hợp với mình để sám hối.
- 2.- Người tu hành theo pháp sám hối thì có kết quả tốt đẹp.

BÀI THỨ SÁU

SÁM HỐI

A. MỞ ĐỀ :

Chúng ta sống trên đời này không ai là hoàn toàn trong sạch.

Phật thường dạy : “Phàm còn xuống lên ba cõi, lăn lộn trong sáu đường, thì không một loài nào được hoàn toàn trong sạch, không một giống nào dứt hết tội lỗi”.

Thật thế, cõi đời này đã được gọi là cõi trần, thì làm sao trong sạch được ? Người ta thường nói “ở bầu thì tròn, ở ống thì dài”; vậy thì ở trong bụi tất phải lấm bụi. Bụi đời đã lâu đời lâu kiếp phủ lên thân, lên đầu chúng ta, vào trong buồng gan lá phổi của chúng ta. Nó làm cho chúng ta mờ mắt không thấy được đường chánh; nó làm cho chúng ta đục lòng, không thấy được chân tâm.

Nếu chúng ta muốn sống mãi trong cảnh bụi nhơ, muốn đắm mình trong tội lỗi, thì không nói làm gì. Nhưng khi chúng ta đã muốn được trong sạch thanh thoi, muốn trút bỏ tội lỗi cho lòng được nhẹ nhàng, thư thới, thì tất nhiên chúng ta phải tìm phương pháp để trừ cho hết bụi bặm, tẩy trừ cho hết tội lỗi. Trong Đạo Phật, phương pháp tẩy trừ ấy gọi là Sám hối.

B.- CHÁNH ĐỀ :

I.- ĐỊNH NGHĨA

Chữ “Sám”, tiếng Phạn gọi là Samma; Hán dịch

là “Hối quá”. Kinh nói : “Sám giả sám kỳ tiền khiên, Hối giả hối kỳ hậu quá”. Nghĩa là Sám là ăn năn lỗi trước, còn Hối là chữa bỏ lỗi sau. Nếu dùng một chữ Sám hay một chữ Hối không, thì chưa đủ ý nghĩ, nên các Tổ xưa ghép hai chữ lại thành danh từ “Sám hối”, dịch theo tiếng Việt là “ăn năn chữa lỗi”.

Như thế trong chữ Sám hối có hàm nghĩa ăn năn, hối hận vì những lỗi lầm trong quá khứ, bất luận là lâu mau, và bây giờ cho đến về sau, mình nguyện là không tái phạm nữa. Nếu biết lỗi cũ là bây, bây giờ mình xin chuộc lỗi, mà sau này vẫn còn làm lại, thì không phải là đúng nghĩa Sám hối trong Đạo Phật.

II.- CÁC CÁCH SÁM HỐI

1.- Sám hối sai lầm

Đúng ra chữ Sám hối là danh từ riêng của Đạo Phật. Khi Sám hối mà gọi là sai lầm, thì không phải là Sám hối nữa rồi. Nhưng để tiện việc diễn đạt, chúng ta hãy tạm dùng hai chữ ấy để nói chung những cách chuộc tội ở thế gian hay trong các ngoại đạo.

Người thế gian, khi có tội lỗi với ông bà, làng nước, thường dùng trâu rượu, hay heo gà, tiền bạc để tạ tội, xin lỗi. Có khi người ta lại dùng hình thức “đoái công thực tội”, như khi phạm tội với triều đình hay trong quân ngũ chẳng hạn. Hình thức lấy công chuộc tội cũng có chỗ hay, nhưng chưa hoàn hảo và còn thô thiển. Nó chỉ áp dụng để đối phó với bên ngoài, chứ

trong trường hợp những tội lỗi xảy ra trong nội tâm của chúng ta, những tội lỗi rất vi-tế rất sâu xa, thì khó có thể mà áp dụng được hình thức nói trên.

Trong các ngoại đạo, người ta cũng có dùng nhiều hình thức chuộc tội : như có đạo dùng máu thú vật để xin rửa tội với thần linh; có đạo chủ trương xuống tắm ở những sông, suối mà người ta cho là linh thiêng thì hết tội, có đạo lại đem phẩm vật để xin Thánh thần xá tội; có đạo lại chủ trương khổ hạnh, ép xác như đánh đập thân mình, nhịn đói khát, chịu nóng rét, nằm gai nệm mật để được giải thoát tội lỗi.

Những cách chuộc tội như thế đều sai lầm hết. Tội lỗi thuộc về tâm lý, không có hình tướng. Vậy thì làm sao có thể lấy vật chất như nước, máu huyết, phẩm vật hay xác thân để làm cho sạch tội được.

2.- Sám hối chân chính

Đức Phật dạy rằng : Tội lỗi do tâm của người tạo ra, không ai có quyền thưởng phạt được. Kẻ gieo giống xấu thì ăn trái dở, người trồng giống quý thì hưởng quả ngon. Tội lỗi đã từ tâm tạo, thì cũng phải từ tâm mà sám. Lời nói thật rõ ràng, chí lý, hợp với thực nghiệm. Vậy chúng ta muốn hết tội, phải y theo những pháp sám hối chân chánh của Đạo Phật mà thật hành. Trong Đạo Phật, có 4 pháp sám hối sau đây, có pháp thuộc về sự, có pháp thuộc về lý :

- Tác pháp sám hối (sự).
- Thủ tướng sám hối (lý).

- Hồng danh sám hối (sự).
- Vô danh sám hối (lý).

a) *Tác pháp sám hối* : Pháp sám hối này thuộc về sự, phải lập giới đàn và thỉnh thanh tịnh Tăng chứng minh, nên gọi là tác pháp. Khi vào giới tràng, mình phải thành thật tỏ bày tội lỗi một cách thành khẩn, chí tâm ăn năn và nguyện về sau không tái phạm nữa. Một lòng thành kính sám hối như vậy, khi giới thể được thanh tịnh, tức là hết tội.

b) *Thủ tướng sám hối* : Pháp này thuộc về sự và khó hơn pháp trước. Phật chế pháp này, là pháp sám hối thuộc quán tướng, cho những người tu hành có trình độ cao, hoặc ở chỗ không có Tăng, hay có, nhưng không được thanh tịnh.

Muốn tu pháp này, hành giả phải đến trước tượng Phật hay Bồ-tát, thành tâm lễ bái, trình bày những tội lỗi đã phạm, và nguyện ăn năn chừa bỏ. Làm như thế từ một ngày, ba ngày, bảy ngày, 49 ngày, và mãi cho đến khi nào thấy được hảo tướng : như thấy hào quang, hoa sen báu, thấy Phật, Bồ-tát đến xoa đầu v.v... thì mới thôi.

c) *Hồng danh sám hối* : Pháp Hồng danh sám hối này cũng thuộc về sự, do ngài Bất Động Pháp sư đời Tống bên Trung Hoa soạn ra. Ngài rút 53 danh hiệu Phật trong Kinh “Ngũ Thập Tam Phật” tức là từ Đức Phật Phổ Quang cho đến Phật Nhứt Thế Pháp Tràng Mãn Vương, và rút 35 hiệu Phật trong Kinh “Quán Dược-vương, Dược-thượng” với pháp thân Đức

Phật A Di Đà, sau thêm vào kệ Phổ-Hiền đại nguyện, thành nghi sám hối này, tổng cộng là 108 lạ, để ám chỉ trừ 108 phiền não.

Nghi thức sám hối này, nếu ai chí thành kính lễ, thì sẽ diệt trừ được những phiền não và tội lỗi đã tạo, trong đời hiện tại cũng như nhiều đời về quá khứ. Đức Phật Tỳ Bà Thi nói : “Nếu chúng sanh nào nghe danh hiệu 53 vị Phật này, thì trăm ngàn ức kiếp không đọa vào ba đường ác”. Đức Phật Thích Ca nói : “Thuở xưa, đời Phật Diệu Quang, Ta đi tu nhằm đời mạng pháp, nhờ được nghe danh hiệu 53 vị Phật này, và thành tâm lễ bái, mà tránh khỏi những đau khổ trong đường sanh tử luân hồi nhiều kiếp”. Còn 35 danh hiệu Phật sau, từ Đức Phật Thích Ca cho đến Đức Phật Bửu Liên Hoa Thiện Trụ Ta La Thọ Vương, thì trong Kinh Bửu-Tích nói : “Nếu tất cả chúng sanh, hoặc phạm tội ngũ nghịch hay thập ác, đến muôn kiếp không thể sám hối, chỉ xưng danh hiệu 35 vị Phật này và lễ bái, thì bao nhiêu tội chướng đều tiêu trừ”.

Hồng-danh của chư Phật có công đức không thể nghĩ bàn như vậy, nên ngài Bất Động Pháp sư mới soạn ra để làm nghi thức sám hối. Pháp Hồng-danh sám hối, hiện nay, hầu hết các chùa đều thực hành theo.

Về sau ngài Từ Vân Pháp sư vì những người yếu đuối hoặc không quen lạ nhiều, nên đã soạn ra một nghi thức sám hối, rất gọn dễ và đầy đủ ý nghĩa, cũng gọi là Pháp tiểu sám hối, để cho Phật tử có thể hằng ngày sám hối tội lỗi của mình.

d) *Vô danh sám hối* : Pháp này thuộc về lý sám hối, rất cao và khó, bậc thượng căn mới có thể thực hành được. Có hai cách sám :

- *Quán tâm vô sanh* : Nghĩa là quan sát tự tâm mình hiện tiền không sanh. Như trong Kinh Kim Cang nói : “Tâm quá khứ không thể được, tâm hiện tại chẳng có, tâm vị lai cũng không”. Quán trong ba thời gian đều không có tâm, thì vọng niệm không từ đâu mà có, nếu vọng niệm không có, thì các tội lỗi cũng không. Kinh nói : “Tội từ nơi tâm sanh mà cũng từ nơi tâm diệt. Nếu tâm này không sanh, thì tội kia cũng chẳng còn, thế mới thật là sám hối”.

- *Quán pháp vô sanh* : Nghĩa là quan sát thật tướng (chơn tánh) của các pháp không sanh. Chữ “thật tướng”, nghĩa là cái tướng ấy không sanh không diệt, không hư dối; từ xưa đến nay nó vẫn thường như thế, không bị thời gian thay đổi, hay không gian chuyển dời, suốt xưa thấu nay, nên gọi là thật tướng (tướng chân thật). Nó cũng có tên là chơn như hay chơn tâm...

Khi nhận được thật tướng rồi, thì các giả tướng đều không còn. Lúc bấy giờ những tội lỗi (giả tướng) kia, không còn gá nương vào đâu mà tồn tại. Trong Kinh Quán Phổ Hiền có chép : “Muốn sám hối, phải quán thật tướng của các pháp, thì tội mới hoàn toàn tiêu diệt”.

III.- PHÁT TRIỂN HẠNH LÀNH MỚI, ĐỂ TIÊU TRỪ TỘI LỖI CŨ

Làm lễ sám hối xong, cần phải phát triển những hạnh lành cho nhiều, để tiêu trừ tội lỗi cũ.

1.- Luận về tội lỗi thời đã qua

Những tội lỗi xưa của chúng ta rất nhiều, có thể nói là vô số. Sự sống của chúng ta tiếp nối liên lạc với nhau từ đời nọ đến đời kia, như một chuỗi dài vô tận. Rồi cứ trong mỗi đời, từ sanh đến tử, từ tử đến sanh, chúng ta cứ tạo thêm tội mãi. Từ cái tệ này bắt qua cái dở khác, từ cái lỗi nhỏ di tới các tội lớn, cái đà ấy cứ tăng tiến mãi tạo thành một sức mạnh gọi là nghiệp lực, dắt dẫn chúng ta vào đường khổ não, mê lầm, tức là dòng sanh tử mà chúng ta đang thọ vậy.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, đức Phổ Hiền Bồ-tát nói : “Nếu tội lỗi của chúng sanh có hình tướng, thì tất cả hư không cũng không thể chứa hết”. Thật thế, tội lỗi của chúng sanh chất chồng từ muôn vạn kiếp, và truyền nối qua thời gian, bởi di truyền, phong tục, thói quen v.v... Chẳng hạn như tánh tham, chúng ta mới sanh, nào có ai dạy cho chúng ta đâu, thế mà chúng ta vẫn biết ! Cũng không ai bảo chúng ta giận hờn, vậy mà gặp điều gì trái ý, là chúng ta cau có, la lối liên. Những tánh xấu ấy có một lần với thân và rất sâu sắc, khó dứt trừ. Trong kinh gọi chúng nó là “câu sanh phiền não”, hay “bốn hữu chủng tử”, nghĩa là những hạt giống có từ lâu. Những hạt giống xấu này lại còn làm duyên sanh ra các tội lỗi khác, mà trong kinh luận gọi là “Phân biệt phiền não” hay “thủ khởi chủng tử”, nghĩa là hạt giống mới nhiễm do ảnh hưởng thời đại, tập quán, phong tục chi phối. “Phân biệt phiền não” thì có thể dễ trừ, nhưng “câu sanh phiền não” thì rất khó trừ. Chúng như cỏ cú,

đâm sâu gốc rễ rất xa; nếu người làm vườn khinh thường nó thì không dễ gì dọn đất sạch cỏ.

Cho nên chúng ta cũng không nên sám hối lấy lệ, lấy có được ! Chúng ta phải làm sao cho :

a) Những tánh xấu kia yếu bớt dần dần, do sức mạnh của lòng thành khẩn và chí cương quyết;

b) Rồi dứt tuyệt chúng, mà nếu không có phương pháp thích hợp, thì chẳng khác gì lấy đá đè cỏ : nó nằm bẹp tạm thời, nhưng khi đời đá đi, nó sẽ mọc lên mạnh mẽ hơn trước. Phương pháp thích hợp trong sự sám hối là : **phát triển hạnh lành, để tiêu trừ tội lỗi cũ.**

2.- Phát triển hạnh lành.

Trong lòng mỗi chúng ta không phải toàn chứa đựng những tánh xấu xa. Nếu tánh xấu đã có từ muôn đời, thì tánh tốt cũng có từ vô thủy. Chúng ta mỗi người đều có Phật tánh là cái mầm của muôn hạnh lành, cái mầm ấy đã bị chôn vùi dưới bao lớp dục vọng, si mê. Bây giờ muốn tiêu trừ dục vọng thì chúng ta phải tạo điều kiện, cho cái mầm Phật tánh trở lá, lên hoa kết trái Bồ-đề. Điều kiện làm cho mầm Bồ-đề phát triển là những hạnh lành như Từ bi, Hỷ xả, Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn v.v... Nếu chúng ta phát triển những tánh tốt ấy, tất nhiên những tánh xấu không có đất để mọc lên nữa.

C.- KẾT LUẬN :

Như chúng ta đã thấy ở các đoạn trên, người thế

gian hay các tôn giáo đều có những cách thức ăn năn ngừa lỗi cả. Song, chỉ có pháp sám hối của Đạo Phật mới dứt trừ được tội lỗi, do chỗ lấy sự cải ác, từng thiện làm cốt yếu.

Trong 4 pháp sám hối của Đạo Phật, có pháp về Sự, có pháp về Lý, có pháp cao, có pháp thấp. Vậy phải tùy theo căn cơ và hoàn cảnh của mỗi người mà áp dụng. Người thượng căn, thì quán pháp vô sanh sám hối. Người không gặp cảnh thuận tiện, không có giới đàn, không gặp cao Tăng, thì dùng pháp Thủ tướng sám hối. Người được cảnh thuận tiện có giới đàn thanh tịnh, có cao Tăng đại đức thì dùng pháp Tác pháp sám hối. Còn thấy mình tội chướng nặng nề, và thấy các pháp trên khó thực hành được, thì cứ mỗi đêm, hay trong những bữa ăn chay và ngày sóc vọng, tùy tiện đến chùa hoặc ở nhà chí tâm lạy Hồng-danh sám hối hoặc Tiểu sám hối cũng tốt.

Trong các pháp sám hối của Đạo Phật, mặc dù có lạy có quỳ, có lễ bái, nhưng không phải để cầu cạnh van xin được tha tội đâu. Trong cái lạy cái quỳ ấy, có chứa không biết bao nhiêu ý nghĩa và lợi ích. Vẫn biết lạy và quỳ, nhứt là trong pháp Hồng-danh sám hối, thật là hao hơi mệt xác, nhưng trong cái mệt xác thân, có cái vui tinh thần, trong cái sự tương bên ngoài có hàm cái lý nghĩa bên trong.

Thật vậy, tuy có lạy nhiều, niệm lâu, nhưng vẫn không ra ngoài những mục đích sau :

1.- Tìm cách thiết thực làm cho tâm tánh con người được trong sạch, hết sự lỗi lầm ở trong đời hiện tại, mà cũng tiêu trừ những tội ác trong đời quá khứ.

2.- Tìm cách phát triển những hạnh cao cả, noi theo những gương mẫu sáng suốt của các bậc Thánh hiền.

Tóm lại, các pháp sám hối của Đạo Phật, nếu thực hành một cách đúng đắn, sẽ đem lại những kết quả quý báu sau đây :

- Làm phát triển tánh thành thật.

- Trau dồi đức tánh cương quyết trong sự diệt trừ tánh xấu.

- Dứt được tội, sanh phước.

- Mau thắng đến chỗ giải thoát an vui.

Nhờ pháp sám hối của Đạo Phật, con người có thể cải hóa lòng mình tốt đẹp hơn. Nhờ pháp sám hối, con người có thể làm cho đời sống cá nhân được hạnh phúc, và đời sống xã hội được hòa bình, an lạc.

Vậy ai là người muốn hết tội lỗi; ai là người muốn giải thoát sanh tử luân hồi; ai là người yêu chuộng chân lý, hãy cùng nhau nghiên cứu và thực hành các pháp sám hối của Đạo Phật cho kỹ lưỡng, để trước là cải thiện đời sống cá nhân, sau là đời sống của giống hữu tình được bớt đau khổ, và thêm an vui.

HOÀNG PHÁP



BÀI THỨ BẢY

THỜ PHẬT, LẠY PHẬT, CÚNG PHẬT

DÀN BÀI

A.- MỞ ĐẦU :

Phàm những bậc có công ơn lớn với nhân loại đều được tôn thờ. Sự tôn thờ ấy là biểu hiện của lòng tri ân và sự hâm mộ.

B.- CHÁNH ĐỀ :

I.- THỜ PHẬT

- 1.- Phật là một bậc đáng tôn thờ.
- 2.- Phải thờ Phật như thế nào mới đúng ý nghĩa ?
- 3.- Phải thờ Đức Phật nào ?
- 4.- Cách thức thờ Phật.

II.- LẠY PHẬT

- 1.- Ý nghĩa lạy Phật.
2. Phải lạy Phật như thế nào mới đúng ý nghĩa ?
 - Lễ sai.
 - Lễ đúng.
- 3.- Bốn phép lạy (thuộc về lý)
 - a) Phát trí thanh tịnh lễ.
 - b) Biến nhập pháp giới lễ.
 - c) Chánh quán lễ.
 - d) Thật tướng bình đẳng lễ.

III.- CÚNG PHẬT

- 1.- Ý nghĩa về cúng Phật.
2. Phải cúng Phật với những gì ? (về sự)
- 3.- Năm món diêu hương để cúng Phật (về lý)
 - a) Hương giới.
 - b) Hương định.
 - c) Hương huệ.
 - d) Hương giải thoát.
 - đ) Hương giải thoát tri kiến.
- 4.- Cúng dường Pháp bảo.
- 5.- Cúng dường Tăng bảo.

C.- KẾT LUẬN :

- 1.- Lợi ích của sự thờ Phật, lạy Phật, cúng Phật.
- 2.- Khuyến phát tâm chánh tín trong sự thờ Phật, lạy Phật, cúng Phật.

BÀI THỨ BẢY

· THỜ PHẬT, LẠY PHẬT, CÚNG PHẬT

A.- MỞ ĐẦU :

Xưa nay, những bậc có công ơn lớn đối với quốc gia, xã hội đều được tôn sùng, ngưỡng mộ. Sự tôn sùng, ngưỡng mộ này do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chính là lòng tri ân và sự mong muốn được noi gương sáng.

Tục ngữ ta có câu : “Ăn trái nhớ kẻ trồng cây, uống nước phải nhớ người đào giếng”. Lòng tri ân là một đức tánh quý báu, mà những người có chút công bằng không thể thiếu được. Một xã hội gồm những phần tử phi ân bội nghĩa, ăn cháo đá bát, không có thể tồn tại được lâu dài, vì nó làm chán nản những kẻ có lòng, và làm khô cạn nguồn hy sinh. Và lại, nếu con người thấy điều tốt, người hiền mà chẳng hâm mộ, thấy điều xấu, người ác mà không tránh xa, thì con người ấy là người thiếu căn bản đạo đức, thiếu mầm thiện, khó có thể tiến bộ.

Vì những lý do trên, ta thấy trên thế giới, bất luận ở phương trời nào, dân tộc nào, thời đại nào, hễ kẻ có công đức với làng xóm, thì được làng xóm tôn thờ, kẻ có công đức với quốc gia, dân tộc, thì được quốc gia, dân tộc tôn thờ, kẻ có công đức với nhân loại, thì được nhân loại sùng thượng.

Sự thờ cúng trong các tôn giáo cũng không ra ngoài

những lý do đã kể trên. Nhưng ở các tôn giáo, sự thờ cúng có tánh cách thường trực và thiết tha hơn, vì các vị Giáo chủ là những bậc có công ơn lớn đối với nhân loại và là những gương sáng mà tín đồ cần đặt luôn luôn ở trước mắt để soi sáng đời mình. Trong các vị Giáo chủ, thì Đức Phật là vị được nhiều tín đồ sùng mộ nhất. Sự sùng mộ ở đây biểu hiện trong sự thờ, lạy và cúng Phật.

B.- CHÁNH ĐỀ :

I.- THỜ PHẬT

1.- Phật là bậc đáng tôn thờ.

Phật là những bậc đã dày công tu luyện phước đức và trí tuệ, cho nên đã được hoàn toàn sáng suốt và có đầy đủ đức hạnh cao quý. Các Ngài đã dùng cái đức và trí ấy để dắt dẫn chúng sanh ra ngoài biển khổ sanh tử luân hồi, và đưa đến địa vị sáng suốt an vui. Trong công việc độ sanh ấy, các Ngài lại không bao giờ thoái chuyển ngã lòng mặc dù gặp trở lực khó khăn. Các Ngài đã nguyện độ cho toàn thể chúng sanh, cho đến khi nào không còn một chúng sanh nào để độ nữa mới thôi. Thật là đúng với câu : “Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn”.

Một bậc có đủ ba đức tánh quý báu là Bi, Trí, Dũng, ba đức tánh căn bản mà một con người muốn được toàn thiện, toàn mỹ, toàn chân, không thể thiếu được. Một bậc siêu phàm xuất chúng, có những lời dạy quý báu, những cử chỉ cao thượng, những hành

động sáng suốt, một đời sống gương mẫu như Phật, mà chúng ta không tôn thờ, thì còn tôn thờ ai nữa ?

2.- Nhưng chúng ta phải thờ Phật như thế nào mới đúng ý nghĩa.

Như trên đã nói, chúng ta thờ Phật là để tỏ lòng tri ân của chúng ta đối với một vị đã có ân đức lớn với nhân loại. Chúng ta thờ Phật là để có luôn luôn ở trước mặt một gương mẫu sáng suốt trọn lành để rập khuôn tư tưởng, lời nói và hành động của chúng ta được chân, thiện, mỹ như Phật vậy. Người ta thường nói : “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”. Chúng ta thờ Phật là muốn luôn luôn được có bên mình cái ngọn đèn trí tuệ của Ngài, cái hương từ bi của Ngài để được sáng lây, thơm lây, chứ không phải chúng ta có mục đích cầu cạnh Ngài để Ngài ban phước, trừ họa, để Ngài che chở cho chúng ta mua may bán đắt một cách bất lương, hay để chúng ta dựa vào thế lực của Ngài, tha hồ làm những điều bất chính.

Nếu chúng ta thờ Ngài với mục đích sai lạc như vừa nói ở trên, thì không những chúng ta đã phỉ báng Đức Phật, mà chúng ta còn tự tạo tư tưởng không tốt cho chúng ta nữa.

3.- Phải thờ Đức Phật nào ?

Đức Phật nào cũng có nghĩa vô lượng quang, vô lượng thọ bao la cùng khắp và công đức tu hành phước trí vô lượng vô biên cả; nên hãy thờ một Đức Phật là thờ tất cả các Đức Phật.

Nhưng chúng ta cũng nên tùy theo thời kỳ giáo hóa của mỗi Đức Phật và pháp môn tu hành mà thờ cho xứng lý, hợp cơ. Thí dụ như hiện nay, chúng ta ở vào thời kỳ giáo hóa của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, thì lẽ cố nhiên, chúng ta phải thờ Ngài trước hết.

Nếu tín đồ nào tu về “Tịnh độ tông”, chuyên về pháp môn “trì danh niệm Phật” để cầu vãng sanh, thì tín đồ ấy phải thờ Đức Phật A Di Đà.

Hoặc giả, nếu Phật tử muốn thờ đủ tất cả các Đức Phật trong ba đời, thì nên thờ Đức Thích Ca, Đức A Di Đà và Đức Di Lặc, gọi là thờ “Tam thế Phật”.

4.- Cách thức thờ Phật

Như vậy, trong nhà tín đồ, nếu muốn thờ tượng Phật, thì nhiều nhất là ba vị. Và nên nhớ rằng, trong khi thờ Tam thế Phật, phải sắp đặt chung một bàn. Nếu tượng lồng kiếng thì nên treo ngay thẳng, không được cái cao, cái thấp, cũng không được cái to, cái bé; còn như tượng gỗ, tượng đồng, tượng sành, thì để ngang hàng đồng bậc, không nên để từng trên, cấp dưới. Bàn thờ Phật phải đặt chính giữa nhà, bàn thờ ông bà, thì nên thờ một bên. Nếu nhà lầu thì thờ Phật ở tầng trên. Tại bàn thờ Phật không nên để tạp vật nào khác, ngoài bình bông, lư hương, chân đèn và đĩa quả. Những vật này, mỗi ngày đều sẵn sóc lau quét sạch sẽ luôn.

Lần đầu tiên thỉnh tượng Phật, tín đồ phải làm lễ thượng tượng, cũng gọi là lễ an vị Phật. Lễ này không

bắt buộc phải tổ chức linh đình, chỉ nên làm một cách đơn giản, nhưng không kém vẻ nghiêm trang và tinh khiết. Muốn được hai đặc điểm ấy, chủ nhà phải dọn mình sạch sẽ : ăn chay, giữ giới và mời thêm thiện hữu tri thức đến hộ niệm một thời kinh.

Và bắt đầu từ ngày làm lễ an vị Phật trở đi, tất cả mọi người trong nhà, mỗi ngày ra vô trông thấy tượng Phật, nên nghĩ nhớ đến đức hạnh cao cả của Ngài mà chỉnh đốn lại thân tâm mình. Mỗi ngày đều lo cải thiện lại sự cư xử với nhau, đối nội cũng như đối ngoại, phải luôn thấm nhuần tinh thần từ bi, bác ái và bình đẳng. Như thế mới xứng đáng với danh nghĩa của một gia đình có thờ Phật.

Thờ phụng lâu năm, tượng Phật bị hư rách, không thể sơn phết hay sửa chữa lại được, thì nên thay đổi tượng mới. Khi có tượng mới rồi thì tượng cũ phải dâng vào chùa để chờ dịp nhập tháp, chứ không nên bạ dâu bỏ đó, mà mang tội.

II.- LẠY PHẬT

1. Ý nghĩa lạy Phật.

Ngày xưa, khi Đức Phật còn tại thế, các đệ tử từ vua quan cho đến dân chúng, mỗi lần được may mắn gặp Đức Phật Thích Ca, đều cúi xuống ôm chân Phật và đặt trán mình lên chân Ngài để tỏ lòng ngưỡng mộ, tôn thờ một bậc tối thượng : Bi, Trí siêu phàm. Cử chỉ ấy là một cử chỉ vô cùng khiêm tốn, nhu thuận và hoàn toàn tin cậy đối với Đức Phật.

Sau khi Phật nhập diệt, toàn thể tín đồ vẫn xem Ngài như còn tại thế, và cái cử chỉ cúi xuống ôm chân Phật vẫn còn tiếp nối tồn tại cho đến ngày nay và muôn ngàn năm sau. Cái cử chỉ ấy chỉ có cái công dụng làm cho tín đồ bao giờ cũng hình dung như Đức Phật còn ngồi trước mặt mình để chứng giám cho tấm lòng thành kính thiết tha của mình.

2.- Phải lạy như thế nào mới đúng ý nghĩa.

Để cho đúng với ý nghĩa trên, khi lạy Phật phải quỳ xuống, ngửa hai bàn tay ra như đang nâng hai chân Phật và cúi lưng xuống đặt trán mình lên trên hai lòng bàn tay.

Trước khi lạy Phật, phải dọn mình cho sạch sẽ : rửa mặt, súc miệng, lau tay chân, thay y phục và mặc áo tràng. Xong xuôi, mới đốt hương ra trước bàn Phật, đứng ngay thẳng, tay chắp để trước ngực, mắt nhìn tượng Phật, tâm tưởng đến các tướng tốt và những đức hạnh cao cả của Ngài, và tỏ bày nguyện vọng chân chánh của mình, xá rồi cắm hương vào lư, đánh tiếng chuông và lạy Phật 3 lạy.

Lễ Phật như thế mới đúng phép; trong kinh gọi là “thân tâm cung kính lễ”, nghĩa là thân thì hăng hái tề chỉnh, nghiêm trang, tâm thì hớn hở vui mừng và hết lòng thành kính như gặp được Phật còn tại thế.

Trái lại, nếu chúng ta lễ Phật với lòng ngã mạn (trong kinh gọi là ngã-mạn lễ), hay với tâm cầu danh (trong kinh gọi là cầu danh lễ), thì đã không có kết quả gì, mà còn mang thêm tội.

Ngã-mạn lễ là khi lạy Phật mà trong tâm còn ngạo nghễ, kiêu căng, nạm vóc (đầu, hai tay, hai chân) không sát đất, đứng lên cúi xuống một cách cầu thả, qua loa cho có chuyện.

Câu danh lễ là khi thấy có đông người thì miệng liền to tiếng dài hơi xưng danh hiệu Phật, thân lại siêng năng lạy không ngừng nghỉ, có ý để được mọi người khen ngợi. Trái lại, khi không có người thì thân lại biếng nhác, tâm lại giải đãi, không muốn lễ bái gì cả.

Hai cách lễ bái trên này rất giả dối, vậy những ai muốn tiến trên đường đạo, phải nên tránh ngay.

3.- Bốn phép lạy (thuộc về lý)

Về phương diện Lý, thì có 4 phép lễ.

a) *Phát tri thanh tịnh lễ*. – Trong phép này, người hành lễ phải thấu suốt rằng cảnh giới của chư Phật đều tùy tâm hiện bày, nên lạy một Đức Phật, tức là lạy tất cả chư Phật, lạy một lạy tức là lạy tất cả Pháp giới, vì Pháp thân của Phật dung thông.

b) *Biến nhập pháp giới lễ*. – Trong phép này, người hành lễ phải tự quán thân, tâm cùng tất cả các pháp, từ hồi nào đến giờ đều không rời pháp giới.

c) *Chánh quán lễ*. – Trong phép này, người hành lễ lạy Đức Phật ngay nơi tự tâm của mình, chứ không duyên với Đức Phật nào khác, vì tất cả chúng sanh từ xưa đến nay, đều sẵn có Phật tánh viên mãn, bình đẳng và chân giác.

d) *Thật tướng bình đẳng lễ.* – Trong phép lễ này, người hành lễ không thấy có tự, có tha; người và mình là một, phàm và thánh nhưt như; thể và dụng không hai. Do đó, Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát có nói : “Năng lễ, sở lễ tánh không tịch”, nghĩa là người lạy và đấng mình lạy, thể tánh đều vắng lặng. Như thế mới thấu đáo và hợp với lý Bát Nhã.

Bốn cách lễ này, lý cao khó nghĩ bàn, nếu chẳng phải là bậc thượng căn thượng trí, thì không thấu nổi và khó làm theo được.

III.- CÚNG PHẬT

Cúng Phật là nói tắt, nói cho đủ là cúng dường Tam bảo : Phật, Pháp, Tăng. Cúng dường có nghĩa là cung cấp và nuôi dưỡng.

1.- Ý nghĩa về cúng Phật.

Có người sẽ hỏi : Tại sao Đức Phật đã là bất sanh, bất diệt mà lại còn phải cúng dường ?

Thật ra, Đức Phật đã thoát ra ngoài vòng sanh tử, thì đâu còn hạn cuộc trong sự ăn uống. Nhưng, đây chỉ là một hình thức để ngụ ý rằng, mặc dầu Phật đã nhập diệt lâu rồi, nhưng đối với chúng ta, bao giờ cũng xem như Ngài còn tại thế. Xưa, các đệ tử, các đàn-na thí chủ đã cúng dường Ngài như thế nào, nay chúng ta vẫn tiếp tục cái cử chỉ ấy. Sự cúng dường này làm cho chúng ta gần với Phật, có cảm tưởng như bao giờ cũng ở bên cạnh Phật. Cũng như sự thờ phụng, lễ

bái cúng dường này mà chúng ta được kết duyên lành với Phật, hình dung rõ rệt được cuộc đời của Ngài để quyết noi theo bước chân của Ngài.

2.- Phải cúng Phật với những gì ? (về sự).

Vẫn biết rằng chúng ta nên cúng dường Phật để hình dung như Ngài còn tại thế, nhưng nếu chúng ta, mỗi khi cúng Phật, lại bày biện đủ mọi thức ăn uống, nào yến tiệc cỗ bàn linh đình thì thật là phí của, phí công mà lại còn làm sai lạc ý nghĩa sâu xa của sự cúng Phật.

Vậy, muốn cúng Phật đúng ý nghĩa thì chỉ nên dùng hương thơm, đèn sáng, hoa tươi, trái tốt, nước trong và đôi khi thêm cơm trắng là đủ.

3.- Năm món diệu hương để cúng Phật.

Đoạn trên là nói về sự, về hình tướng bên ngoài khi cúng Phật. Còn về phương diện Lý, thì phải dùng năm món diệu hương để cúng Phật như sau :

a) *Giới hương.* – Pháp thân của Phật rất thanh tịnh, nếu về mặt Sự, chúng ta đã dùng hương trầm đốt cúng, thì về mặt Lý, chúng ta cũng phải trì giới cho trang nghiêm thanh tịnh, để lễ cúng dường được đủ cả về Sự và Lý.

b) *Định hương.* – Thân tâm chúng ta bị mê nhiễm và thường loạn động trong mọi hoàn cảnh. Nếu để buông trôi mãi trong tình trạng ấy, thì chúng ta chẳng tu hành gì được. Vậy hằng ngày, hằng giờ,

hàng phút, hàng giây, hàng sát-na chúng ta phải cố gắng tập định tĩnh tâm hồn, đừng để cho những ý nghĩa, hành động xấu xa xâm chiếm tâm hồn và làm cho chúng ta phải loạn động. Làm cho tâm tư lắng xuống, như thế gọi là dùng Định hương cúng Phật.

c) *Huệ hương*. – Huệ hương cúng Phật là lúc nào cũng phải lưu tâm vào ba món sáng tỏ : Văn huệ, Tư huệ và Tu huệ. Văn huệ là lắng nghe những lời giáo hóa quý báu của chư Phật và Thánh Hiền Tăng; Tư huệ là đem những lời giáo hóa quý báu nói trên ra suy xét, nghiên ngẫm, biết thế nào là phải, thế nào là quấy, cái nào là chân thật, cái nào là lường dối để khỏi lầm lạc vào đường tà; Tu huệ là quyết tâm thực hành những điều mình cho là phải, trừ bỏ những điều mình cho là trái, thực hiện đúng đắn giáo lý sáng suốt của Đức Phật.

d) *Giải thoát hương*. – Giải thoát hương cúng Phật là quyết tâm phá trừ ngã chấp, nguồn gốc của bao sự đau khổ luân hồi. Chúng ta phải luôn luôn quán vô ngã, không nhận chiếc thân tứ đại này là mình, cũng không nhìn cái nghiệp thức phân biệt là mình, để được thoát ly ra ngoài vòng sanh tử luân hồi.

đ) *Giải thoát tri kiến hương*. – Chúng ta đã biết quán vô ngã, để phá trừ ngã chấp thì được giải thoát, song vẫn còn “Pháp chấp” ràng buộc, nên chưa đến được cảnh giới tự tại, vô ngại như Phật. Còn Pháp chấp nghĩa là còn thấy các pháp như : đất, nước, gió, lửa là có thật; còn thấy vui, buồn, sướng, khổ là có

thật. Khi nào chúng ta thể nhận được rằng tứ đại sở dĩ in tuồng có thật là vì chúng ta còn ở trong nghiệp người, chớ đối với các loài khác, như cá chẳng hạn, thì nước đâu phải là nước như chúng ta quan niệm, mà chính là lâu đài, nhà cửa; đối với loài mọt, thì gỗ đâu phải như chúng ta quan niệm, mà là những thức ăn và nhà ở; cho đến vui, buồn, sướng, khổ đều là đối đãi với nhau mà sanh ra. Vậy thì Pháp cũng như Ngã, đều là giả dối, không có thật, mà chỉ là những danh từ suông mà thôi. Luôn luôn quán như thế, để được giải thoát ra khỏi sự chấp Pháp, như thế gọi là “Giải thoát tri kiến hương” cúng Phật.

4.- Cúng dường Pháp bảo

Pháp bảo là các pháp của Phật đã giảng dạy, để cho chúng sanh y theo đó mà tu hành. Muốn cúng dường Pháp bảo, trước hết chúng ta phải học kinh, luật, luận và nghiên cứu giáo lý để nhận định thế nào là Pháp bảo, là chánh giáo. Nếu chúng ta có học thực rộng thì phải nghĩ đến việc phiên dịch các kinh điển ngoại ngữ ra Việt ngữ để hoàn thành một bộ Tam Tạng Việt Nam, chúng ta cũng có thể giúp vào việc hoằng pháp lợi sanh bằng sự diễn giảng hay sáng tác những vấn đề có liên quan đến Phật pháp. Nếu chúng ta có tài chánh thì nên xuất tiền ra ấn tống hay xuất bản kinh điển để phổ thông Pháp bảo. Những việc làm như trên đều là cúng dường Pháp bảo cả.

5.- Cúng dường Tăng bảo

Nếu chúng ta đã thành tâm thờ cúng Phật, thì tất

nhiên chúng ta cũng phải kính trọng Tăng. Chư Tăng đã thay Phật mà truyền giáo lý của Ngài lại cho chúng ta, lẽ nào chúng ta lại làm ngơ không biết đến ? Chúng ta không nên phân biệt Tăng ở xứ nào, chùa nào, hay phái nào. Vị Tăng nào có đủ giới đức chúng ta cũng sẵn lòng cung phụng cả, như thế gọi là cúng dường Tăng bảo.

C.- KẾT LUẬN :

1.- Lợi ích của sự thờ, lạy và cúng Phật

Như các đoạn trên đã nói, chúng ta thờ lạy và cúng Phật là do lòng tri ân sâu xa của chúng ta đối với bậc đã hy sinh tất cả hạnh phúc vĩnh cửu cho chúng sanh; lý do thứ hai của sự thờ lạy và cúng ấy là để chúng ta luôn luôn có trước mắt, trên đầu chúng ta, một cái gương mẫu hoàn toàn chân, thiện, mỹ để noi theo.

Sự thờ, lạy và cúng Phật, nếu thực hành một cách thành tâm, thiện chí và đúng ý nghĩa, thì sẽ đem lại cho người rất nhiều lợi ích trong hiện tại và vị lai :

a) Trong hiện tại, mỗi chúng ta và gia đình chúng ta bao giờ cũng như sống trong bầu không khí xán lạn, trong ảnh hưởng tốt lành, đạo vị của chư Phật. Chúng ta luôn luôn sống trong nghiêm chỉnh, trong lễ nghi, trên thuận dưới hòa, vì mỗi ý nghĩ, mỗi cử chỉ, mỗi lời nói của chúng ta đều được đôi mắt sáng suốt của Đức Phật soi xuống. Chúng ta không dám sống bừa bãi, làm xằng, nghĩ quấy khi Đức Phật đang ngự trị trong gia đình và trong lòng mỗi chúng

ta. Chỉ những tâm hồn trống rỗng, không tin tưởng, không tôn thờ một vị thiêng liêng cao cả nào, mới dễ sa ngã, trụy lạc.

Cho nên trong gia đình, nếu muốn có hạnh phúc trong hiện tại, muốn sống một đời có ý nghĩa, muốn con em đừng bê tha, trụy lạc, thì người gia chủ nên thiết bàn Phật, để ngày ngày lễ bái và cúng dường Ngài và tập cho con em sống một đời sống hiền lương và có đạo vị.

b) Khi lâm chung, nghiệp lành mà chúng ta đã huân tập trong hằng ngày sẽ cảm ứng đến lòng từ bi vô hạn của chư Phật và Bồ-tát. Do “luật đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu”, chư Phật và Bồ-tát sẽ phóng quang đến tiếp dẫn giác linh chúng ta về cõi Tịnh độ an vui, tự tại.

2.- Khuyên phát tâm chánh tín trong sự thờ, lạy và cúng Phật, Pháp, Tăng

Muốn có được kết quả tốt đẹp như trên, chúng ta phải phát tâm chánh tín. Nếu thờ, lạy và cúng dường Tam bảo một cách sai lạc thì không những không ích lợi gì cho ta mà lại còn mang thêm tội, và trôi lăn mãi trong cảnh sanh tử luân hồi.

Chúng ta phải tin tưởng một cách mạnh mẽ rằng :

a) Đức Phật là bậc hoàn toàn giác ngộ, siêu sanh, thoát tử, có năng lực độ thoát chúng sanh khỏi nẻo luân hồi, và xứng đáng làm Thầy chúng sanh trong ba cõi. Vì thế nên chúng ta thờ Ngài.

b) Phật pháp là phương thuốc thần diệu, trừ được tất cả nguyên nhân đau khổ của chúng sanh; vì thế cho nên chúng ta thờ Phật pháp.

c) Chư Tăng, nếu có đủ giới đức thanh tịnh, là những Thầy sáng, bạn lành của chúng ta. Vì thế, chúng ta kính thờ thân cận các ngài để học hỏi đường lối tu hành.

d) Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh sáng suốt, nếu chí tâm tu tập theo Phật pháp thì chắc chắn sẽ thành Phật.

e) Lý nhân quả không hề sai chạy, nếu tạo nhân lành thì hưởng quả tốt. Trong các nhân lành, không có nhân lành nào thù thắng hơn là nhân “thờ Phật, lạy Phật và cúng dường Tam bảo”, đủ Sự và Lý. Vẫn biết rằng thờ, lạy và cúng đủ cả hai phương diện Sự và Lý là khó, nhưng chung quanh chúng ta, ở trong thế giới này sẵn có vô lượng vô biên Kim Cang Bồ-tát và Hộ pháp thần vương, đồng phát tâm giúp đỡ, hộ niệm cho tất cả người phát tâm chánh tín thờ cúng Phật, thì lo gì công của chúng ta không tròn, quả của chúng ta không mãn ?

HOÀNG PHÁP



BÀI THỨ TÁM

TỤNG KINH, TRÌ CHÚ, NIỆM PHẬT

DÀN BÀI

A.- MỞ ĐỀ :

Người tín đồ Phật giáo nếu chỉ thờ, lạy và cúng dường Tam bảo, cũng chưa đủ; cần phải tụng kinh, trì chú và niệm Phật nữa.

B.- CHÁNH ĐỀ :

- | | | |
|---------------------|---|---|
| I.- Định nghĩa | { | <ul style="list-style-type: none"> 1.- Tụng kinh. 2.- Trì chú. 3.- Niệm Phật |
| II.- Lý do phải | { | <ul style="list-style-type: none"> 1.- Tụng kinh. 2.- Trì chú. 3.- Niệm Phật. |
| III.- Các thứ | { | <ul style="list-style-type: none"> 1.- Kinh thường tụng. 2.- Chú thường trì. 3.- Danh hiệu Phật thường niệm. |
| IV.- Lợi ích của sự | { | <ul style="list-style-type: none"> 1.- Tụng kinh. 2.- Trì chú. 3.- Niệm Phật |

C.- KẾT LUẬN :

Khuyến Phật tử tụng kinh, niệm Phật và trì chú, cả sự lý viên dung.

BÀI THỨ TÁM

TỤNG KINH, TRÌ CHÚ, NIỆM PHẬT

A.- MỞ ĐỀ :

Người Phật tử, nếu chỉ thờ, lạy và cúng Phật thì cũng chưa có thể được gọi là thuần thành. Người Phật tử thuần thành còn phải tụng kinh, trì chú và niệm Phật. Vả lại nếu bỏ qua ba cái phần sau này, thì ba phần trước là thờ, lạy và cúng khó có thể viên dung cả Sự và Lý được. Vì phần Lý là phần cao siêu khó thực hành, mà nếu chúng ta không tụng kinh niệm Phật để cho tâm hồn được sáng suốt, tỏ ngộ các lý lẽ sâu xa huyền diệu trong kinh điển, thì chúng ta không làm thế nào để đạt được 4 phép lạy thuộc về Lý là : Phát trí thanh tịnh lễ, biến nhập pháp giới lễ, chánh quán lễ, thật tướng bình đẳng lễ, và năm món diệu hương để cúng Phật là : giới hương, định hương, huệ hương, giải thoát hương, giải thoát tri kiến hương. Và nếu không thực hành được 4 phép lạy về Lý và cúng dường được 5 món diệu hương thì sự lạy và cúng chỉ còn có phần Sự là phần hình thức; và vì thế, kẻ tín đồ khó có thể tiến được trên đường Đạo. Bởi vậy, cùng một lần với thờ, lạy và cúng Phật, chúng ta phải tụng kinh, trì chú và niệm Phật. Đó là những điểm căn bản tối thiểu mà một phần tử thuần thành không thể bỏ qua được.

B.- CHÁNH ĐỀ :

I.- ĐỊNH NGHĨA :

1.- Tụng kinh : Tụng là đọc thành tiếng một cách có âm điệu và thành kính. Tụng kinh là đọc một cách thành kính những lời Đức Phật đã dạy trong kinh điển, hợp với chân lý và căn cơ của chúng sanh.

2.- Trì chú : Trì là nắm giữ một cách chắc chắn. Chú là lời bí mật của chư Phật mà chỉ có chư Phật mới hiểu được, chứ các hàng Bồ-tát cũng không thể hiểu thấu. Các bài chú đều có oai thần và công đức không thể nghĩ bàn, dứt trừ được nghiệp chướng, tiêu tai giải nạn và tăng trưởng phước huệ, nên cũng gọi là thần chú.

3.- Niệm Phật : Niệm là tưởng nhớ. Niệm Phật là tưởng nhớ danh hiệu Phật, hình dung Phật và đức hạnh của Phật, để luôn luôn cố gắng noi theo bước chân Ngài.

II.- LÝ DO PHẢI TỤNG KINH, TRÌ CHÚ VÀ NIỆM PHẬT

1.- Vì sao phải tụng kinh ?

Chúng ta sống trong cõi dục, cho nên lòng dục vọng của chúng ta không bao giờ ngừng nghỉ, cho đến trong giấc ngủ, cũng còn chiêm bao cãi lầy, cười khóc, vui buồn như lúc thức. Trong cảnh mê mờ đầy dục vọng ấy, may thay, Đức Phật đã vì thương xót chúng sanh mà truyền dạy những lời vàng ngọc có thể phá tan màn mây u ám của vô minh và tội lỗi. Nhưng những lời lẽ cao siêu ấy, chúng ta nghe qua một lần,

hai lần cũng không thể hiểu thấu và nhớ hết được. Cho nên chúng ta cần phải đọc đi đọc lại mãi mãi, để cho lý nghĩa thâm huyền được tỏ ra, và ghi khắc trong thâm tâm chúng ta, không bao giờ quên được. Đó là lý do khiến chúng ta phải tụng kinh.

2.- Vì sao phải trì chú ?

Chú có công năng phi thường, nếu người thành tâm trì chú, thì được nhiều hiệu lực không thể tưởng tượng. Chẳng hạn, thần chú “Bạt nhứt thế nghiệp chướng căn bản đắc sanh Tịnh độ đà-la-ni” có hiệu lực tiêu trừ hết gốc rễ nghiệp chướng, làm cho người được vãng sanh về Tịnh độ. Thần chú “Tiêu tai kiết tường” có hiệu lực làm cho tiêu trừ các hoạn nạn, tai chướng, được gặp những điều lành. Thần chú “Lăng Nghiêm” thì phá trừ được những ma chướng và nghiệp báo nặng nề v.v... Thần chú “Chuẩn-đề” trừ tà, diệt quỷ. Thần chú “Thất Phật diệt tội” có công năng tiêu trừ tội chướng của chúng ta từ nhiều đời nhiều kiếp v.v... Vì thế nên chúng ta phải trì chú.

3.- Vì sao phải niệm Phật ?

Tâm chúng ta bị vô minh làm mờ đục, chẳng khác gì nước bị bùn như làm ngàu đục. Muốn cho nước đục kia hóa ra trong, không có phương pháp nào hay hơn là gia một chút phèn vào, thì các chất như bùn đục ngàu kia dần dần lắng xuống, bấy giờ nước đục trở nên trong sạch.

Phương pháp niệm Phật cũng vậy, có công năng phá trừ các vọng niệm đen tối ở nơi tâm của chúng ta, làm cho tâm mê muội, mờ ám trở nên sáng suốt,

chẳng khác gì chất phèn làm cho nước đục trở nên trong vậy.

Vì sao Niệm Phật lại làm cho tâm mê muội trở nên trong sáng ?

– Vì lý do rất dễ hiểu sau đây :

Tâm của chúng ta rất điên đảo, không bao giờ dừng nghỉ. Kinh thường nói : “Tâm viên, ý mã”, nghĩa là “tâm” lằng xằng như con vượn nhảy từ cành này sang cành khác, và “ý” như con ngựa chạy lung tung luôn ngày suốt buổi. Làm sao cho tâm ý chúng ta dừng nghỉ xằng bậy ? Chỉ có một cách là bắt nó nhớ nghĩ những điều tốt lành, hay đẹp. Niệm Phật chính là nhớ nghĩ đến những vị hoàn toàn tốt đẹp, những hành động trong sáng, những đức tánh thuần lương. Càng niệm Phật nhiều chừng nào, thì ít niệm Ma chừng ấy. Ma ở đây là tất cả những gì xấu xa đen tối, làm hại mình hại người. Vì thế chúng ta nên luôn luôn niệm Phật.

III.- PHẢI THƯỜNG TỤNG NHỮNG BỘ KINH NÀO, TRÌ CHÚ GÌ VÀ NIỆM DANH HIỆU PHẬT NÀO ?

1.- Các kinh thường tụng

Phàm là Kinh Phật thì bộ nào tụng cũng được cả, vì kinh nào cũng có công năng thù thắng là phá trừ mê mờ, khai mở tâm trí sáng suốt cho chúng sanh, nếu chúng ta chí thành đọc tụng.

Nhưng vì căn cơ của chúng sanh không đến, nên chúng ta phải lựa những bộ kinh nào thích hợp với căn cơ là sở nguyện của chúng ta mà tụng đọc.

Thông thường, các Phật tử Việt Nam, từ xuất gia cho đến tại gia đều trì tụng những Kinh như : Di-đà, Hồng-danh, Vu-lan, Phổ-môn, Dược-sư, Địa-tạng, Kim-cang, Lăng-nghiêm, Pháp-hoa v.v...

Nhiều người lại có quan niệm, chọn bộ kinh cho thích hợp với những hoàn cảnh mỗi trường hợp để tụng, như lúc :

- a) Cầu siêu thì tụng kinh Di-đà, Địa-tạng, Vu-lan v.v...
- b) Cầu an thì tụng kinh Phổ môn, Dược-sư v.v...
- c) Cầu tiêu tai và giải bệnh thì tụng kinh Kim-cang, Lăng-nghiêm v.v...
- d) Cầu sám hối thì tụng Hồng-danh.

Cái quan niệm chọn lựa như thế cũng có phần hay là làm cho tâm chuyên nhất sẽ được hiệu nghiệm hơn. Nhưng chúng ta không nên quên rằng về mặt giáo lý cũng như về mặt công đức, bất luận một bộ kinh nào, nếu chí tâm trì tụng, thì kết quả cũng đều được mỹ mãn như nhau cả.

2.- Các chú thường trì

Ở chùa, chư Tăng hằng ngày, trong thời khóa tụng khuya, trì chú Lăng-nghiêm, Đại-bi, Thập-chú hoặc Ngũ-bộ chú v.v... Còn ở nhà, phần nhiều cư sĩ chỉ trì chú Đại-bi và Thập-chú, bởi hai lẽ : một là thời giờ ít ỏi, vì còn phải lo sinh sống cho gia đình; hai là chú Lăng-nghiêm đã dài, lại thêm chữ âm vận trắc trở khó đọc, khó thuộc. Nhưng nếu cư sĩ nào có

thể học hết các thần chú, trì tụng được như chư Tăng thì càng tốt.

3.- Các hiệu Phật thường niệm

Đức Phật nào cũng đủ 10 hiệu, đồng một tâm toàn giác, từ bi vô lượng, phước trí vô biên, thương chúng sanh vô cùng vô tận, nên chỉ niệm danh hiệu một Đức Phật nào cũng đều được cảm ứng đến tất cả chư Phật, công đức cũng đều vô lượng vô biên.

Nhưng đứng về phương diện trình độ và hoàn cảnh mà luận, thì hiện nay, chúng ta là người ở thế giới Ta-bà, nhằm quốc độ của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giáo hóa, lẽ cố nhiên chúng ta phải niệm danh hiệu của Ngài. Dụ như dân chúng ở trong nước nào, phải nhớ nghĩ đến ơn nhà cầm quyền chánh trị sáng suốt ở trong nước đó.

Nếu tín đồ nào tu theo pháp môn Tịnh độ, thì thường ngày phải niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà. Pháp môn này thành lập do lời dạy sau đây của Đức Phật Thích Ca : “Ở cõi thế giới Ta-bà này, đến thời kỳ mạt pháp, cách Phật lâu xa chỉ có pháp “Trì danh niệm Phật”, cầu vãng sanh về Tây phương Cực lạc là quốc độ của Đức Phật A Di Đà, thì dễ tu dễ chứng hơn hết”.

Ngoài ra, tín đồ cũng có người niệm danh hiệu Đức Phật Di Lặc, để cầu sanh về cõi trời Đâu-suất; hoặc niệm danh hiệu Đức Phật Dược-sư, để cầu cho khỏi tật bệnh.

Tóm lại, Tín đồ Phật giáo phải niệm đủ Tam thế Phật :

a) *Niệm Đức Phật Thích Ca Mâu Ni*, là niệm Đức Phật hiện tại, mà cũng là Đức Phật Giáo chủ của chúng ta.

b) *Niệm Đức Phật A Di Đà*, là niệm Đức Phật đã thành từ quá khứ xa xưa, mà cũng là Đức Phật tiếp dẫn chúng ta về Cực lạc.

c) *Niệm Đức Phật Di Lặc*, là niệm Đức Phật vị lai.

IV.- LỢI ÍCH CỦA SỰ TỤNG KINH, TRÌ CHÚ VÀ NIỆM PHẬT

1.- Lợi ích của sự tụng kinh

Những lời giáo hóa trong 3 Tụng kinh điển của Phật, đều toàn là những lời hiền lành, sáng suốt đo lường từ bi và trí tuệ siêu phàm của Phật nói ra. Kinh Phật, vì thế có phần siêu việt hơn tất cả những lời lẽ của thế gian. Nếu chúng ta chí tâm trì tụng, chắc chắn sẽ được nhiều lợi ích cho mình, cho gia đình và những người chung quanh.

a) *Cho mình* : Lúc tụng niệm, hành giả đem hết tâm trí chí thành đặt vào văn kinh để khỏi sơ suất, nếu sáu căn : tai, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý đều thâu nhiếp lại một chỗ. Chăm lo tụng kinh, nên ba nghiệp của thân, khẩu, ý không còn móng khởi lên mười điều ác nữa, mà chỉ ghi nhớ những lời hay, lẽ phải.

b) *Cho gia đình* : Trước khi sắp sửa tụng kinh, những người trong nhà đều dứt các câu chuyện ngoài

đời, và khách hàng xóm đến ngồi lê đôi mách cũng tự giải tán. Trong gia đình nhờ thế được thanh tịnh, trang nghiêm, hòa thuận.

c) *Cho người chung quanh* : Trong những lúc đêm thanh canh vắng, lời tụng kinh trầm bổng theo với tiếng mõ nhịp đều, tiếng chuông ngân nga, có thể đánh thức người đời ra khỏi giấc mê, đưa lọt vào tai kẻ lạc lối những ý nghĩa thâm huyền, những lời khuyên dạy bổ ích, chứa đựng trong kinh điển mà hành giả đang tụng.

Như vậy, rõ ràng tụng kinh chẳng những có ích lợi cho mình, cho gia đình, mà còn cho những người chung quanh nữa. Đó là mới nói những điều ích lợi thông thường có thể thấy được, ngoài ra tụng kinh còn có những điều lợi ích, linh nghiệm lạ thường, không thể giải thích được, ai tụng sẽ tự chứng nghiệm mà thôi.

2.- Lợi ích của sự trì chú

Các Thần chú tuy không thể giải nghĩa ra được, nhưng người chí tâm thọ trì, sẽ được công hiệu thật là kỳ diệu, khó có thể nghĩ bàn như người uống nước ấm, lạnh thì tự biết lấy.

Có thể nói : một câu thần chú, thâm gồm hết một bộ kinh, vì vậy, hiệu lực của các thần chú rất phi thường. Khi gặp tai nạn, nếu thực tâm trì chú thì mau được giải nguy. Như thuở xưa, ngài A Nan mắc nạn, Đức Phật liền nói thần chú Lăng-nghiêm, sai ngài Văn Thù Sư Lợi đến cứu, thì ngài A Nan liền được thoát nguy.

Ngày nay, cũng có nhiều trường hợp mà người thành tâm niệm chú thấy được hiệu nghiệm rõ ràng. Theo lời Bác sĩ Thiện Thành nói lại, thì vào năm 1946, giữa lúc loạn ly, Bác sĩ ở trong một vùng rừng sâu, núi hiểm tại Trung Việt. Một lần Bác sĩ bị chứng bệnh nan y, mặc dù lương dược Đông, Tây sẵn có trong tay, cũng không làm sao trị được. Bác sĩ tưởng sẽ bỏ mình trong xóm người sơn cước, không ngờ nhớ lại lúc còn ở dưới mái nhà cha mẹ, thường đêm nghe thân phụ trì chú “Công đức Bảo-sơn”, Bác sĩ liền đem thân chú ấy ra áp dụng. Trong lúc ấy, các người nuôi bệnh cũng xúm lại hộ niệm cho Bác sĩ suốt đêm. Sáng hôm sau, quả thật Bác sĩ lành mạnh một cách dễ dàng, làm cho tất cả các bạn đồng nghiệp đều ngạc nhiên.

3.- Lợi ích của sự niệm Phật

Niệm Phật công đức lại còn to lớn hơn nữa, vì một câu niệm Phật có thể gồm thâu cả ba Tạng giáo điển, hết thảy thân chú, cùng là các pháp viên đốn, như tham thiền, quán tưởng v.v...

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có dạy rằng : “Sau khi Phật nhập diệt đã lâu, về thời kỳ mạt pháp, đến kiếp hoại, các Kinh sẽ bị tiêu diệt hết, chỉ còn Kinh Di-Đà lưu truyền lại được một thời gian rồi cũng diệt luôn. Lúc bấy giờ chỉ còn một câu niệm Phật gồm 6 chữ “Nam mô A Di Đà Phật”, mà đủ năng lực đưa chúng sanh về cõi “Cực lạc”.

Lời Phật nói không sai, bằng chứng là có nhiều nhân vật chuyên trì một câu niệm Phật này mà biết được ngày giờ và thấy được điềm lành trước khi vãng sanh. Như ngài Tổ Huệ-Viễn, trong mười năm niệm Phật, ba lần thấy đức A Di Đà rờ đầu; trong hội Liên-xã, có 123 người chuyên tu phép “Trì danh niệm Phật”, đều lần lượt được Phật rước về cõi Tịnh-độ. Gần đây, ở Nam phần Việt Nam, vào năm 1940 có ba vị sĩ quan Pháp là Đại úy Touffan, Trung úy Retourna, Thiếu úy Brillant đồng lái một chiếc thủy phi cơ bay từ đảo Côn-lôn về Saigon. Giữa đường, chiếc phi cơ hư, rơi xuống biển. Thiếu úy Brillant (người Pháp lai Việt) niệm Phật cầu cứu. Chiếc thủy phi cơ lững đững trên mặt biển suốt ba giờ đồng hồ, mới gặp được chiếc tàu đánh cá của người Nhật đến cứu. Khi ba vị sĩ quan vừa bước sang tàu, thì chiếc thủy phi cơ chìm ngay xuống biển. Ai nấy đều lấy làm lạ, hỏi nhau : - Tại sao khi nãy có 3 người ngồi nặng, phi cơ lại nổi, mà bây giờ không có người nó lại chìm ngấm ?

Chỉ có Thiếu úy Brillant mới giải thích được sự lạ lùng ấy. Ông kể lại cho mọi người nghe sự linh ứng của phép niệm Phật mà ông thường áp dụng, và lần này là lần thứ hai ông được thoát nạn nhờ phép niệm Phật ấy. Đại úy Touffan và Trung úy Retourna hết lòng tin tưởng, nên khi về đến Saigon, hai vị sĩ quan ấy chung nhau một số tiền, cất một cái am đẹp để ở Cát Lái, làng Thạnh Mỹ Lợi, tỉnh Gia Định để thờ Phật, gọi là lòng tri ân.

Đây chỉ là một câu chuyện trong muôn ngàn câu chuyện về sự lợi ích của pháp niệm Phật.

C.- KẾT LUẬN :

KHUYÊN PHẬT TỬ TỤNG KINH, NIỆM PHẬT VÀ TRÌ CHÚ CẢ SỰ LẪN LÝ CHO ĐƯỢC VIÊN DUNG.

Tụng kinh, trì chú, niệm Phật là 3 phương pháp tu hành gồm đủ cả Sự và Lý. Dù tại gia hay xuất gia, dù Tiểu thừa hay Đại thừa, tiêu cực hay tích cực, không ai có thể rời ba phương pháp này được. Bởi thế, Phật tử cần phải học tụng kinh, niệm Phật và trì chú cho Sự, Lý đi đôi, lời nói và việc làm phù hợp, mới có được kết quả tốt đẹp.

Ba pháp môn tụng kinh, trì chú và niệm Phật, tuy không đồng mà kết quả đều thù thắng. Phật tử có thể tùy theo trình độ, hoàn cảnh của mình mà tu một, hai hay cả ba pháp ấy. Thí dụ như người biết chữ và mạnh khỏe, công ăn việc làm hàng ngày không bận rộn lắm, thì nên tụng kinh, trì chú, niệm Phật đủ cả ba pháp môn. Còn người tuổi già sức yếu, mắt lờ, răng rụng, miệng lưỡi phều phào, thân thể mỗi mệt, nếu tụng kinh, trì chú không nổi thì phải chuyên tâm niệm Phật, đi đứng nằm ngồi, lúc nào cũng đều niệm Phật.

Nhưng các Phật tử nên nhớ, khi miệng tụng kinh, trì chú, niệm Phật, tay gõ mõ, đánh chuông, lằn chuỗi, thì tâm trí phải gội rửa hết bao nhiêu ý nghĩ bất chính, những ham muốn đê hèn, và đặt vào đấy

hình ảnh của đấng Từ bi. Rồi phải noi gương Ngài, mở lòng thương rộng lớn, nghĩ đến nỗi thống khổ của muôn loài và phát nguyện đem sức mình ra, ban vui cứu khổ cho tất cả. Đến khi thôi tụng niệm, trở lại tiếp xúc việc đời, thì phải làm thế nào cho những hành động của mình cũng được từ bi như tư tưởng và lời nói của mình vậy.

Người tụng kinh, trì chú và niệm Phật, làm đúng như thế, thì chắc chắn sẽ được chứng quả Thánh không sai.

HOẰNG PHÁP



BÀI THỨ CHÍN

ĂN CHAY

DÀN BÀI

A.- MỞ ĐẦU :

Ăn chay là một phương pháp tu hành mà Phật chế ra cho các tín đồ thực hành để tiến trên đường Đạo.

B.- CHÁNH ĐỀ :

I.- Định nghĩa về ăn chay.

II.- Lý do phải ăn chay

- 1.- Vì lòng từ bi và bình đẳng
- 2.- Vì muốn tránh quả báo sinh tử luân hồi.
- 3.- Vì hợp vệ sinh

III.- Cách thức ăn chay

- 1.- Chương trình ăn chay.
 - a) Chay kỳ.
 - b) Chay trường.
- 2.- Phương pháp thực hành
 - a. Chọn lựa và thay đổi món ăn.
 - b. Phải biết cách nấu.
 - c. Giảm thịt cá ngoài ngày chay.
- 3.- Những điều cần tránh
 - a. Kiêu mạn.
 - b. Háo danh.
 - c. Ép xác

- d. Giả mạo
- đ. Quên ngày chay
- e. Ngũ vị tân.

IV.- Lợi ích của sự ăn chay

- 1.- Phương diện cá nhân.
- 2.- Phương diện đoàn thể, nhân loại, chúng sinh.

C.- KẾT LUẬN :

Khuyến mọi người nên ăn chay, dù Phật tử hay không.



BÀI THỨ CHÍN

ĂN CHAY

A.- MỞ ĐẦU :

ĂN CHAY LÀ MỘT PHƯƠNG PHÁP TU HÀNH CỦA NGƯỜI PHẬT TỬ

Vấn đề ăn uống là một vấn đề quan trọng đối với tất cả mọi người, mọi chúng sanh. Nếu sống mà không cần ăn, thì có lẽ tất cả chúng sanh đã thành Thánh cả rồi. Đức Phật Thích Ca, khi còn là một vị Thái tử, đã có một câu đầy ý nghĩa : “Sự sống sống bằng sự chết”. Hãy nghĩ lại mà xem : từ khi lọt lòng mẹ đến bây giờ, để được sống, mỗi chúng ta đã làm chết bao sinh vật rồi ? Chúng ta ăn, chúng ta uống, chúng ta thở, chúng ta nằm, chúng ta đứng, chúng ta đi, mỗi mỗi động tác như thế, đều đã gây bao tang tóc cho những sinh vật ở chung quanh chúng ta ! Đó là chưa kể những kẻ hung ác, giết để được thích thú, được tiền tài, danh vọng... Nếu sự sống mà không làm chết ai cả, thì cuộc đời sẽ đẹp đẽ biết bao nhiêu ! Sự ước ao này có thể thực hiện được một phần lớn, nếu chúng ta áp dụng phương pháp ăn chay mà Phật đã chế ra.

Như thế, ăn chay đối với người Phật tử không phải là một sự hiếu danh, một cách đổi món ăn cho ngon miệng, một cách kiêng cử theo lời dặn của Bác sĩ. Ăn chay chính là một phương pháp tu hành rất

quan trọng, mà người Phật tử thực hành được nhiều chừng nào thì được kết quả tốt đẹp chừng ấy.

B.- CHÁNH ĐỀ :

I.- ĐỊNH NGHĨA

Ăn chay, hay ăn lạt, nghĩa là ăn những loài thảo mộc : hoa quả, rau cải, không ăn những món ăn thuộc loài động vật như thịt, cá, tôm, cua, sò, ốc, những vật hữu tình, biết tham sống sợ chết như người.

II.- LÝ DO PHẢI ĂN CHAY

1.- Vì lòng từ bi và bình đẳng.

Khi Đức Phật còn tại thế, một hôm ngài A Nan hỏi Phật rằng:

– Bạch Phật, tại sao trước kia, Phật cho các đệ tử ăn ngũ tịnh nhục⁽¹⁾, mà nay Ngài lại cấm tuyệt ăn thịt cá ?

Phật trả lời ngài A Nan : – Vì trình độ các ông trong buổi sơ cơ còn thấp kém, chưa có thể lãnh thọ giáo pháp Đại thừa, thực hành đúng lý đẳng, nên khi Ta nói pháp Tiểu thừa, phương tiện cho các ông tạm dùng ngũ tịnh nhục. Đến nay trình độ của các ông đã cao, lãnh thọ được giáo pháp Đại thừa, nên Ta cấm

⁽¹⁾ Ngũ tịnh nhục là năm thứ thịt thanh tịnh : a) Thịt ăn mà không thấy người giết, b) Thịt ăn mà mình không nghe tiếng của con vật bị giết kêu, c) Thịt ăn mà mình không nghi người ta giết cho mình ăn, d) Thịt con thú tự chết, đ) Thịt con thú khác ăn còn dư.

tuyệt ăn thịt cá. Còn ăn các thứ ấy, thì còn phạm giới sát sanh, nếu không trực tiếp sát thì cũng gián tiếp sát, làm mất hạt giống từ bi, bình đẳng, không thể nào tu thành Phật được.

Lời Phật dạy rõ ràng : Ăn chay là cốt yếu để nuôi dưỡng lòng từ bi và tinh thần bình đẳng.

Thật thế, Phật tử là người đã theo Đạo Từ bi, thì không lý nào lại không thực hành đức Từ bi trong đời sống của mình từ ý nghĩ, lời nói, cho đến cách ăn uống.

Nếu chúng ta vì muốn ăn cho khoái khẩu, sướng bụng, mà nhẫn tâm nhìn cảnh chặt đầu, lột da những con vật hiền lành vô tội, nhẫn tâm bịt tai giả điếc trước những tiếng kêu la thảm thiết của những con vật đang giãy giụa trên tấm thớt, trên bàn thịt, thì sao gọi được là Phật tử.

Nếu không có một chút lòng thương xót trước những cảnh giết chóc như thế, thì hạt giống Từ bi mỗi ngày mỗi héo khô, cần cỗi, và công phu tu hành, tụng kinh niệm Phật của chúng ta trở thành vô ích.

Đạo Phật là Đạo Từ bi mà cũng là Đạo Bình đẳng. Phật dạy : “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh như nhau”. Vậy thì người Phật tử dưới tầm con mắt của mình, không nên thấy người và vật khác nhau, mà chỉ thấy đồng một tri giác bình đẳng, ẩn trong thân hình sai biệt. Nói rằng : “Vật dưỡng nhơn” là một quan niệm rất sai lầm, do sự ích kỷ và ngạo mạn của

người sinh ra. Quan niệm ấy dung túng cho người ta thẳng tay giết hại sanh vật, và tạo ra một tình trạng bất bình đẳng, thì không bao giờ cõi đời có thể yên ổn, hòa bình được.

2.- Vì muốn tránh quả báo luân hồi.

Phật dạy : “Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, cứ tạo nhân tội ác, sát hại ăn thịt lẫn nhau, nên bị ác quả, là sanh tử luân hồi mãi trong sáu đường”. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Hễ giết một mạng thì phải trả lại một mạng; tâm giết hại chẳng dứt trừ, thì không thể nào ra khỏi trần lao được...”. Vậy muốn tránh oan báo luân hồi, tránh các điều tội lỗi thuộc về giới sát. Phật tử phải ăn chay. Nếu ăn mặn hoài thì không thể nào dứt hết nợ thân mạng và nợ xương thịt, máu huyết được.

3.- Vì hợp vệ sinh

Không phải mới từ nay mà từ ngàn xưa, một triết gia, ông Senèque, đã nói rằng : “Mỗi bữa ăn, người ta dùng thịt là tự đầu độc, thành thử con người tự sát ngầm ngấm mà không hay biết, do đó con người bị mạng yếu, chết sớm”. Thật thế, ngày nay những nhà y khoa bác sĩ trừ danh như ông Soteyko, Varia Kiplami có nói: “Trong các thứ thịt, có nhiều chất độc rất nguy hiểm cho sức khỏe con người”. Bằng chứng cụ thể là rau cải để xuống nước thì nổi, thịt cá lại chìm, rau cải để lâu ngày thì héo khô, hoặc ung bẩy mà ít hôi; còn thịt cá để lâu ngày thì sinh, ương, hôi tanh không ai chịu nổi, và khi ăn vào, ta thấy trong người rất nặng

nê, mệt nhọc, khó tiêu. Hơn nữa, các loài thú vật, thường mắc bệnh này hay bệnh khác như : bệnh lao, bệnh thương hàn, bệnh sán, sên v.v..., nếu chúng ta ăn vào, sẽ vướng bệnh, rất nguy hiểm.

Để tránh những bệnh tật, và tăng sức khỏe, chúng ta nên ăn nhiều rau cải. Các nhà Khoa học, cũng như các nhà Y học Đông, Tây đều công nhận đồ ăn chay là nhẹ nhàng, thanh khiết, dễ tiêu hóa và có nhiều sinh tố rất bổ. Bởi thế, ở nước Nhật có hội “Tổ thực chủ nghĩa”, ở Pháp, Đức, Anh, Mỹ đều có “Thảo mộc thực hội”.

Có nhiều người có thành kiến sai lầm rằng : ăn thịt cá, mới có đủ sức mạnh. Thật ra, người ăn thịt không có sức mạnh và sức chịu đựng dẻo dai bằng người ăn chay trường. Chính Giáo sư Irwin Fischer ở Đại học đường Yale, sau nhiều cuộc thí nghiệm, đã long trọng tuyên bố rằng :

“Ăn thịt hay ăn những vật có nhiều chất đạm, sẽ làm cho con người không đủ sức chịu nhọc, không khác nào như người uống rượu”.

Bà White, một Bác học gia cũng đã tuyên bố rằng :

“Các thứ hạt, các thứ trái cây, đậu và rau cải là những thức ăn mà thiên nhiên đã dành để nuôi chúng ta. Các thức ăn ấy nấu nướng một cách giản dị, thì rất hợp vệ sinh và rất bổ. Nó làm cho thân thể tráng kiện, tinh thần sáng suốt và tránh biết bao nhiêu bệnh tật”.

III.- CÁCH THỨC ĂN CHAY

1.- Chương trình ăn chay

Mặc dù sự ăn chay đối với người Phật tử là một điều cần thiết, một phương pháp tu hành, nhưng muốn được lợi ích thiết thực, cần phải có phương pháp, và áp dụng một cách tuần tự theo với căn cơ và sở nguyện của mình. Trước tiên, không phải người Phật tử nào cũng có thể bỏ hẳn ngay tập quán ăn mặn của mình để ăn chay. Vì thế, trong đạo có chia ra làm hai loại : ăn chay kỳ và ăn chay trường.

a) *Ăn chay kỳ.* – Ăn chay kỳ là ăn có kỳ hạn nhất định trong mỗi tháng hay mỗi năm :

– Nhị trai : Ăn 2 ngày chay trong mỗi tháng vào ngày mồng một và rằm âm lịch.

– Tứ trai : Ăn 4 ngày chay trong tháng : mồng một, mồng tám, rằm và hăm ba.

– Lục trai : Ăn 6 ngày chay trong tháng là : mồng một, mồng tám, mười bốn, rằm, hăm ba, hăm chín hay ba mươi (tùy tháng thiếu hay đủ).

– Thập trai : Ăn 10 ngày chay trong tháng là : mồng một, mồng tám, mười bốn, rằm, mười tám, hăm ba, hăm bốn, hăm tám, hăm chín và ba mươi (nếu tháng thiếu thì 27, 28, 29).

– Nhất nguyệt trai : Là ăn một tháng chay vào tháng giêng hay tháng bảy.

- Tam nguyệt trai : Là ăn ba tháng chay : Tháng giêng, tháng bảy và tháng chín (hay tháng mười); hoặc ăn liên tiếp trong ba tháng.

Nếu tập ăn chay kỳ trong một thời gian mà không gặp một phản ứng nào về thân, tâm và nhận thấy có lợi ích, thì nên lần đến ăn chay trường.

b) *Ăn chay trường* : - Ăn chay trường hay trường trai là ăn toàn chay luôn trong mỗi ngày không gián đoạn cho đến hết đời.

Nếu mỗi ngày, phát tâm không ăn sau 12 giờ trưa, thì gọi là ngọ trai.

2. Phương pháp thực hành

a) *Chọn lựa thay đổi thức ăn.* - Để ăn cho được lâu dài và không ngán, chúng ta nên chọn những món ăn có nhiều sinh tố, bổ dưỡng như : cà chua, rau muống, đậu nành, nấm rơm, cải bắp, khoai tây, nếp lức v.v... và những món ăn cũng phải thay đổi luôn.

Vậy trong mỗi bữa ăn, cần phải ăn những món gì để bữa ăn có đầy đủ chất bổ và ngon miệng ? Dưới đây là vài bữa ăn kiểu mẫu :

- Trái cây cùng ăn với cơm hay bắp, bột mì và rau, cải, đậu phụng rang.

- Sữa tươi cùng ăn với trái cây ngọt và cơm, bắp hay bột mì.

Các món ăn chính nói trên là cần thiết, nhưng cũng cần thêm gia vị như hột cải cay, tiêu ớt, giấm

v.v... để giúp bộ máy tiêu hóa làm việc dễ dàng. Nhưng nếu dùng gia vị quá nhiều thành ra có hại, như làm cho bộ máy tiêu hóa nóng, sinh bệnh hay làm kích thích cơ thể.

b) Cách nấu. – Thức ăn là cần thiết như cách nấu cũng quan trọng; chúng ta đừng có quan niệm sai lầm là đã ăn chay thì nấu thế nào cũng được cả, không cần phải quan tâm đến. Nếu thức ăn bỏ mà không biết cách nấu, thì cũng làm cho nó hết bổ, và có khi còn hại bộ máy tiêu hóa nữa. Dưới đây là vài điều nên nhớ trong khi nấu ăn :

– Không nên chiên xào nhiều quá, vì sinh tố B và C sẽ bị dầu sôi tiêu diệt và các món có nhiều dầu làm cho bao tử mệt.

– Nên ăn đồ nướng, nhất là nướng mà không có thoa dầu.

– Khi nấu hay luộc phải nên dậy nắp để sinh tố khỏi bị mất và nên đổ ít nước để chất bổ khỏi bị loãng. Và nước luộc cũng rất tốt, không nên đổ đi, vì nó chứa rất nhiều chất bổ và sinh tố.

c) Giảm thịt cá dần dần trong những ngày ăn mặn. – Đối với những người ăn chay kỳ thì khi ăn mặn, nên mua những vật người ta làm sẵn, hoặc giảm bớt số lượng thịt cá, ăn nhiều rau cải, sữa, tạm dùng trứng gà trứng vịt không tọng con.

Khi đã tinh tấn về mặt tinh thần, không nên ăn trứng gà, trứng vịt, vì trứng cũng là một sinh vật sắp nảy nở.

3. - Những điều cần tránh

a) *Không nên kiêu mạn.* – Người có phúc duyên ăn chay được dễ dàng, không nên sanh lòng kiêu mạn tự cho mình là hơn người, và khinh người ăn mặn. Làm như thế đã sanh ác cảm với người mà lại còn làm tổn âm đức của mình nữa.

b) *Không nên háo danh.* – Có người mới bước vô đường đạo, đã ăn trường trai ngay, cốt để được người khác khen ngợi. Ăn chay như thế là do lòng háo danh mà ra; hành động này không có lợi cho sự tu hành mà lại còn có hại : khi không còn ai khen ngợi nữa, thì không thấy hứng thú để tiếp tục ăn chay nữa.

c) *Không nên ép xác.* – Có người tưởng lầm rằng : ăn chay là để hành hạ thân xác, nên cố ăn một cách cực khổ, như chỉ ăn ròng rã tương rau, muối sả... từ năm này sang năm khác. Ăn như thế thì sẽ hao mòn thân xác mà chết yếu trước khi thành đạo.

d) *Không nên giả mặn :* – Có nhiều bà nội trợ muốn trở tài khéo léo của mình bằng cách nấu chay mà giả mặn, rồi đặt tên món ăn mặn hay làm ra những hình thức giống như đồ mặn. Thí dụ như : củ hủ cau, củ hủ dừa kho mà gọi là cá tra kho; bắp chuối luộc, trộn giấm và rau răm, lại đặt tên thịt gà xé phay; bí đao xắt mỏng cặp gấp nướng ăn với bánh hời mà lại đặt tên thịt bò lụi v.v...

Như thế, là đã vô tình xúi giục người ăn chay nghĩ đến món mặn, miệng ăn rau dưa, mà lòng tưởng nhớ đến thịt cá, làm trò cười cho thế gian.

d) Không được quên ngày chay. – Không nên khinh thường, quên những ngày chay mà mình đã phát nguyện, dù gặp trường hợp bất thường như đi lỡ đường, làm việc quá buổi, lúc đói quá mà không có sẵn thức ăn chay.

e) Không nên dùng ngũ vị tân. – Ngũ vị tân là: hành, hẹ, tỏi, nén, hưng cừ không nên dùng, vì các thứ này đã hôi, lại có nhiều chất kích thích lòng dục vọng.

IV.- LỢI ÍCH CỦA SỰ ĂN CHAY

1. - Phương diện cá nhân

Những lợi ích của sự ăn chay đối với cá nhân rất lớn lao. Người ăn chay không những thu hoạch được những lợi ích trong hiện tiền mà cả trong đời sống tương lai nữa.

a) Trong hiện tại, người ăn chay được những lợi ích sau đây :

– Tiết kiệm được tài chánh, vì đồ ăn chay rẻ hơn đồ ăn mặn nhiều.

– Tiết kiệm được ngày giờ và công lao nấu nướng, vì mướp, dưa, bầu bí, khoai... cắt rửa mau và ít tốn nước; và khi kho, luộc nấu nướng lại mau chín, ít hao củi.

– Thân thể được mạnh khỏe; tinh thần được nhẹ nhàng, trong sạch, trí tuệ được minh mẫn dễ tu thiền quán.

b) Trong đời sau, không chịu quả báo giết hại, nên không phải trả nợ máu thịt, khỏi phải thường mạng. Nếu trở lại làm người, thì được trường thọ.

2.- Phương diện xã hội, nhân loại, chúng sanh

Ăn chay không những có lợi ích cho cá nhân, mà còn cho xã hội, nhân loại, chúng sanh nữa. Nếu ai ai cũng ăn chay thì thế giới Ta-bà này làm gì có tiếng rên siết vì chết oan của loài vật và tiếng than thở, đau đớn của người vì nạn tương tàn, tương sát.

Một nhà Bác học có nói : “Muốn thế giới hòa bình, bắt đầu trong bữa ăn của con người phải không có một chút máu hay một miếng thịt cá nào cả”.

Câu nói đầy đạo đức này cũng đồng một ý nghĩa với câu nói của Cổ nhân :

“Nhất thiết chúng sanh vô sát nghiệp,
Hà sâu thế giới động đao binh”.

(Nếu tất cả chúng sanh không sát hại lẫn nhau, thì sợ gì thế giới có giặc giã).

Người ăn chay là một chiến sĩ của Hòa bình. Thật vậy, người ăn chay, với một tâm từ bi vô lượng, coi muôn loài là mình, mình là muôn loài, không giết hại sanh vật để thỏa mãn dục vọng, không bao giờ nở tâm tàn sát đồng loại để đạt được mục đích lợi danh.

Nếu trong xã hội, ai ai cũng ăn chay, thì đâu có những chuyện gây gỗ, đánh đập nhau, như chúng ta thường thấy hằng ngày.

Nếu trong một nước, ai ai cũng ăn chay thì không có chuyện mạnh hiếp yếu, khôn lấn đại, chém giết lẫn nhau để thỏa mãn dục vọng.

Nếu trong thế giới, ai ai cũng ăn chay, thì thế giới này là Cực lạc thế giới.

C.- KẾT LUẬN :

MỌI NGƯỜI DÙ PHẬT TỬ HAY KHÔNG ĐỀU NÊN ĂN CHAY

Nếu chúng ta đã thấy ở các đoạn trên, xét về phương diện khoa học hay Phật học, về phương diện cá nhân hay đoàn thể, về hiện tại hay tương lai, sự ăn chay đều có rất nhiều lợi ích.

Vì vậy, những người không phải là Phật tử, nếu muốn thân thể được khỏe mạnh, tinh thần được khinh an, trí tuệ được minh mẫn để học tập; nếu muốn tiết kiệm được tài chánh, công lao, thời giờ, nếu muốn gia đình được hòa thuận yên vui, thì hãy mau mau làm quen với những thức ăn chay.

Còn những ai đã là Phật tử, đã nguyện theo bước chân của Đức Từ Phụ, thì phải thực hành phép ăn chay, để lòng Từ bi được mở rộng, tinh thần bình đẳng được lan xa, trí tuệ được tỏ ngộ, đạo quả được chóng viên thành.

Vấn biết, nói dễ mà làm khó; nhưng một người muốn tiến bộ và có thiện chí, khi đã thấy rõ những điều lợi ích, thì dù khó bao nhiêu cũng quyết thực

hành cho được. Sự thực hành ấy không phải làm ngay trong một lần, mà phải tuần tự tiến bước.

Nếu chúng ta biết áp dụng phép ăn chay đúng như những cách thức đã nói ở trên, thì thiết tưởng không có gì là khó lắm. Điều quan trọng nhất là chúng ta thật có thiện chí hay không mà thôi.

HOÀNG PHÁP



BÀI THỨ MƯỜI

BÁT-QUAN-TRAI GIỚI

DÀN BÀI

A.- MỞ ĐỀ :

Phương pháp tu hành của Phật rất nhiều. Một trong những phép tu ấy là Bát-quan-trai, mà Phật đã chế ra cho những người tại gia.

B.- CHÁNH ĐỀ :

I.- Định nghĩa : Thế nào là Bát-quan-trai giới.

II.- 8 điều
răn cấm

- 1.- Không được sát sanh.
- 2.- Không được trộm cướp.
- 3.- Không được dâm dục.
- 4.- Không được nói dối.
- 5.- Không được uống rượu.
- 6.- Không được trang điểm ca hát và xem nghe hát.
- 7.- Không được nằm giường cao tốt.
- 8.- Không được ăn quá ngọ.

C.- KẾT LUẬN :

Lợi ích của Bát-quan-trai giới rất lớn lao. Phật tử nên thực hành Bát-quan-trai giới.

BÀI THỨ MƯỜI

BÁT-QUAN-TRAI GIỚI

A.- MỞ ĐỀ :

Đức Phật Thích Ca nói pháp gần 50 năm, có đến 84.000 pháp môn, vô lượng diệu nghĩa. Mặc dù giáo pháp nhiều như thế, nhưng không ngoài ba môn chính là “Giới, Định, Huệ”.

Trong “Giới, Định, Huệ”, thì Giới là phần quan trọng, là phần căn bản. Nhờ giới, tâm mới định, tâm có định, huệ mới phát sanh, huệ có phát sanh mới dứt được vô minh phiền não; vô minh phiền não có dứt trừ mới minh tâm kiến tánh và thành Phật. Nhưng giới cũng có nhiều thứ : có thứ cao, thứ thấp, có thứ áp dụng cho hàng xuất gia, có thứ cho hàng tại gia. Trong hàng xuất gia, thì Sa-di chỉ giữ 10 giới, Tỳ-kheo giữ 250 giới, Tỳ-kheo-ni đến 348 giới. Về phía tại gia thì có Tam quy, Ngũ giới, Bát-quan-trai giới, Bồ-tát giới, Tam quy Ngũ giới, thì chúng ta đã học rồi, Bồ-tát giới thì khó khăn hơn, chúng ta sẽ học sau. Bây giờ đây, chúng tôi chỉ nói đến Bát-quan-trai giới.

B.- CHÁNH ĐỀ :

I.- ĐỊNH NGHĨA

Bát-quan-trai giới là một phép tu hành của người tại gia áp dụng trong một ngày một đêm (24 giờ).

Chữ “Quan” là cửa, cửa ngăn chặn tám điều tội lỗi. Chữ “Trai”, tiếng Phạn là Posadha, nghĩa là khi đã qua giờ Ngọ (12 giờ trưa) không được ăn nữa. Vậy “Bát-quan-trai giới” là sự giữ gìn cho thân tâm được thanh tịnh trong 24 tiếng đồng hồ bằng cách ngăn chặn 8 điều tội lỗi sau đây :

- 1.- Không được sát sanh.
- 2.- Không được trộm cướp.
- 3.- Không được dâm dục.
- 4.- Không được nói dối.
- 5.- Không được trang điểm, thoa dầu thơm, múa hát và xem múa hát.
- 7.- Không được nằm ngời giường cao rộng đẹp đẽ.
- 8.- Không được ăn quá giờ Ngọ.

II.- GIẢI RÕ TÁM ĐIỀU RĂN CẤM NÓI TRÊN

1.- Không được sát sanh

Ý nghĩa vì sao không được sát sanh: Chúng sanh, mặc dù hình dáng có khác nhau, nhưng cùng có một điểm quan trọng giống nhau là tham sống, sợ chết, biết đau khổ, vui mừng. Không cần phải dẫn chứng cho xa xôi, ngay trong sự quan sát hàng ngày, chúng ta cũng nhận thấy : cá thấy người cá lội xa, chim thấy người chim bay cao, cũng như người thấy cọp người lẩn trốn, vì sợ lâm nguy đến tánh mạng cả.

Khi bị bắt, chim, cá hay người đều vùng vẫy để trốn thoát. Và khi được thả ra, thoát chết, chao ôi! Còn gì sung sướng cho bằng! Nhận thấy được sự tham sống sợ chết, nỗi vui mừng, đau xót của muôn loài như thế, mà chúng ta còn đang tâm giết hại sanh mạng, thì thật là nhân tâm, tàn ác vô cùng.

Từ trước đến nay, loài người đã giết hại rất nhiều, bằng đủ phương tiện, nào làm lưới để bắt cá dưới nước, dùng cung tên súng đạn để bắt cầm thú trên đất...và nhất là dùng đủ mưu mô kế hoạch để giết hại chém giết lẫn nhau. Về phía thiện, thì có nhiều người cũng thiện vô cùng, nhưng về phía ác, thì cũng nhiều người ác vô cùng.

Chúng ta là Phật tử, nghĩa là những người theo Đạo Từ bi. Chúng ta cần phải cố gắng đừng sát hại sinh vật và nhất là đừng sát hại người. Về sự sát hại người, trong Ngũ giới Phật đã tuyệt đối cấm chỉ, và chúng ta cũng đã phát nguyện giữ giới ấy. Nhưng về sinh vật, vì một số Phật tử còn ăn mặn, nên chưa tuyệt đối giữ được giới sát. Vậy ít ra trong ngày thọ Bát-quan- trai, chúng ta hãy tuyệt đối giữ giới ấy, chúng ta không giết người, không trừ tính mưu mô giết người, đã đành ! Chúng ta cũng không nên động đến sanh mạng của tất cả mọi loại hữu hình. Hơn nữa, nếu thấy ai có ý giết hại sinh vật, chúng ta phải khuyên lơn ngăn cản đừng cho người ta thi hành ác ý ấy.

Được như thế là ta giữ được trọn vẹn giới sát, mặc dù chỉ trong một ngày đêm, nhưng lợi ích sẽ lớn lao vô cùng cho việc tu hành của chúng ta.

2.- Không được trộm cướp

Hai chữ trộm cướp ở đây có một ý nghĩa rộng lớn vô cùng. Những vật thuộc quyền sở hữu của người ta, từ vàng, bạc, châu báu, đất ruộng, nhà cửa, cho đến đồ đạc, cây kim sợi chỉ, cọng rau, người ta không cho mà mình lấy, là trộm cướp. Lường thặng tráo đấu, đo thiếu lấy thừa, đi làm trễ giờ, bóc lột công nhân, lấy của công, ăn hối lộ, được của người không trả lại, đều là trộm cướp.

Người đời coi tiền của hơn tánh mạng, trèo non, lặn suối, lo mưu này tính kế nọ để làm ra tiền nuôi thân và gia đình, và để dành dự phòng khi đau ốm, tai nạn. Nếu rủi bị mất tiền của do mồ hôi nước mắt mà có, người ta vô cùng đau khổ, tuyệt vọng có khi đến quyên sinh. Chúng ta cũng đã có nhiều khi đau buồn vì mất của, thì xét người khác cũng vậy. Chúng ta không muốn ai trộm cướp của mình, thì tất nhiên mình cũng không nên trộm cướp của ai. Đó là lẽ công bằng rất giản dị. Huống chi chúng ta là Phật tử, nghĩa là những người quyết tâm diệt trừ tham dục, để được giải thoát, thì lẽ nào ta lại lấy của phi nghĩa ?

Trong cuộc đời tranh đấu hàng ngày để sống, có nhiều khi chúng ta không giữ được một cách tuyệt đối

giới cấm này, chẳng hạn, chúng ta làm ít mà cố đòi lương cao, bán hàng xấu với giá cao, mưu tính chước này kế nọ để được lợi nhiều một cách thiếu chính đáng... Có khi chúng ta nhận thấy như thế là bất chính, nhưng tự bào chữa rằng vì sự sống của gia đình, thân thuộc mà phải làm như thế.

Nhưng trong ngày thọ Bát-quan-trai giới, chúng ta hãy triệt để giữ giới đạo. Chúng ta nhất quyết không trộm cướp đã đành, mà cũng không được để cho một ý nghĩ tham lợi móng lên trong tâm. Chúng ta không trộm cướp, không nghĩ đến sự trộm cướp, mà thấy ai trộm cướp hay nảy ra ý trộm cướp thì chúng ta cũng khuyên can họ, ngăn ngừa không cho họ làm bậy. Không những không trộm cướp và ngăn ngừa sự trộm cướp mà thôi, chúng ta còn bố thí cho những người nghèo khổ, thiếu ăn thiếu mặc, tìm cách giúp đỡ những người thân thuộc, trong cảnh túng thiếu.

Giữ được giới này một cách tuyệt đối, thì dù thời gian ngắn ngủi trong 24 giờ đồng hồ, chúng ta cũng đã gieo được những nhân lành tốt đẹp cho sự tu hành của chúng ta.

3.- Không được dâm dục

Dâm dục là cái nghiệp nhưn sanh tử luân hồi, nên người xuất gia phải đoạn hẳn. Phật dạy rằng: “Người muốn đoạn trừ sanh tử, chúng quả Niết-bàn mà

không trừ hẳn dâm dục, thì không khác nào kẻ nấu cát sạn mà muốn cho thành cơm, dù ra công đem nấu, trải qua trăm ngàn kiếp cũng không thành cơm được”.

Vậy những Phật tử xuất gia, muốn thành Phật quả thì phải trừ dâm dục.

Còn những Phật tử tại gia, chưa có thể hoàn toàn đoạn trừ dâm dục được, thì Phật chỉ cấm tà dâm, nghĩa là ngoài vợ chồng, không được lang chạ; và giữa vợ chồng, cũng cần phải giữ chánh lễ, biết tiết dục để cho thân tâm được trong sạch nhẹ nhàng.

Nhưng đây là nói về ngày thường của Phật tử tại gia. Chứ đến ngày thọ Bát-quan- trai giới, thì tuyệt đối phải giữ giới tịnh hạnh, không được hành động dâm dục đã đành, mà cũng không được nhớ nghĩ đến những điều dâm dục.

Nếu triệt để giữ đúng giới này, thì dù chỉ trong 24 giờ đồng hồ, lợi ích cũng rộng lớn vô cùng, vì chúng ta đã có dịp để gieo nhen tịnh hạnh là một nhen rất quý báu trong sự tu hành diệt dục.

4.- Không được nói dối

Nói dối là tâm nghĩ miệng nói trái nhau. Nói dối có 4 cách, mà chúng ta đã có học rồi trong bài Ngũ giới. Đó là: nói không thật, nói thêu dệt, nói lười hai chiều, nói lời hung ác.

Chúng ta đã thấy hàng ngày trong đời, tai hại của sự nói dối. Tai hại lớn nhất là làm mất lòng tin

cậy nhau. Trong một gia đình mà không tin nhau, thì gia đình sẽ tan nát; trong một xã hội mà không tin nhau, thì xã hội sẽ điêu tàn.

Trong đời sống hàng ngày chúng ta chưa có thể hoàn toàn giữ giới này được, thì trong ngày thọ Bát-quan-traì giới, chúng ta hãy triệt để thực hành giới cấm này. Chúng ta không nói sai, không nói thêu dệt, không nói hai chiều, không nói lời hung ác đã đành; chúng ta lại còn khuyên răn những người chung quanh giữ đúng giới không nói dối ấy !

Nếu thực hành triệt để giới cấm này, thì dù chỉ trong một ngày đêm, chúng ta cũng đã gieo được một hạt nhưn quý báu rất hiếm có trong đời này là: lòng chân thật.

5.- Không được uống rượu

Rượu làm say mê, tối tăm trí não người uống. Nó còn nguy hiểm hơn cả thuốc độc vì thuốc độc uống vào chết ngay, song chỉ giết chết một đời người thôi, chứ rượu làm cho người cuồng tâm, mất trí, gây nên nhiều tội lỗi, chết đi sanh lại, luân hồi nhiều kiếp trong tối tăm si ám.

Bởi thế, trong Kinh, Phật dạy : “Thà uống đồng sôi cho tan mất thân này, chứ không nên uống rượu”.

Chúng ta là Phật tử, nghĩa là những người đang trau dồi Trí tuệ để được sáng suốt như Phật, chúng ta

không được uống rượu. Chúng ta không uống rượu đã dành, mà cũng không khuyên mời người uống rượu. Tự mình uống rượu tội còn nhẹ, chứ khuyên mời người khác uống, tội lại nặng hơn.

Song, trong lúc đau ốm, nếu lương y bảo phải có rượu hòa với thuốc uống mới lành bệnh, thì chúng ta cũng được tạm dùng. Khi đó rượu trở thành một vị thuốc, chứ không phải là một vị làm cho trí não ta cuồng loạn nữa.

Đây là nói về ngày thường, chứ trong ngày thọ “Bát-quan-trai giới”, chúng ta phải trừ tuyệt rượu, không được uống đã dành, mà còn khuyên răn người khác đừng uống nữa.

6.- Không được trang điểm, thoa dầu thơm, múa hát và đi xem múa hát

Năm giác quan : tai, mắt, mũi, lưỡi, thân là năm cửa ngõ, có thể mở đường cho chúng ta đến cảnh giới Niết-bàn, hay vào địa ngục. Nếu chúng ta biết mở năm cánh cửa ấy về nẻo thanh tịnh, nghe những lời hay lẽ phải, thấy những điều thiện, điều lành, ngửi những mùi thơm tinh khiết, đạo vị, thì con đường đến Niết-bàn, giải thoát không xa. Trái lại, nếu chúng ta hướng những cánh cửa giác quan ấy vào cõi ô trọc, mở rộng chúng cho tội lỗi ùa vào, nào nghe tiếng du dương luyến ái của đục vọng, thấy cảnh trụy lạc, dâm ô, ngửi mùi vị say nồng, kích thích đục lạc, thì con đường địa ngục đã sẵn sàng mở rộng để đón chờ chúng ta.

Phật cấm Phật tử trang điểm, tô son trét phấn, xúc ướp dầu thơm, múa hát lả lơi, quyến rũ, hay cấm đi xem những cảnh múa hát ấy, là vì muốn cho chúng ta khỏi đọa vào địa ngục.

Nhưng trong đời sống hằng ngày của Phật tử tại gia, vì còn tiếp xúc với đời sống xã hội, nên phải ăn mặc tề chỉnh trang nghiêm, đôi khi cũng phải đi dự những buổi hòa nhạc, hay múa hát, miễn là những thứ âm nhạc, những điệu múa hát ấy có tánh cách trong sạch, xây dựng và hướng thiện. Nhưng trong hiện tại, các thứ nghệ thuật : kịch nhạc, ca, vũ, cải lương, chiếu bóng... phần nhiều có tánh cách trụy lạc, thoái hóa, chúng ta nên đề phòng, đừng quá dễ dãi mà sa vào vòng tội lỗi.

Trên đây là nói trong ngày thường, chứ ngày thọ giới Bát-quan-traì, chúng ta nhất định không được trang điểm, xúc ướp dầu thơm, múa hát hay đi xem múa hát. Hơn nữa, chúng ta phải cố gắng diệt trừ những âm hưởng, bóng dáng của những thứ nghệ thuật không lành mạnh, trong đầu óc chúng ta.

Được như thế, thì tuy thời gian chỉ ngắn ngủi có 24 giờ, ảnh hưởng tốt đẹp của nó vô cùng quý báu cho sự tu hành của chúng ta.

7.- Không được nằm ngòì giường cao đẹp, rộng lớn

Điều răn cấm này cũng như điều răn cấm thứ sáu, có mục đích ngăn ngừa thân xác ta, không cho

buông lung theo những cảm giác mơn trớn khoái lạc của giường cao nệm tốt, chăn ấm màn êm. Vì những cảm giác này có thể kích thích lòng ham muốn bất chính của xác thân, tạo điều kiện cho chúng ta gây tội lỗi, nên Phật chế ra giới cấm này. Xưa ngài Ngô Đạt Quốc sư là một bậc cao đức, được vua Ý Tôn và vua Hy Tôn hết sức ưu đãi. Vua Ý Tôn cúng cho ngài một bảo tọa bằng trầm hương rất quý báu, từ khi được bảo tọa ấy, Ngô Đạt Quốc sư mong niệm danh lợi, thành ra thất đức, phải chịu nhiều tai vạ và khổ đau.

Vì hiểu rõ cái tai hại của giường cao chiếu rộng, chăn ấm nệm êm, nên xưa ngài Hiếp Tôn Giả từ khi xuất gia, lưng không nằm chiếu; ngài Cao Phong Diệu thiền sư lập nguyện : ba năm không nằm giường chông; Đức Phật Thích Ca, trong khi xuất gia tìm đạo, đã gối cỏ nằm sương, từ năm này sang năm khác...

Noi gương người xưa, các vị xuất gia chỉ nằm trên một cái giường nhỏ hẹp, vừa ngủ, chứ không bao giờ dùng giường rộng nệm cao. Kể tại gia cũng nên tập dần đức tánh giản dị, đạm bạc ấy. Nếu chưa làm được trong ngày thường, thì ngày thọ giới Bát-quan-trai, cũng phải triệt để thi hành giới thứ bảy này.

8.- Không được ăn quá giờ ngộ

Trong luật Phật dạy : “Chư Thiên ăn sớm mai, Phật ăn giờ ngộ, súc sanh ăn sau giờ ngộ, ngạ quỷ ăn tối, chư Tăng học theo Phật, phải ăn đúng giờ ngộ”.

Ăn đúng giờ Ngọ, được năm điều lợi sau đây:

- Ít mộng tâm sai quấy
- Ít buồn ngủ
- Dễ được nhất tâm
- Ít hạ phong
- Thân được yên ổn và ít sanh bệnh.

Trừ một vài trường hợp như khi đau ốm, luật cũng châm chước cho được ăn cơm cháo sau giờ Ngọ, nhưng khi ăn phải sanh lòng hổ thẹn.

Vì những lợi ích thiết thực nói trên, nên người xuất gia cần phải thực hành. Còn Phật tử tại gia, khi tu Bát-quan-trai giới cũng phải giữ đúng giới này.

C.- KẾT LUẬN :

1.- Lợi ích của Bát-quan-trai giới rất lớn lao

Như chúng ta đã thấy ở các đoạn trên, Bát-quan-trai giới là một pháp tu vô cùng lợi ích cho Phật tử tại gia. Trong thời gian tu hành ấy, thân, khẩu, ý của người thọ giới được hoàn toàn thanh tịnh, tuy chỉ có 24 giờ đồng hồ, nhưng 24 giờ ấy còn quý báu hơn cả một đời của người không tu hành. Tuy lượng rất ít, mà phẩm lại nhiều vô cùng. Nó chỉ là một giọt nước, nhưng là một giọt nước trong sạch hoàn toàn, cho nên nó còn quý hơn cả một ao nước đục bùn nhơ, nó là một viên ngọc nhỏ xíu, nhưng đó là viên ngọc Ma-ni, nên nó còn quý hơn trăm ngàn châu báu khác.

Chúng ta hãy phân tích một cách rõ ràng những lợi ích mà chúng ta đã thu hoạch được trong 24 giờ ấy mà xem.

- Nhờ giới thứ Nhất, tâm ta không có ác ý giết hại sanh vật, miệng ta không nhai nuốt những máu huyết tanh hôi, thân ta không nặng nề vì thịt cá. Đối với chung quanh ta, ta không làm cho người và súc vật đau khổ, mất thân mạng.

- Nhờ giới thứ Hai, tâm ta không động, ý ta không tham lam, thân ta không mang nặng những vật phi nghĩa. Đối với người chung quanh, ta không làm họ đau khổ vì mất của cải mà họ đã nâng niu, quý trọng.

- Nhờ giới thứ Ba, tâm ta được thanh tịnh, thân ta khỏi ô uế. Đối với người bạn trăm năm, cùng những người chung quanh, ta giữ đúng lễ, làm cho họ kính trọng.

- Nhờ giới thứ Tư, tâm ta không tà vạy, lưỡi ta không dối trá, điêu ngoa. Đối với người chung quanh, ta giữ được chữ tín, làm cho mọi người khỏi lo sợ, nghi ngờ vì ta.

- Nhờ giới thứ Năm, tâm ta được minh mẫn, miệng ta không nồng nặc hơi men, thân ta không loạn động. Đối với người chung quanh, ta không làm cho họ phải lo sợ, khổ vì con ma men hành hạ.

- Nhờ giới thứ Sáu, tâm ta không buông lung theo dục lạc, giác quan ta không dung chứa những

hình ảnh, mùi vị, âm thanh tà tạp, dâm ô... Đối với người chung quanh, ta không làm cho họ phải tập nhiễm những cảm giác không trong sạch, không thanh thoát.

- Nhờ có giới thứ Bảy, tâm ta không mống lên những niệm danh lợi, xa hoa, thân ta không bị dục lạc lôi cuốn. Đối với người chung quanh, ta dễ gần gũi, thân cận, vì không bị cái cao sang, phù phiếm bên ngoài ngăn cách.

- Nhờ giới thứ Tám, tâm ta được định tĩnh, sáng suốt; thân ta nhẹ nhàng, ít bệnh tật; đối với các loài chung quanh, như người nghèo đói, ngạ quỷ, súc sinh, ta không gây ra sự thèm khát, vì sự lục lạo ăn uống về đêm.

Bao nhiêu sự lợi ích cho mình và cho người mà chúng ta đã thu nhập được trong khoảng 24 giờ đồng hồ, thử hỏi có một pháp tu hành của người tại gia nào quý báu hơn thế nữa ?

2.- Bởi vậy Phật tử nên thực hành Bát-quan-trai giới

Phật tử tại gia mặc dù suốt ngày suốt tháng bận bịu về sinh kế làm ăn, mỗi tháng cũng nên sắp xếp việc nhà, vào chùa thọ Bát-quan-trai giới một vài lần. Nếu hoàn cảnh thuận lợi, có thể thọ giới được nhiều lần lại càng tốt.

Nếu không đủ điều kiện đến chùa, thì nên cố gắng thật hành y như lời Phật dạy, tu theo hạnh giải

thoát, rồi khuyên nhiều người thật hành theo, để cùng nhau tiến bước lên đường giải thoát, an vui.

HOÀNG PHÁP



PHỤ BÀI SỐ 10

NGHI THỨC

THỌ BÁT-QUAN-TRAI GIỚI

Theo phép thọ Bát-quan-trai giới, người thọ giới phải đến chùa cầu một thầy Tỳ-kheo trai giới thanh tịnh truyền cho. Về nghi thức có thầy truyền giới thì thứ lớp rất nhiều.

Ngoài trường hợp trên, nếu không có thuận tiện để cầu thầy truyền cho, thì phương tiện tự mình đối trước tượng Phật, theo phép như sau đây mà tự thọ.

Một điều cốt yếu, trước khi thọ giới, giới-tử phải sắp đặt chuyện nhà có người thay thế, không còn lo nghĩ việc gì ở thế gian cả, để cho tâm trí yên tịnh, như thế thì 24 giờ thọ giới mới được nhiều ích lợi. Muốn được ích lợi nhiều, giới-tử nên vào chùa thọ Bát-quan-trai giới tốt hơn.

Trước khi thọ giới, phải rửa tay, rửa mặt, súc miệng sạch sẽ, mặc áo tràng tề chỉnh, đến trước bàn thờ Phật, thắp ba cây hương rồi quỳ xuống, đọc bài cúng hương :

BÀI CÚNG HƯƠNG

Nguyện thử diệu hương vân
Biển mãn thập phương giới
Cúng dường nhưt thiết Phật
Tôn Pháp chư Bồ-tát
Vô biên Thịnh Văn chúng
Cập nhưt thiết Thánh Hiền
Duyên khởi quang minh đài
Xứng tánh tác Phật sự
Phổ huân chư chúng sanh
Giai phát Bồ-đề tâm
Viễn ly chư vọng nghiệp
Viên thành Vô thượng đạo

(Xá 3 xá, tiếp đọc bài khấn nguyện)

BÀI NGUYỆN

Tư thời đệ tử *(tên họ gì)* pháp danh *(pháp danh gì)* kim nhưt qui đầu Tam bảo phát nguyện thọ trì Bát-quan-trai giới, nhưt nhưt nhưt dạ. Duy nguyện thập phương chư Phật, chư Đại Bồ-tát, Hộ pháp thiện thần, từ bi gia hộ đệ tử thân tâm thanh tịnh, Phật sự viên thành.

(xá, đừng dậy cắm hương xướng lễ)

Nhứt tâm đánh lễ, tận hư không, biển pháp giới, quá, hiện, vị lai thập phương chư

Phật, Tôn Pháp, Hiền Thánh Tăng, Thường trú Tam bảo. (1 lạy).

Nhứt tâm đảnh lễ, Ta-bà Giáo chủ, Điều ngự Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Dương Lai Hạ sanh Di Lạc Tôn Phật, Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát, Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ-tát, Hộ Pháp Chư Tôn Bồ-tát, Linh Sơn Hội Thượng Phật Bồ-tát. (1 lạy).

Nhứt tâm đảnh lễ, Lạc Bang Giáo Chủ, Đại Từ, Đại Bi tiếp dẫn Đạo sư A Di Đà Phật, Đại bi Quán Thế Âm Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát, Đại Nguyên Địa Tạng Vương Bồ-tát, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát. (1 lạy).

(Đứng dậy chấp tay tụng bài Đại bi)

Nam Mô Đại Bi hội thượng Phật Bồ Tát (3 lần).

Thiên thủ thiên nhãn vô ngại Đại bi tâm đà la ni.

Nam mô hắc ra đác na đa ra dạ da. Nam mô a rị gia bà lô kiết đế, thước bát ra da, bồ-đề tát đỏa bà da, ma ha tát đỏa bà da, ma ha ca lô ni ca da.

Án tát bàn ra phạt duệ, số đát na đác tả. Nam mô tất kiết lật đỏa, y mông a rị da, bà lô kiết đế, thất Phật ra lăng đà bà.

Nam mô na ra cần trì hê rị, ma ha bàn đa sa
mế, tát bà a tha đậu du bằng, a thệ dựng, tát bà
tát đa, na ma bà dà, ma phạt dạt đậu, dát diệt tha.
Án a bà lô hê, lô ca đế, ca ra đế, di hê rị, ma ha
bồ-đề tát đỏa, tát bà tát bà, ma ra ma ra, ma hê,
ma hê, rị đà dựng, cu lô cu lô kiết mông, độ lô độ
lô, phạt xà da đế, ma ha phạt xà da đế, đà ra đà ra
địa rị ni, thất Phật ra da, dá ra dá ra. Mạ mạ phạt
ma ra mục đế lệ, y hê di hê, thất na thất na, a ra
sâm Phật ra xá lợi, phạt sa phạt sâm, Phật ra xá
da, hô lô hô lô ma ra, hô lô hô lô hê rị, ta ra ta ra,
tát rị tát rị, tô rô tô rô, bồ-đề dạ bồ-đề dạ, bồ đà
dạ, bồ đà dạ, di đế rị dạ, na ra cần trì, địa rị sắc ni
na, ba dạ ma na ta bà ha. Tát đà dạ ta bà ha. Ma
ha tát đà dạ ta bà ha, Tát đà đủ nghê, thất bàn ra
dạ, ta bà ha. Na ra cần trì, ta bà ha. Ma ra na ra ta
bà ha. Tát ra tăng a mục khô gia ta bà ha. Ta bà
ma ha, a tát đà dạ, ta bà ha. Giả kiết ra a tát đà dạ
ta bà ha. Ba đà ma yết tát đà dạ ta bà ha. Na ra
cần trì bàn đà ra dạ ta bà ha. Ma bà lợi thắng kiết
ra dạ ta bà ha.

Nam mô hắc ra dát na, đa ra dạ gia. Nam
mô a rị gia bà lô kiết đế, thướt bàn ra dạ ta bà
ha. Án tát điện đô mạn đa ra, bạt đà dạ ta bà ha.

Nam mô thập phương thường trụ Tam bảo
(3 lần).

(Qui xuống chấp tay đọc bài Sám hối)

BÀI SÁM HỐI

Đệ tử đã làm các nghiệp ác,
Đều do vô trí Tham, Sân, Si,
Từ thân, miệng, ý mà sanh ra
Tất cả đệ tử xin sám hối

(Đọc 3 lần rồi đứng dậy)

Nam mô Cầu sám hối Bồ-tát Ma ha tát

(3 lần, lạy 3 lạy)

*(Lạy xong quỳ xuống chắp tay đọc bài
phát nguyện thọ Bát-quan-trai giới)*

BÀI PHÁT NGUYỆN THỌ GIỚI :

MỘT LÀ NGUYỆN GIỮ GIỚI KHÔNG SÁT SANH

Đệ tử thê trọn một ngày đêm nay, nguyện giữ giới không sát hại các loại sanh vật. Tự mình không sát hại, không bảo người sát hại, hoặc thấy người khác sát hại cũng không sanh tâm vui mừng. *(1 xá)*

HAI LÀ NGUYỆN GIỮ GIỚI KHÔNG TRỘM CƯỚP

Đệ tử thê trọn một ngày đêm nay, nguyện giữ giới không trộm cướp của cải mọi người. Tự mình không trộm cướp, không bảo người trộm cướp, hoặc thấy người khác trộm cướp cũng không sanh tâm vui mừng. *(1 xá)*

BA LÀ NGUYỆN GIỮ GIỚI KHÔNG DÂM DỤC

Đệ tử thể trọn một ngày đêm nay, nguyện giữ giới không phá phạm hạnh (*không dâm dục*). Tự mình không phá phạm hạnh, không bảo người phá phạm hạnh, hoặc thấy người khác phá phạm hạnh cũng không sanh tâm vui mừng. (1 xá)

BỐN LÀ NGUYỆN GIỮ GIỚI KHÔNG NÓI DỐI

Đệ tử thể trọn một ngày đêm nay, nguyện giữ giới không nói dối. Tự mình không nói dối, không bảo người nói dối, hoặc thấy người khác nói dối cũng không sanh tâm vui mừng. (1 xá)

NĂM LÀ NGUYỆN GIỮ GIỚI KHÔNG UỐNG RƯỢU

Đệ tử thể trọn một ngày đêm nay, nguyện giữ giới không uống rượu. Tự mình không uống rượu, không bảo người uống rượu, hoặc thấy người khác uống rượu cũng không sanh tâm vui mừng. (1 xá)

SÁU LÀ NGUYỆN GIỮ GIỚI KHÔNG TRANG ĐIỂM VÀ CA HÁT

Đệ tử thể trọn một ngày đêm nay, nguyện giữ giới không đeo bông, xoa hương, ca xướng, múa hát. Tự mình không trang điểm, ca hát, không bảo người trang điểm ca hát, hoặc thấy người khác trang điểm ca hát cũng không sanh tâm vui mừng. (1 xá)

BẢY LÀ NGUYỆN GIỮ GIỚI KHÔNG NẪM NGỒI GIƯỜNG CAO TỐT

Đệ tử thê trọn một ngày đêm nay, nguyện giữ giới không nằm ngời giường cao tốt. Tự mình không nằm ngời giường cao tốt, không bảo người nằm ngời giường cao tốt, hoặc thấy người khác nằm ngời giường cao tốt cũng không sanh tâm vui mừng. (1 xá)

TÁM LÀ NGUYỆN GIỮ GIỚI KHÔNG ĂN PHI THỜI

Đệ tử thê trọn một ngày đêm nay, nguyện giữ giới không ăn phi thời. Tự mình không ăn phi thời, không bảo người ăn phi thời, hoặc thấy người khác ăn phi thời cũng không sanh tâm vui mừng. (1 xá)

(Đứng dậy xướng ba lần)

Nam mô Công Đức Lâm Bồ-tát Ma ha tát.

(Mỗi lần 1 lạy, đứng dậy chấp tay tụng bài Bát-nhã Tâm Kinh)

Ma-ha Bát-nhã Ba-la Mật-đa Tâm-kinh.

Quán-Tự-Tại Bồ-tát, hành thâm Bát-nhã Ba-la Mật-đa thời, chiếu kiến ngũ-uẩn giai không, độ nhưt thiết khổ ách.

Xá lợi-Tử, Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc; thọ, tưởng, hành, thức diệc phục như thị.

Xá lợi-Tử ! Thị chư pháp không tướng, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm, thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tướng, hành, thức; vô nhân, nhĩ, tử, thiết, thân, ý; vô sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp; vô nhân giới, nãi chí vô ý thức giới; vô Vô-minh, diệt vô Vô-minh tận, nãi chí vô lão tử, diệt vô lão tử tận; vô khổ, tập, diệt, đạo, vô trí diệt vô đắc; dĩ vô sở đắc cố. Bồ-đề tát đỏa y Bát nhã Ba-la-mật đa cố tâm vô quái ngại. Vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết-bàn. Tam thế chư Phật, y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố đắc A-Nậu Đa-la Tam-miệu tam Bồ-đề.

Cố tri Bát-nhã Ba-la-mật-đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhưث thiết khổ, chơn thiết bất hư.

Cố thuyết Bát-nhã Ba-la-mật-đa chú, tức thuyết chú viết : “Yết đế yết đế, Ba-la yết-đế, Ba-la-tăng yết-đế, Bồ-đề tát bà-ha”.

VÃNG SANH THÂN CHÚ

Nam mô A di đà bà dạ, đà tha dà đa dạ, đa
điệt dạ tha, a di rị đô bà tỳ, a di rị đa tất đàm bà
tỳ, a di rị đa tỳ ca lan đế, a di rị đa tỳ ca lan đa,
dà di nị, dà dà na, chỉ đa ca lệ, ta bà ha. (3 lần)

TIÊU TAI KIẾT TƯỜNG THÂN CHÚ

Năng mô tam mãn đa mẫu đà nắm. A bát
ra đề, hạ đa xá ta nản nắm, đác điệt tha. Án
khê khê, khê hế, khê hế, hồng hồng, nhập phạ
ra, nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra, bát ra
nhập phạ ra, để sắc sá, để sắc sá, sắc trí rị, sắc
trí rị, ta phán tra, ta phán tra, phiến đề ca, thất
rị duệ, ta bà ha. (3 lần)

HÔI HƯƠNG

Thọ giới công đức thù thắng hạnh,
Vô biên thắng phước giai hồi hương,
Phổ nguyện pháp giới chư chúng sanh,
Tốc vãng Vô lượng quang Phật sát.

Nguyện tiêu tam chướng trừ phiền não,
Nguyện đắc trí huệ chơn minh liễu,
Phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ,
Thế thế thường hành Bồ-tát đạo.

**Nguyện sanh Tây phương Tịnh độ trung,
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu,
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh,
Bất thối Bồ-tát vi bạn lữ.**

**Nguyện dĩ thử công đức,
Phổ cập ư nhứt thiết,
Ngã đẳng giữ chúng sanh,
Giai cộng thành Phật đạo.**

**Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh,
thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm.**

(1 lạy)

**Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sanh,
thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải.**

(1 lạy)

**Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh,
thống lý đại chúng, nhứt thiết vô ngại. *(1 lạy)***

(Xá 3 xá lui ra)

NGHI THỨC THỌ TRAI

Ngồi tề chỉnh, tay trái co ngón giữa, ngón áp, còn ba ngón dựng thẳng, để chén cơm lên; tay mặt kiết ấn cam-lồ (*ngón cái bên tay phải đè lên ngón áp*) để dựa ngang phía trong miệng chén rồi xướng :

**Cúng dường Thanh tịnh pháp thân Tỳ Lô
Giá Na Phật.**

Viên mãn báo thân Lô Xá Na Phật.

Thiên bá ức hóa thân Thích Ca Mâu ni Phật.

Đương lai hạ sanh Di Lạc Tôn Phật.

Cực Lạc Thế giới A Di Đà Phật.

Thập phương tam thế nhưt thiết chư Phật.

Đại trí Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát.

Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ-tát.

Đại Bi Quan Thế Âm Bồ-tát.

Chư Tôn Bồ-tát Ma ha tát.

Ma ha Bát nhã ba-la-mật.

**Tam đức, lục vị, cúng Phật cập Tăng pháp
giới hữu tình, phổ đồng cúng dường, nhược
phạn thực thời, đương nguyện chúng sanh
thiền duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn.**

(Cúng dường rồi để bát xuống)

XUẤT SANH :

Lấy cái chén nhỏ múc chút nước, để trong lòng bàn tay trái, gắp 7 hột cơm để trong chén; tay mặt kiết ấn cam lồ, đặt trên chén cách một tấc, mặc niệm :

**Pháp luật bất tư nghi,
Từ bi vô chướng ngại,
Thất liệp biến thập phương,
Phổ thí châu sa giới,
Án, độ lợi ích tóa ha. (7 lần)**

Tay bắt ấn viết bóng hai chữ “Án lam” rồi khảy móng tay trên chén ba lần, đưa thị giả đem ra trước, để trên một cái bàn nhỏ, đọc kệ chú :

**Đại bàn kim Sí diệu,
Khoáng dã quý thần chúng,
La sát quý tử mẫu,
Cam lồ tất sung mãn.
Án, mục lực lãng tóa ha. (7 lần)**

BƯNG CHÉN CƠM

Hai tay, mỗi tay co hai ngón sau, còn sáu ngón bưng chén cơm ngang rân, đọc thầm :

**Chấp trì ứng khí đương nguyện chúng
sanh, thành tựu pháp thí thọ thiên chơn cúng.**

Án, chỉ rị, chỉ rị phạ nhựt ra hồng phẩn tra.
(3 lần)

TAM ĐỀ

(Ăn ba miếng đầu tiên)

Miếng thứ nhất (niệm thầm) :

Nguyện đoạn nhứt thiết ác.

Miếng thứ hai (niệm thầm) :

Nguyện tu nhứt thiết thiện.

Miếng thứ ba (niệm thầm) :

Thệ độ nhứt thiết chúng sanh.

Trong khi ăn phải tưởng năm pháp quán này :

Nhứt kế công đa thiếu, lượng bĩ lai xứ.

Nhị thốn kỷ đức hạnh, toàn khuyết ứng cúng.

Tam phòng tâm ly quá, tham đẳng vi tông.

Tứ chánh sự lương được, vị liệu hình khô.

**Ngũ vị thành đạo nghiệp, phương thọ thử
thực.**

TƯỚC DƯƠNG CHI

(Ăn cơm xong xỉa răng đọc chú này)

**Tước dương chí thời, dương nguyện chúng
sanh, thân tâm đều tịnh, phệ chư phiền não.**

**Án, a mộ đà ni ma lệ, nhĩ phạ ca ra, tăng
du đà nễ, bát đầu na, câu ma ra, nhĩ phạ ca ra
tăng thân đà da, đà ra đà ra, tố di ma lệ, tá phạ
ha. (3 lần)**

ẨM THỦY KỆ CHÚ

(Uống nước đọc chú này).

Phật quán nhứt bát thủy, bát vạn tứ thiên trùng, nhược bát trì thử chú, như thực chúng sanh nhục.

Án phạt tất ba ra, ma ni tá ha. (3 lần)

TRAI KỆ CHÚ

(Ăn cơm uống nước xong tụng chú này)

Nam mô tát đa nẫm, tam miệu tam bồ đà, câu chi nẫm, đát điệt tha. Án chiếc lệ, chủ lệ chuẩn đề ta bà ha. (7 lần)

Sở vị bố thí giả, tất hoạch kỳ lợi ích, nhược vị lạc bố thí, hậu tất đắc an lạc.

Phạn thực dĩ ngật, đương nguyện chúng sanh, sở tác giai biện, cụ chư Phật Pháp.

PHỤC NGUYỆN

Thân phi nhứt lữ, thường tư chức nữ chi lao; nhứt thực tam xang, mỗi niệm nông phu chi khổ. Phổ nguyện hiện tiền tứ chúng phước huệ song tu, một hậu đắc Di-Đà thọ ký; âm siêu dương thối, pháp giới chúng sanh tề thành Phật đạo.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

(Lược trích nghi thức thọ trai này để cho các Phật tử tại gia dùng, trong khi thọ Bát-quan-trai)

NGHI THỨC

XẢ BÁT-QUAN-TRAI GIỚI

Sau 24 giờ đồng hồ (đúng như giờ thọ giới), người thọ giới thỉnh Giới sư lên chùa ngồi một bên. Người thọ giới lạy Giới sư một lạy rồi quỳ xuống chấp tay bạch rằng :

**“Đại đức một lòng nghĩ, con pháp danh là...
đã nguyện thọ Bát-quan-trai giới, giữ trọn một
ngày đêm. Bạch Đại đức ! Nay con xin xả giới”.**

(Bạch xong, lạy một lạy lui ra)

Nếu không có Giới sư, tự mình làm lễ xả giới thì nên theo nghi thức sau này.

Đến trước Tam bảo, thấp hương quỳ xuống khấn nguyện :

Pháp xương Vô thượng tôn,

Tam giới vô luân thất,

Thiên nhưn chi Đạo sư,

Tứ sanh chi Từ phụ.

Ư nhứt niệm quy y,

Năng diệt tam kỳ nghiệp,

Xưng dương nhược tán thán,

Ức kiếp mạc năng tận

Tư thời đệ tử (tên họ gì) pháp danh (pháp danh gì) ư nhứt nhứt nhứt dạ, phát nguyện thọ trì Bát-quan-trai giới, công huân dĩ mãn, nguyện lực châu toàn. Nguyện thập phương chư

Phật, chư đại Bồ-tát, chư vị Thiện-thần, từ bi gia hộ, đệ tử sanh sanh đắc phùng Phật-pháp, đắc trị thiện duyên, cập nhứt thiết chúng sanh đồng thành Phật-đạo. (1xá, đứng dậy)

Nam mô Hộ-giới-tạng Bồ-tát Ma-ha-tát

(xướng ba lần, lạy ba lạy)

(Đứng dậy tụng Bát-nhã)

Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm-kinh.

Quán-Tự-Tại Bồ-tát, hành thâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt thiết khổ ách.

Xá lợi-Tử ! Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc; thọ, tưởng, hành, thức diệc phục như thị.

Xá lợi-Tử ! Thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm, thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tướng, hành, thức; vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; vô-nhãn-giới, nãi chí vô-ý-thức giới; vô vô-minh, diệc vô vô-minh tận, nãi chí vô lão tử diệc vô lão tử tận; vô Khổ Tập, Diệt, Đạo; vô Trí diệc vô Đắc, dĩ vô sở đắc cố. Bồ-đề tát-đỏa y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố tâm vô quái ngại; vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết-bàn. Tam thế chư Phật y Bát-nhã Ba-la-mật-đa

cổ, đắc A-nậu Đa-la Tam-miệu tam Bồ-đề. Cố tri Bát-nhã Ba-la-mật-đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ, chơn thiệt bất hư; cố thuyết Bát-nhã Ba-la-mật-đa chú.

Tức thuyết chú viết :

“Yết đế yết đế, Ba la yết đế,
Ba la tăng yết đế, Bồ-đề tát bà ha”.

VÃNG SANH THÂN CHÚ

Nam mô A di đà bà dạ, đa tha dà đa dạ, đa
diệc đa tha, a di rị đô bà tì, a di rị đa tất đam bà
tì, a di rị đa tì ca lan đế, a di rị đa tì ca lan đa đà
di nị, dà dà na, chỉ đa ca lệ ta bà ha. (3 lần)

TÁN PHẬT

A Di Đà Phật thân kim sắc
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân
Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu-Di
Cám mục trùng thanh tứ đại hải,
Quang trung hóa Phật vô số ức,
Hóa Bồ-tát chúng diệc vô biên,
Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh,
Cửu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn
Nam mô Tây phương Cực lạc Thế-giới
Đại-Từ Đại-Bi, tiếp dẫn Đạo-sư A Di Đà Phật.
Nam mô A Di Đà Phật (108 lần)
Nam mô Quán-Thế-Âm Bồ-tát (10 lần)

Nam mô Đại-Thế-Chí Bồ-tát (10 lần)

Nam mô Địa-Tạng-Vương Bồ-tát (10 lần)

Nam mô Thanh-tịnh Đại-Hải-Chúng Bồ-tát
(10 lần)

(Quy xuống chấp tay đọc bài Phổ-Hiền hạnh nguyện)

**Đệ tử chúng đấng, tùy thuận tu tập,
Phổ Hiền Bồ-tát, thập chủng đại nguyện :
Nhứt giả lễ kính chư Phật,
Nhị giả xưng tán Như Lai
Tam giả quảng tu cúng dường,
Tứ giả sám hối nghiệp chướng,
Ngũ giả tùy hỷ công đức,
Lục giả thỉnh chuyển pháp-luân,
Thất giả thỉnh Phật trụ thế,
Bát giả thường tùy Phật học,
Cửu giả hằng thuận chúng sanh,
Thập giả phổ giai hồi hướng.**

THẤT PHẬT DIỆT TỘI CHƠN NGÔN

Ly bà ly bà đế, cầu ha cầu ha đế, đà ra ni
đế, ni ha ra đế, tỳ lê nê đế, ma ha dà đế, chơn
lăng càn đế ta ba hà. (3 lần)

**Nguyện dĩ thử công đức,
Trang nghiêm Phật Tịnh-độ,
Thượng báo tứ trọng ân,
Hạ tế Tam-đồ khổ,**

**Nhược hữu kiến văn giả,
Tất phát Bồ-đề tâm,
Tận thử nhưt báo thân,
Vãng sanh An-Lạc sát.**

(Đừng dậy xuống lạy)

- Đệ tử đại vị nhưt thiết Sư trưởng ân, chí tâm đánh lễ, Nam mô Tận Hư không, biến pháp giới, quá, hiện, vị lai, thập phương chư Phật, Tôn Pháp, Hiền Thánh Tăng, thường trú Tam bảo. *(1 lạy)*

- Đệ tử đại vị nhưt thiết Phụ mẫu ân, chí tâm đánh lễ, Nam mô Ta-Bà Giáo Chủ Điều Ngự Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Long Hoa Giáo Chủ Đương Lai Hạ sanh Di Lạc Tôn Phật, Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ-Tát, Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ-Tát, Linh Sơn Hội Thượng Phật Bồ-Tát. *(1 lạy)*

- Đệ tử đại vị tam đồ thọ khổ, cập pháp giới, nhưt thiết chúng sanh, chí tâm đánh lễ, Nam mô Tây phương Cực lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi tiếp dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật, Đại Bi Quán Thế Âm Bồ-Tát, Đại Thế Chí Bồ-Tát, Liên Trì Hải Hội Phật Bồ-Tát. *(1 lạy)*

(xá 3 xá, lui)



KỶ LUẬT
TU BÁT-QUAN-TRAI GIỚI
TRONG 24 GIỜ

1. Không được ra ngoài phạm vi đại-giới
(trong vườn chùa, hoặc vườn nhà mình).
2. Không nên tiếp khách và nói chuyện lớn
tiếng.
3. Bớt nói chuyện, không ăn trầu và hút
thuốc.
4. Oai nghi cử chỉ phải giữ gìn cẩn thận.
5. Phải giữ đúng giờ tu tập
6. Không nên nghĩ đến việc nhà hoặc việc
thế tục.
7. Phải nhứt tâm niệm Phật.

Những ngày thọ Bát-Quan-Trai giới, tùy theo hoàn cảnh của mỗi người, trong mỗi tháng thọ 1 ngày cho đến sáu ngày : mồng 8, 14, 23, 29 và 30 (tháng thiếu thì 28 và 29). Nếu người mắc làm việc thì thọ ngày chủ nhứt cũng được. Nếu Phật tử mỗi lần phát nguyện tu trong 24 giờ, giữ trai giới cho thanh tịnh thì công đức ấy về sau sẽ được quả Niết-bàn.

CHƯƠNG TRÌNH

TU BÁT-QUAN-TRAI GIỚI

TRONG MỘT NGÀY MỘT ĐÊM (24 giờ)

BUỔI MAI	:	6 giờ sáng	Thọ giới
—	:	7 giờ	Ăn điểm tâm
—	:	8 giờ	Sám hối
—	:	9 giờ	Xem Kinh
—	:	10 giờ	Niệm Phật
—	:	12 giờ	Thọ Trai
—	:	12 giờ 30	Kinh hành niệm Phật
BUỔI CHIỀU	:	1 giờ 30	Chi tịnh (nghỉ)
—	:	3 giờ	Tụng Kinh
—	:	4 giờ	Xem Kinh
—	:	5 giờ	Niệm Phật
—	:	6 giờ	Dùng nước (sữa hoặc nước cháo)
BUỔI TỐI	:	7 giờ	Tịnh độ
—	:	8 giờ	Học
—	:	10 giờ 15	Quán số tức
—	:	10 giờ 40	Nghỉ
—	:	4 giờ khuya	Tịnh Niệm (Niệm Phật)
—	:	4 giờ 30	Công phu
—	:	6 giờ	Làm lễ xả giới

